



BẢN CÁO BẠCH

ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

**TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
NAM SÔNG HẬU**

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300177249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 14/02/2012 và thay đổi lần thứ 18 ngày 13/3/2020)

Trụ sở chính: Ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Văn phòng đại diện: H3 11-12 đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thạnh Thuận, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ

Điện thoại: (84-292) 6 547978/537979/536688 Fax: (84-292) 3 842373/ 6 536688

Website: <http://nshpetro.vn>

Hậu Giang, tháng 05/2020

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ DẦU KHÍ NAM SÔNG HẬU

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 6300177249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 14/02/2012 và thay đổi lần thứ 18 ngày 13/3/2020)



NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

(Quyết định đăng ký niêm yết số: 263/SGDHCM-QĐ do Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19 tháng 5 năm 2020)

BẢN CÁO BẠCH VÀ CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ – CN TP. HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: Lầu 1 tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại:(84-28) 3914 6789Fax: (84-28) 3914 6969

Website: <https://www.psi.vn>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ DẦU KHÍ NAM SÔNG HẬU

Địa chỉ: Ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

Điện thoại: (84-292) 6 547978/537979/536688Fax: (84-2929) 3 842373/6 536688

Website: <http://nshpetro.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Mai Thanh Nhân; Chức vụ: Nhân viên Phòng Quan hệ công chúng

Điện thoại: 0919 879 172

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
NAM SÔNG HẬU**

(Giấy chứng nhận ĐKDN số 6300177249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 14/02/2012 và thay đổi lần thứ 18 ngày 13/03/2020)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu
Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông
Mã cổ phiếu : PSH
Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
Tổng số lượng niêm yết : 126.196.780 cổ phiếu
Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá : 1.261.967.800.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN BCTC:

Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Trụ sở chính : Tầng 12 tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 3 7425 888
Fax : (84-24) 3 7578 666
Website : www.kiemtoanttp.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ : Lầu 1 tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84-28) 3914 6789
Fax : (84-28) 3914 6969
Website : www.psi.vn

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU	6
NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	8
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế	8
1.1 Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới	8
1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam	9
1.3. Lạm phát.....	11
1.4. Lãi suất	12
1.5. Tỷ giá.....	13
2. Rủi ro pháp lý.....	14
3. Rủi ro về biến động giá trên Thị trường chứng khoán.....	14
4. Rủi ro tăng vốn điều lệ nhanh	15
5. Rủi ro mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh	15
6. Rủi ro đặc thù.....	15
6.1 Rủi ro biến động giá xăng dầu	15
6.2 Rủi ro trong cơ chế điều hành giá xăng dầu.....	16
6.3 Rủi ro cháy nổ và ô nhiễm môi trường	17
6.4 Rủi ro cạnh tranh	17
7. Rủi ro khác	18
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	18
1. Tổ chức niêm yết.....	18
2. Tổ chức tư vấn.....	18
III. CÁC KHÁI NIỆM	19
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	21
1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển.....	21
1.1 Thông tin chung về Công ty.....	21
1.2 Ngành nghề kinh doanh	22
1.3 Quá trình hình thành và phát triển.....	24

1.4	Quá trình tăng vốn điều lệ.....	26
2.	Cơ cấu tổ chức của Công ty	31
3.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	34
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty	45
4.1	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	45
4.2	Cơ cấu cổ đông của Công ty	46
4.3	Cơ cấu cổ đông sáng lập	46
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết	47
6.	Hoạt động kinh doanh	52
6.1	Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty	52
6.2	Cơ cấu doanh thu.....	79
6.3	Nguyên vật liệu	85
6.4	Chi phí sản xuất.....	86
6.5	Trình độ công nghệ	89
6.6	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới.....	93
6.7	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ	93
6.8	Hoạt động Marketing	95
6.9	Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	95
6.10	Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	96
7.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2018 – 2019.....	98
7.1	Kết quả hoạt động SXKD của Công ty	98
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	100
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	102
8.1	Vị thế của Công ty trong ngành	102
8.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	103
8.3	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới	105
9.	Chính sách đối với người lao động	105
9.1	Tình hình lao động	105

9.2	Chính sách đối với người lao động	106
10.	Chính sách cổ tức	107
11.	Tình hình tài chính của Công ty	107
11.1	Trích khấu hao tài sản cố định	108
11.2	Thanh toán các khoản nợ đến hạn	109
11.3	Các khoản phải nộp theo luật định	109
11.4	Trích lập các quỹ theo luật định	110
11.5	Tổng dư nợ vay	111
11.6	Tình hình công nợ của Công ty	114
11.7	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	122
12.	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng	124
12.1	Hội đồng quản trị	124
12.2	Ban Tổng Giám đốc	132
12.3	Ban Kiểm soát	137
12.4	Kế toán trưởng	141
13.	Tài sản	142
13.1	Hiện trạng sử dụng đất	142
13.2	Chi phí xây dựng dở dang	143
13.3	Hiện trạng sử dụng đất	144
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo	146
14.1	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo	146
14.2	Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo	146
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	150
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết	151
17.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty	151
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	151
1.	Loại chứng khoán	151
2.	Mệnh giá	151
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết	151
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết	151

5.	Phương pháp định giá	153
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)	155
7.	Các loại thuế có liên quan	156
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	159
1.	Tổ chức tư vấn.....	159
2.	Tổ chức kiểm toán.....	159
VII.	PHỤ LỤC	160

DANH MỤC SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ VÀ BẢNG BIỂU

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2011 – 2019	10
Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2011 – 2019	12
Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty	31
Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty.....	35
Sơ đồ 3: Sơ đồ quy trình công nghệ chưng cất condensate cụm tháp T-101 (cụm tháp T-301 tương tự).....	89
Sơ đồ 4: Sơ đồ quy trình sản xuất hệ thống chưng cất áp suất cao T-201.....	91
Bảng 1: Bảng thông tin về các chi nhánh của Công ty	32
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty tại ngày 21/01/2020.....	45
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 21/01/2020	46
Bảng 4: Bảng thông tin và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty tại các công ty con	47
Bảng 5: Tình hình doanh thu, lợi nhuận của các công ty con các năm gần đây.....	51
Bảng 6: Danh mục các sản phẩm chính của Công ty	53
Bảng 7: Danh sách hệ thống bán lẻ của Công ty	55
Bảng 8: Sản lượng doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm.....	66
Bảng 9: Danh sách các kho Công ty đang giữ hàng hóa	68
Bảng 10: Bảng kê danh mục tàu xe	71
Bảng 11: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2018 –Q1.2020 của Công ty.....	79
Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2018 –Q1.2020 của Công ty	81
Bảng 13: Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty	83
Bảng 14: Một số đối tác cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty	85
Bảng 15: Chi phí giai đoạn 2018 – Q1.2020 của Công ty.....	86
Bảng 16: Một số hợp đồng lớn đã đang thực hiện.....	96
Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty	98
Bảng 18: Bảng so sánh các công ty trong ngành	103
Bảng 19: Cơ cấu lao động của Công ty mẹ tại ngày 31/03/2020	105
Bảng 20: Tình hình chi trả cổ tức trong các năm gần đây.....	107

Bảng 21: Thống kê một số tài sản cố định hữu hình lớn của Công ty tại thời điểm 31/03/2020	108
Bảng 22: Chi tiết các khoản phải nộp Nhà nước	109
Bảng 23: Chi tiết các quỹ của Công ty	111
Bảng 24: Chi tiết các khoản nợ vay của Công ty	111
Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty	114
Bảng 26: Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác của Công ty	116
Bảng 27: Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2018 – 2019 Công ty	117
Bảng 28: Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/03/2020	118
Bảng 29: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty	120
Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty	122
Bảng 31: Tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2020	142
Bảng 32: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty	143
Bảng 33: Bảng Thống kê bất động sản lớn của Công ty tại ngày 31/12/2019	144
Bảng 34: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty	146
Bảng 35: Danh sách người sở hữu cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	152

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô với các yếu tố cơ bản tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái v.v... Sự biến động của các yếu tố này thường mang tính tác động hệ thống tới đa số các ngành nghề trong nền kinh tế. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành của doanh nghiệp.

1.1 Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Sự bất ổn về kinh tế thế giới kể từ khi nước Anh quyết định rời khỏi Liên minh Châu Âu (Brexit) không chỉ dẫn đến đồng Bảng có đợt sụt giảm tồi tệ nhất, chỉ trong một ngày mất hơn 10% giá trị so với đồng Đô la Mỹ, và ở mức thấp kỷ lục trong vòng 32 năm trở lại đây mà còn làm chậm quá trình tăng trưởng kinh tế thế giới; gia tăng khuynh hướng bảo hộ, cản trở tốc độ tăng trưởng thương mại đầu tư toàn cầu trong dài hạn. Thương mại quốc tế và các hoạt động sản xuất đang sụt giảm trong khi căng thẳng thương mại ngày càng leo thang, đồng thời một số nền kinh tế mới nổi đang chịu sức ép từ thị trường tài chính. Năm 2019, thế giới trải qua những biến động khó lường về an ninh nói chung, trong đó có an ninh kinh tế, khiến các tổ chức kinh tế - tài chính thế giới và khu vực buộc phải điều chỉnh hạ dự báo tăng trưởng.

Ngày 09/01/2020, Ngân hàng Thế giới (WB) cho biết kinh tế thế giới năm 2019 có tốc độ tăng trưởng yếu nhất 10 năm kể từ khủng hoảng tài chính toàn cầu. Trong báo cáo triển vọng kinh tế thế giới, WB hạ dự báo tăng trưởng 0,2% đối với năm 2019 và 2020 xuống còn 2,4% và 2,5%. Tăng trưởng thương mại được dự báo cải thiện từ 1,4% năm 2019 (thấp nhất kể từ giai đoạn 2008 - 2009) lên 1,9% trong năm 2020. Tuy nhiên, con số này vẫn thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 5% tính từ năm 2010 và rất dễ bị ảnh hưởng bởi các bất ổn thương mại và căng thẳng chính trị. Triển vọng của các nền kinh tế phát triển, đang phát triển và mới nổi cũng khác biệt. Tăng trưởng tại Mỹ, khu vực đồng tiền chung châu Âu và Nhật Bản dự báo sẽ giảm tốc từ 1,6% năm 2019 xuống còn 1,4% năm 2020. Ngược lại tăng trưởng tại các nền kinh tế mới nổi dự báo tăng từ 4,1% năm 2019 lên 4,3% năm 2020. Tăng trưởng trong khu vực Đông Á và Thái Bình Dương được dự báo sẽ chững lại, chỉ còn 5,7% vào năm 2020, do tăng trưởng tại Trung Quốc tiếp tục giảm xuống 5,9% trong năm nay với khó khăn trong nước và bên ngoài tiếp tục diễn ra bao gồm tác động kéo dài của căng thẳng thương mại. Tăng trưởng của khu vực, ngoại trừ Trung Quốc, được dự báo sẽ khôi phục nhẹ lên 4,9% do sức cầu trong nước được hưởng lợi nhờ tình hình tài chính khá thuận lợi, lạm phát thấp,

đồng vốn đầu tư đổ mạnh vào một số quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Tuy nhiên, trước những ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên toàn cầu, theo Báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới được công bố ngày 14/04/2020, Quỹ tiền tệ quốc tế IMF đã giảm tỷ lệ tăng trưởng kinh tế toàn cầu xuống -3% cho năm 2020, thấp hơn 6,3% so với mức dự báo đưa ra vào tháng 01/2020. Trong đó các cường quốc kinh tế hàng đầu đều oằn mình trước tác động của dịch bệnh: tăng trưởng GDP dự báo giảm còn -5,9% từ mức 2,3% năm ngoái. Dự báo với Trung Quốc cũng giảm xuống 1,2% so với con số 6,1% của năm 2019.

Nhìn sang năm 2021, IMF tin rằng kinh tế thế giới sẽ phục hồi sau đại dịch với tỷ lệ tăng trưởng GDP năm 2021 dự kiến tăng lên 5,8%, với nhóm các nước phát triển chậm mốc tăng trưởng 4,5%, trong khi các nước mới nổi và đang phát triển sẽ tăng vọt với con số 6,6%.

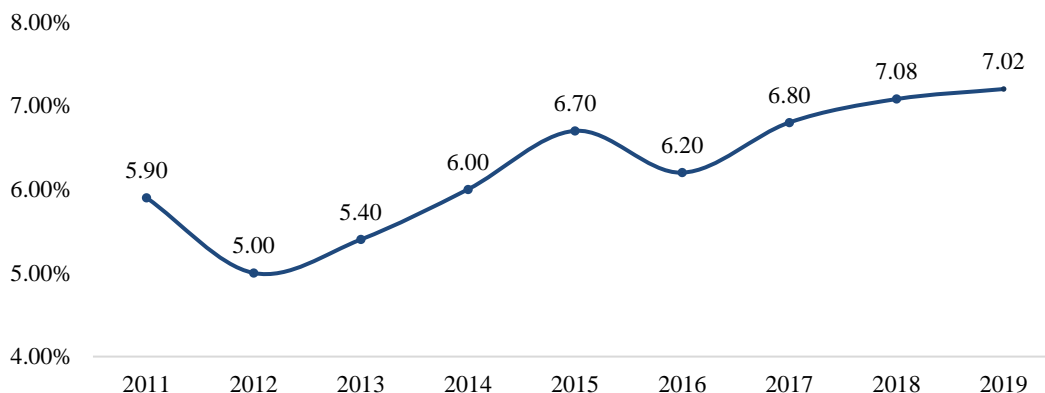
Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu xăng dầu, do vậy những tác động trên thế giới cũng không chỉ tác động tới nền kinh tế trong nước nói chung mà còn ảnh hưởng tới Công ty nói riêng.

1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành và lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Từ sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào ngày 11/01/2007, Việt Nam đã tham gia và đàm phán những Hiệp định đa phương và song phương với các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới, điển hình là hình thành Cộng đồng Kinh tế Asean (AEC), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực giữa 10 nước ASEAN và 06 nước đối tác (RCEP), các Hiệp định thương mại tự do (FTA)... Những Hiệp định này sẽ là cơ hội để Việt Nam hội nhập và nền kinh tế ngày càng tăng trưởng.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2011 – 2019



(Nguồn: Tổng hợp)

Năm 2017, Việt Nam có mức tăng trưởng ấn tượng 6,8% (cao nhất từ 2011). Quy mô nền kinh tế theo giá hiện hành 2017 đã đạt trên 5 triệu tỷ đồng, trong đó khu vực công nghiệp – xây dựng tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn nhất với 74%. GDP bình quân đầu người đạt 53,5 triệu đồng/năm (tương đương 2.385 USD), tăng 7,7% so với năm 2016. Tổng vốn FDI giải ngân trong năm 2017 tăng 10,8% so với năm 2016. Tổng mức lưu chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu cũng đạt mốc 400 tỷ USD, thặng dư thương mại đạt 2,67 tỷ USD¹

Sau khi đạt mức tăng trưởng 6,8% năm 2017, tăng trưởng GDP năm 2018 đã lên đến 7,08% là mức tăng kỷ lục kể từ năm 2008 trở lại đây. Kim ngạch xuất khẩu năm 2018 đạt 244,7 tỷ USD (Tăng tới 13,8% so với năm 2017) và đã vượt mục tiêu Quốc hội đề ra là tăng 7% – 8%. Việt Nam đã xuất siêu tới 7,2 tỷ USD – mức giá trị xuất siêu lớn nhất từ trước đến nay. Cũng trong năm 2018, số doanh nghiệp thành lập mới cũng lập kỷ lục khi có tới 131.275 doanh nghiệp ra đời với tổng số vốn đăng ký là 1,4 triệu tỷ đồng².

Tuy nhiên, thực tế GDP bình quân đầu người năm 2018 của Việt Nam chỉ đạt khoảng 2.587 USD, có tăng 198 USD so với năm 2017 nhưng vẫn ở mức thấp so với các nước trong khu vực (Malaysia 9.994 USD, Thái Lan 6.593 USD năm 2017 theo giá hiện hành). Cùng với đó, Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) đã thay đổi cách thức đánh giá và xếp hạng năng lực cạnh tranh toàn cầu, chú trọng tới yếu tố thúc đẩy tăng trưởng dài hạn và nâng cao thu nhập của người dân, chỉ số này có tên Năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0 (GCI 4.0). Để nâng hạng GCI 4.0, Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam đã nhìn nhận vấn đề và đề ra các biện pháp quyết liệt như tập trung cải thiện thể chế, cải thiện môi trường kinh doanh, ứng dụng công

¹ Tổng cục Thống kê – Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam 2017

² Tổng cục Thống kê – Tổng quan kinh tế - xã hội Việt Nam 2018

nghe thông tin rộng rãi, nâng cao hiệu quả các thị trường cũng như có cơ chế thúc đẩy tính sáng tạo, năng động trong kinh doanh thay vì tư duy tạo rào cản để quản lý.³

Năm 2019, GDP của Việt Nam đạt kết quả ấn tượng với tốc độ tăng 7,02%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra từ 6,6 - 6,8% (quý I tăng 6,82%, quý II tăng 6,73%, quý III tăng 7,48%, quý IV tăng 6,97%). Đây là năm thứ hai liên tiếp tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt trên 7% kể từ năm 2011. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,01% đóng góp 4,6% vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,9%, đóng góp 50,4% và khu vực dịch vụ tăng 7,3%, đóng góp 45% vào kết quả chung. Ngoài ra, có thể nhắc đến một số kết quả nổi bật khác của kinh tế Việt Nam năm 2019 như kinh tế vĩ mô ổn định; lạm phát được kiểm soát ở mức thấp với chỉ số CPI bình quân 2,79% và dưới mục tiêu Quốc hội đề ra; thị trường tài chính, tiền tệ và tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt và duy trì ổn định; dự trữ ngoại hối tăng.

Những tháng đầu năm 2020, nền kinh tế Việt Nam cũng như các nước trên thế giới chịu ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh Covid-19. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng GDP Quý I/2020 đạt 3,82% so với cùng kỳ năm 2019, trong đó khu vực nông, lâm nghiệp thủy sản tăng 0,08%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 5,15% và khu vực dịch vụ tăng 3,2%. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất kể từ năm 2011 trở lại đây. Tuy nhiên, so với nhiều nền kinh tế khác trong khu vực và trên thế giới, thì kết quả tăng trưởng này được đánh giá ở mức khá.

Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu chịu tác động trực tiếp bởi tình hình sản xuất, thương mại trong nước và quốc tế. Ban lãnh đạo Công ty luôn tiến hành nghiên cứu, phân tích và điều chỉnh phương án kinh doanh phù hợp trước những biến động của nền kinh tế. Vì vậy, hoạt động của Công ty những năm vừa qua luôn bám sát nhu cầu của thị trường và phù hợp với năng lực tài chính và hoạt động của Công ty.

1.3. Lạm phát

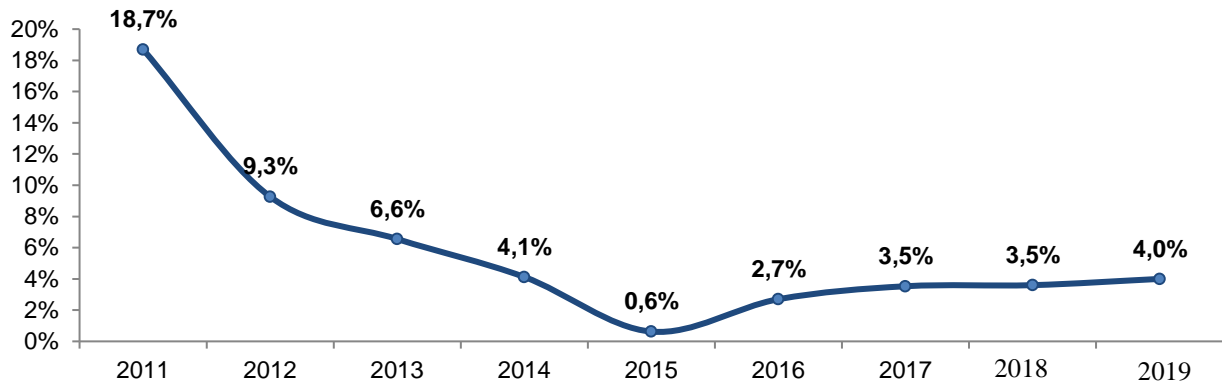
Ổn định kinh tế vĩ mô và kiểm soát lạm phát là những mục tiêu quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Trên cơ sở đánh giá dự báo kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ, NHNN, trong giai đoạn 2016–2020, đặt ra các chỉ tiêu định hướng về tiền tệ – tín dụng thấp hơn giai đoạn 2011 – 2015 nhưng vẫn cân đối đảm bảo phù hợp với sức hấp thụ của nền kinh tế và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô; thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm kiểm soát hợp lý lượng tiền cung ứng qua các kênh, qua đó đã góp phần kiểm soát tốt lạm phát.

CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với bình quân năm 2018 (thấp hơn mục tiêu

³ Báo cáo 05 năm thực hiện Nghị quyết 19/NQ-CP về cải thiện môi trường kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Quốc hội đề ra là khoảng 4%). Đây cũng là mức tăng bình quân năm thấp nhất trong 3 năm qua (2017 – 2019); lạm phát cơ bản bình quân năm 2019 tăng 2,01% so với bình quân năm 2018. Đây là tiền đề quan trọng để thực hiện mục tiêu kiểm soát chỉ số giá tiêu dùng ở mức dưới 4% trong năm 2020.

Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2011 – 2019



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Do ảnh hưởng của dịch COVID-19, giá xăng dầu thế giới giảm mạnh và nguồn cung gia cầm dồi dào là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 03/2020 giảm 0,72% so với tháng trước, đây là chỉ số CPI thấp nhất trong giai đoạn 2016 – 2020.

Tuy nhiên, CPI tháng 3 và bình quân quý I/2020 so với cùng kỳ năm trước đều ở mức cao nhất trong giai đoạn 2016 – 2020, tăng lần lượt 4,87% và 5,56%. Nguyên nhân khiến CPI bình quân quý I/2020 tăng so với cùng kỳ năm 2019 do nhu cầu về nhiều loại mặt hàng trong dịp Tết Nguyên đán như lương thực, thực phẩm tăng cao so với cùng kỳ năm trước; ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19 làm giá rau trong quý I/2020 tăng 4,14% do rau, quả Trung Quốc không xuất được sang Việt Nam, đồng thời làm giá các mặt hàng thuốc y tế, điện sinh hoạt và nước sinh hoạt tăng cao, lần lượt là 1,43%; 9,89% và 4,75%. Việc CPI bình quân tăng 5,56%, vượt xa ngưỡng 4% mà Quốc hội đã quyết nghị cho mục tiêu kiểm soát lạm phát của năm nay. Điều này đang đặt ra những thách thức cho việc kiểm soát giá cả thị trường, ổn định kinh tế vĩ mô trong năm 2020, nhất là trong bối cảnh dịch COVID-19 vẫn diễn biến rất phức tạp.

1.4. Lãi suất

Rủi ro lãi suất xảy ra khi doanh nghiệp sử dụng vốn vay từ ngân hàng dẫn đến chi phí đi vay tăng ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm qua, lãi suất trên thị trường biến động không ngừng với nhiều những chính sách được ban hành như thắt chặt chính sách tiền tệ, áp trần lãi suất... đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Sự biến động lãi suất sẽ tác động trực tiếp đến chi phí lãi vay hàng năm của Công

tyliên quan đến các khoản vay hoạt động kinh doanh của Công ty tại các tổ chức tín dụng.

Năm 2019 mặt bằng lãi suất Việt Nam đã có nhiều biến động trước sự ảnh hưởng của các yếu tố trong nước và quốc tế. Lãi suất huy động liên tục tăng trong 9 tháng đầu năm sau đó tiếp tục giảm do ảnh hưởng bởi thông báo cắt giảm lãi suất điều hành 0,25 điểm%. Trong khi đó, mặt bằng chung của lãi suất cho vay tiếp tục duy trì ổn định trong năm 2019, thậm chí lãi suất cho vay tối đa với một số lĩnh vực ưu tiên của nền kinh tế được điều chỉnh giảm nhằm mục tiêu hỗ trợ cho các doanh nghiệp. Cuối năm 2019, NHNN đã thực hiện một số chính sách kép nhằm giảm mặt bằng lãi suất cho vay như hạn chế lãi suất huy động ngắn hạn, giảm lãi suất điều hành nhằm kỳ vọng khuyến khích người dân chuyển sang gửi tiền gửi dài hạn nhiều hơn. Tuy nhiên, người dân vẫn chưa thật sự lạc quan vào triển vọng của kinh tế trong trung và dài hạn. Lãi suất cho vay phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn huy động từ tổ chức, cá nhân trong thị trường. Vì vậy, với thói quen chủ yếu gửi tiền ngắn hạn của người dân thì lãi suất cho vay, nhất là vay dài hạn rất khó giảm. Như vậy, trong năm 2020, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay nhiều khả năng sẽ được duy trì ổn định.

Bước sang năm 2020, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp và tác động tiêu cực đến hoạt động kinh tế trên phạm vi toàn cầu. Để phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính quốc tế và tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, vào giữa tháng ba vừa qua, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã tiến hành giảm 0,5-1%/năm đối với các loại lãi suất điều hành và hạ trần lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 6 tháng. Trước động thái của Ngân hàng Nhà nước, các Ngân hàng Thương mại đồng loạt hạ lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay với các khoản vay mới và cả trên dư nợ hiện hữu. Theo đó, lãi suất tiền gửi dưới 6 tháng cao nhất chỉ còn 4,75%/năm; mức giảm lãi suất là 0,5-2,5% cho các khoản vay mới và giảm 0,75-1,5% cho các khoản vay hiện hữu.

Lãi suất được điều chỉnh giảm là giải pháp để hỗ trợ các doanh nghiệp trong toàn nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu nói riêng trong điều kiện nền kinh tế khó khăn do ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh. Tính đến thời điểm 31/03/2020, nợ phải trả của Công ty là 8,74 nghìn tỷ đồng, tương đương 84,43% tổng nguồn vốn. Trong đó nợ vay là 2,36 nghìn tỷ đồng, chiếm 22,82% tổng nguồn vốn (Theo BCTC hợp nhất quý I/2020 của Công ty), lượng vốn vay tín dụng chiếm tỷ trọng không quá lớn trong tổng nguồn vốn của Công ty (dưới 30% tổng nguồn vốn).

1.5. Tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Từ đầu năm 2020 cho đến trước Tết Nguyên đán, trong điều kiện nguồn cung ngoại tệ dồi dào và thị trường quốc tế thuận lợi, tỷ giá thị trường khá ổn định, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục mua được lượng lớn ngoại tệ, tăng dự trữ ngoại hối. Sau Tết Nguyên đán, mặc dù thị

trường ngoại tệ chịu áp lực nhất định từ các diễn biến liên quan đến dịch Covid nhưng tỷ giá biến động không quá lớn. Tính từ đầu năm đến nay, tỷ giá USD/VND đã tăng khoảng 1,5%, vẫn trong mức biến động dự kiến từ 1-2% cho cả năm 2020 được Ngân hàng Nhà nước đưa ra từ đầu năm.

Hiện tại, mặt hàng xăng dầu của các đơn vị kinh doanh xăng dầu nói chung chủ yếu được mua từ các đối tác nước ngoài và Công ty cũng không phải ngoại lệ. Các nhà cung cấp chủ yếu hàng năm của Nam Sông Hậu đến từ Singapore. Việc giao dịch thanh toán với các đối tác nước ngoài chủ yếu bằng USD. Do đó, cũng như các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu khác, hoạt động kinh doanh của Nam Sông Hậu bị ảnh hưởng bởi nguồn cung ngoại tệ. Ngoài ra, những biến động của tỷ giá có ảnh hưởng trực tiếp đến giá vốn, trong khi giá bán đầu ra thực hiện theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước và thường có độ trễ trong việc điều chỉnh giá đầu ra, đầu vào của mặt hàng xăng dầu, từ đó có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Để giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng của biến động tỷ giá đến hoạt động kinh doanh, Công ty đã chủ động ký kết các hợp đồng nhập khẩu với điều khoản phòng ngừa biến động tỷ giá, xây dựng chính sách hàng tồn kho hợp lý, chủ động cân đối ngoại tệ trong sản xuất kinh doanh.

2. Rủi ro pháp lý

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, đã trở thành Công ty đại chúng, tiến hành niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh nên Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong các lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, do đó sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và ít nhiều ảnh hưởng tới hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta chưa ổn định và nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

3. Rủi ro về biến động giá trên Thị trường chứng khoán

Việc niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM sẽ giúp quảng bá hình ảnh thương hiệu của Công ty đến các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài. Từ đó, Công ty sẽ có cơ hội tiếp cận với những nguồn vốn mới để thúc đẩy các kế hoạch phát triển kinh doanh mới trong tương lai.

Tuy nhiên, sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty sẽ chính thức giao dịch và giá cổ phiếu được xác định theo cung cầu thị trường. Giá cổ phiếu chịu tác động từ rất nhiều yếu tố như tình hình hoạt động của Công ty, tình hình kinh tế trong nước và quốc tế, những thay đổi về luật pháp trong lĩnh vực chứng khoán, tâm lý nhà đầu tư. Do đó, những biến động về giá cổ phiếu là yếu tố khó lường mà nhà đầu tư cần tính đến.

4. Rủi ro tăng vốn điều lệ nhanh

Trong quá trình phát triển kể từ khi thành lập đến nay, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ nhiều lần với quy mô lớn. Từ khi được cấp giấy phép thành năm 2012 đến năm 2019 vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 60 tỷ lên 1.261,97 tỷ đồng. Trong giai đoạn 3 năm gần nhất từ năm 2017 đến năm 2019, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 250 tỷ lên 1.261,97 tỷ đồng. Do được đáp ứng tốt về nguồn vốn, hoạt động kinh doanh của Công ty có sự phát triển ổn định, tốc độ tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận trong cả giai đoạn trên đều rất tốt. Công ty luôn định hướng đẩy mạnh quy mô hoạt động hơn nữa trong ngành xăng dầu nên việc tăng vốn điều lệ trong tương lai là rất cần thiết. Tuy nhiên việc tăng vốn nhanh có thể tác động tới các chỉ số tài chính, cụ thể làm giảm chỉ tiêu sinh lời trên vốn và tài sản của Công ty trong ngắn hạn dẫn đến ảnh hưởng đến thu nhập của cổ đông trong ngắn hạn.

5. Rủi ro mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Việc kinh doanh đa ngành nghề giúp doanh nghiệp giảm lệ thuộc vào chu kỳ thị trường và ảnh hưởng từ các đợt khủng hoảng kinh tế. Dòng vốn của doanh nghiệp được sử dụng tối ưu hơn và gia tăng đáng kể lợi thế giữ chân khách hàng mục tiêu, tối ưu việc khai thác nguồn khách hàng đã có ban đầu. Tuy nhiên, rủi ro từ việc kinh doanh đa ngành nghề là sự phân tán nguồn lực, năng lực quản trị không theo kịp tốc độ mở rộng dẫn đến làm ăn thua lỗ, kém hiệu quả.

Đối với Nam Sông Hậu, việc mở rộng hoạt động sang một số lĩnh vực khác như: xây dựng, bất động sản, nông nghiệp, du lịch, nhà hàng khách sạn...là những bước đi trong quá trình xây dựng hệ sinh thái doanh nghiệp theo chiều ngang của Công ty. Bên cạnh đó, việc mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực khác đều được thực hiện trên cơ sở nền tảng sẵn có của Công ty như về đất đai, nguồn lực tài chính, kinh nghiệm của các cán bộ quản lý cũng như dựa trên sự phân tích tiềm năng phát triển từng lĩnh vực tại địa phương trong từng thời kỳ. Đồng thời, phát triển đa dạng nhiều ngành nghề cũng là một trong các hoạt động để Công ty khẳng định thương hiệu của mình trong tâm trí người tiêu dùng.

6. Rủi ro đặc thù

Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù như sau:

6.1 Rủi ro biến động giá xăng dầu

Từ cuối tháng 09/2016, Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) đã đồng thuận về một thỏa thuận cắt giảm sản lượng dầu mỏ. Bộ trưởng Dầu mỏ của các nước cho biết OPEC đồng thuận hạn chế sản lượng của toàn nhóm ở mức 32,5 – 33 triệu thùng/ngày, tức là giảm gần 750.000 thùng so với sản lượng của OPEC trong tháng 08/2016. Sau thông tin này giá dầu lập tức tăng vọt và duy trì trên 50 USD/thùng cho tới hiện tại.

Một vấn đề đáng chú ý nữa là việc các nhà sản xuất dầu thô trên toàn cầu tiếp tục tăng sản lượng bất chấp lệnh trừng phạt của Mỹ nhắm vào Iran và Venezuela khiến cho nỗ lực của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) trong việc cân bằng thị trường chưa thể dừng lại. Đây có thể là tín hiệu cho thấy OPEC và Nga sẽ gia hạn thỏa thuận cắt giảm sản lượng khai thác dầu thô đến cuối năm 2019. Trước đó Nga – nhà xuất khẩu dầu mỏ lớn ngoài OPEC cho biết thỏa thuận cắt giảm sản lượng dầu thô sẽ tiếp tục có hiệu lực ít nhất đến tháng 06/2019. Sự biến động bất thường về giá và sản lượng dầu mỏ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến các nước phụ thuộc trực tiếp vào nguyên liệu đầu vào này cũng như đối với các doanh nghiệp trong ngành dầu khí.

Dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp từ cuối tháng 01/2020 đã và đang ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt đời sống kinh tế xã hội trên phạm vi toàn cầu. Giá dầu thô và các sản phẩm phẩm dầu trên thế giới đều giảm mạnh từ cuối tháng 01/2020. Tại thời điểm ngày đặc biệt giảm sâu từ đầu tháng 3/2020. Tính từ đầu năm đến nay, giá dầu Brent và WTI đều giảm lần lượt 53% và 63%. Tuy nhiên, nhờ thông tin OPEC+ đã hoàn tất thỏa thuận giảm sản lượng dầu thô 9,7 triệu thùng/ngày tại cuộc họp ngày 09/4/2020, giá dầu đã tăng mạnh gần 5%. Cụ thể, tại ngày 13/4/2020, giá dầu WTI tăng 4,7% lên 23,5 USD/thùng; giá dầu Brent tăng 2,5% lên 32,6 USD/thùng.

Giá dầu trên thế giới liên tục biến động bất thường sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu nói chung và Công ty nói riêng. Tuy nhiên, với việc kinh doanh xăng dầu vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước giúp cho Công ty có thể kịp thời điều chỉnh kế hoạch kinh doanh trước những biến động của giá cả xăng dầu, giảm thiểu đến mức tối đa những ảnh hưởng của sự biến động này đến kết quả kinh doanh.

6.2 *Rủi ro trong cơ chế điều hành giá xăng dầu*

Xăng dầu là mặt hàng chiến lược quốc gia và được Nhà nước quản lý giám sát chặt chẽ, đặc biệt dưới góc độ giá bán, chất lượng và sản lượng kinh doanh xăng dầu. Đây là mặt hàng thiết yếu thuộc Danh mục bình ổn giá.

Kể từ cuối năm 2009 đến nay, giá xăng dầu trong nước đã được vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước và Nhà nước tiếp tục sử dụng các công cụ tài chính như thuế, Quỹ bình ổn giá để điều tiết giá xăng dầu nhằm ổn định vĩ mô và tránh tác động tiêu cực của biến động giá xăng dầu tới nền kinh tế.

Từ khi vận hành giá xăng dầu theo cơ chế thị trường, đã có nhiều văn bản pháp luật được ban hành và thường xuyên được cập nhật để tạo điều kiện cho thị trường xăng dầu Việt Nam tiếp cận với thị trường xăng dầu thế giới như Nghị định số 84/2009/NĐ-CP ngày 15/12/2009 là tiền đề cho việc vận hành giá xăng dầu theo cơ chế thị trường. Tuy nghị định này quy định giá xăng dầu do doanh nghiệp quyết định nhưng thực tế là do cơ quan quản lý Nhà nước quyết định dẫn đến việc doanh nghiệp thiếu chủ động đối với giá xăng dầu, ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

Tuy nhiên Nghị định số 83/2014/NĐ-CP về kinh doanh xăng dầu thay thế Nghị định số 84/2009/NĐ-CP và Nghị định 08/2018/NĐ-CP sửa đổi Nghị định số 83/2014/NĐ-CP được ban hành đã tạo điều kiện hơn cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu tại thị trường trong nước. Theo đó, hoạt động kinh doanh xăng dầu tiếp tục vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; phát huy quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; bảo đảm thực hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý Nhà nước; hài hòa lợi ích người tiêu dùng, doanh nghiệp và Nhà nước. Tính cạnh tranh, công khai, minh bạch trong kinh doanh xăng dầu được tăng cường đi đôi với việc quản lý chặt chẽ hệ thống phân phối xăng dầu, bảo đảm cung ứng ổn định xăng dầu trong hệ thống, bảo đảm chất lượng xăng dầu lưu thông trên thị trường. Giá xăng dầu trong nước phản ánh kịp thời diễn biến giá xăng dầu thế giới; tần suất, biên độ điều chỉnh giá xăng dầu phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, tâm lý người tiêu dùng. Nhiên liệu sinh học được khuyến khích phát triển nhằm giảm sự phụ thuộc vào nhiên liệu có nguồn gốc hóa thạch, đồng thời góp phần bảo vệ môi trường. Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao sự biến động của giá xăng dầu trên thế giới cũng như trong nước, cập nhật các chính sách điều chỉnh về giá xăng dầu của Nhà nước trong từng thời điểm để xây dựng chiến lược giá cả phù hợp, biến đổi linh hoạt trước những biến động của giá xăng dầu trên thị trường.

6.3 *Rủi ro cháy nổ và ô nhiễm môi trường*

Xăng dầu là mặt hàng dễ cháy nổ và khi xảy ra sự cố sẽ dẫn tới thiệt hại rất lớn đối với các công ty kinh doanh xăng dầu. Các sơ suất có thể xảy ra trong quá trình bảo quản, vận chuyển, lưu thông. Tuy nhiên những rủi ro này có thể kiểm soát được nếu các doanh nghiệp tuân thủ chặt chẽ những quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy... Công ty luôn coi trọng và ưu tiên công tác đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ... và thực hiện nghiêm túc trách nhiệm đối với cộng đồng, môi trường. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn CBCNV tuân thủ Luật phòng cháy chữa cháy, thường xuyên tổ chức tập huấn và đào tạo CBCNV trong việc phòng chống cháy nổ cũng như xử lý khi có sự cố xảy ra.

6.4 *Rủi ro cạnh tranh*

Với các cam kết về cắt giảm thuế quan trong các Hiệp định thương mại tự do tạo ra áp lực cạnh tranh giữa các sản phẩm trong nước và hàng nhập khẩu về giá cả cũng như chất

lượng, điển hình là các sản phẩm lọc dầu. Theo báo cáo nghiên cứu của Viện dầu khí Việt Nam, cân đối cung cầu xăng dầu của nhiều nước trong giai đoạn đến năm 2035 có thể xảy ra tình trạng dư cung, đặc biệt là các nước mà Việt Nam đang nhập khẩu xăng dầu về. Với tình trạng dư cung trong khi nhiều nhà máy đã hết khấu hao nên nguy cơ các nước này sẽ sử dụng biện pháp bảo hộ thương mại “bán phá giá” là khó tránh khỏi, kéo theo áp lực cạnh tranh gay gắt hơn giữa giá xăng dầu nhập khẩu và sản phẩm lọc dầu trong nước.

Với thị trường trong nước, số lượng các thương nhân phân phối xăng dầu ngày càng gia tăng. Nếu như năm 2010 chỉ có 10 thương nhân đầu mỗi xuất, nhập khẩu xăng dầu thì hiện nay đã có hơn 30 thương nhân đầu mỗi xuất nhập khẩu xăng dầu cùng hơn 200 thương nhân phân phối xăng dầu tham gia vào thị trường xăng dầu. Bên cạnh đó, thị trường xăng dầu vẫn còn những nguồn hàng giá rẻ, không rõ nguồn gốc, gây ra tình trạng cạnh tranh không lành mạnh.

Trong bối cảnh cạnh tranh xăng dầu rất lớn và ngày càng khốc liệt, Công ty xác định phải tập trung khẳng định uy tín, thương hiệu của NSH PETRO tới từng khách hàng. Song song với việc kiểm định chặt chẽ chất lượng sản phẩm trước khi đưa ra thị trường, Công ty thực hiện trang bị hệ thống nhận diện đầy đủ cho tất cả các cửa hàng xăng dầu trực thuộc. Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng với việc chú trọng vào chất lượng hàng hóa, uy tín thương hiệu và dịch vụ, Công ty hoàn toàn có thể nâng cao năng lực cạnh tranh trước những diễn biến của thị trường.

7. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Những rủi ro này dù ít hay nhiều đều có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Ông Mai Văn Huy	Chủ tịch Hội đồng quản trị.
Ông Bùi Văn Ninh	Kế toán trưởng
Bà Đoàn Thanh Tâm	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Ông **Nguyễn Hải Vân Chung** Giám đốc Chi nhánh

(Theo Giấy ủy quyền số 10A/UQ-NDD-CKDK ngày 04/05/2019 của Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Dầu khí)

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu cung cấp tại thời điểm tham gia lập bản cáo bạch.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

BCTC	Báo cáo tài chính
NSH, NSHPETRO, Công ty	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CMND	Chứng minh nhân dân
CNĐKDN	Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội Đồng cổ đông
Điều lệ	Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu
ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
DTT	Doanh thu thuần
GVHB	Giá vốn hàng bán

HĐQT	Hội đồng Quản trị
LNG	Lợi nhuận gộp
NH TMCP	Ngân hàng Thương mại cổ phần
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
Sở KH&ĐT	Sở Kế hoạch và Đầu tư
SXKD	Sản xuất kinh doanh
Thuế GTGT	Thuế giá trị gia tăng
Thuế TNDN	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TMĐT	Thương mại đầu tư
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TP	Thành phố
TSLĐ	Tài sản lưu động
TTCK	Thị trường Chứng khoán
TTLKCK	Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
UBCKNN	Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
VCSH	Vốn chủ sở hữu

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành phát triển

1.1 Thông tin chung về Công ty

Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ DẦU KHÍ NAM SÔNG HẬU**

Tên giao dịch quốc tế : **NAM SONG HAU TRADING INVESTING PETROLEUM JOINT STOCK COMPANY**

Tên viết tắt : **NSHPETRO**

Trụ sở chính : **Ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang**

Văn phòng đại diện : **H311-12 đường Võ Nguyên Giáp, khu vực Thạnh Thuận, phường Phú Thứ, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.**

Điện thoại : **(84-292) 6 547979 – 6 537979 – 6 536688**

Fax : **(84-292) 3 84237 – 3 842372**

Website : **<http://nshpetro.vn/>**

Logo :  **NSH PETRO**

Giấy CNĐKKD : **Số 6300177249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 14/02/2012 và thay đổi lần thứ 18 ngày 13/3/2020**

Vốn điều lệ đăng ký : **1.261.967.800.000 đồng (Một nghìn hai trăm sáu mươi một tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng)**

Vốn thực góp : **1.261.967.800.000 đồng (Một nghìn hai trăm sáu mươi một tỷ chín trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng)**

Tài khoản ngân hàng : **13010001292764 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2**

Ngày chính thức : Ngày 20/12/2019 (Theo công văn số 7608/UBCK-GSDC ngày
 được chấp thuận là 20/12/2019 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc hồ sơ
 công ty đại chúng đăng ký công ty đại chúng của CTCP Thương mại Đầu tư Dầu
 khí Nam Sông Hậu.

1.2 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300177249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 14/02/2012 và thay đổi lần thứ 18 ngày 13/3/2020, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

STT	Ngành nghề	Mã số
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm có liên quan	4661 (Chính)
2	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
3	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0550
4	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
5	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
6	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản	0322
7	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Chăn nuôi gia súc và gia cầm	0146
8	Trồng lúa	0111
9	Trồng cây ăn quả	0121
10	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (Xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm liên quan khác)	4730
11	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
12	Khai thác dầu thô	0610
13	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
14	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên	0910
15	Xây dựng nhà các loại	4100
16	Xây dựng công trình công ích	4220

STT	Ngành nghề	Mã số
17	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
18	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
19	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
21	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải xăng dầu bằng đường bộ	4933
22	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
23	Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa. Chi tiết: Vận tải xăng dầu bằng đường thủy	5022
24	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
25	Khai thác gỗ	0221
26	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
27	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
28	Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón	0891
29	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu	0899
30	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
31	Điều hành tua du lịch	7912
32	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
33	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
34	Hoạt động của các vườn bách thảo, bách thú và khu bảo tồn tự nhiên	9103
35	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
36	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
37	Dịch vụ ăn uống khác	5629
38	Dịch vụ phục vụ ăn uống	5630
39	Bán buôn đồ uống	4633
40	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
41	Bán buôn thực phẩm	4632
42	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
43	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

STT	Ngành nghề	Mã số
44	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
45	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
46	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
47	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
48	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
49	Phá dỡ	4311
50	Chuẩn bị mặt bằng	4312
51	Lắp đặt hệ thống điện	4321
52	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
53	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
54	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
55	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
56	Sản xuất và mua bán xăng sinh học, xăng, dầu, nhớt, các sản phẩm hóa dầu các loại	...
57	Đại lý mua bán xăng dầu, tư vấn đầu tư, lập và quản lý các dự án đầu tư	0118
58	Mua bán tàu thuyền, sà lan, phương tiện vận tải thủy, bộ các loại	0550
59	Đầu tư kinh doanh khu du lịch, khu du lịch sinh thái, khu vui chơi giải trí, kinh doanh dịch vụ karaoke	5022
60	Kinh doanh lương thực	6810
61	Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu	0322
62	Xuất khẩu gạo	0146
63	Kinh doanh xuất nhập khẩu phân bón	0111
64	Hoạt động trang trại: sản xuất, trồng lúa và cây ăn trái	0121
65	Đầu tư, xây dựng, kinh doanh và cho thuê bến cảng, nhà, văn phòng, khu dân cư, khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng, nhà kho, nhà xưởng, các công trình, nhà máy phục vụ ngành xăng dầu; Kinh doanh và chế biến gỗ các loại	...

1.3 Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu được thành lập ngày

14/02/2012 với số vốn điều lệ ban đầu là 60 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300177249 cấp lần đầu ngày 14/02/2012 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang. Công ty được cấp giấy phép Đầu tư xây dựng công trình kho cảng xăng dầu tại Ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang với sức chứa 50.000 m³.

Năm 2013, Công ty trở thành một trong những đầu mối phân phối xăng dầu của Việt Nam theo Giấy phép về kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu số 10-XD/GP-BCT cấp ngày 20 tháng 05 năm 2013.

Năm 2014, Công ty đầu tư hệ thống kho chứa, bến cảng xuất nhập hàng tại Khu công nghiệp Trà Nóc 2, thành phố Cần Thơ với sức chứa 55.000 m³ và cầu cảng nhập tàu biển 10.000 m³.

Năm 2015, thành lập Cơ sở pha chế xăng dầu đầu tiên tại Cần Thơ theo Giấy chứng nhận đăng ký cơ sở pha chế xăng dầu số 2315/GCN-TĐC do Tổng cục tiêu chuẩn đo lường chất lượng – Bộ khoa học và công nghệ cấp ngày 27 tháng 11 năm 2015.

Tăng cường mở rộng kinh doanh vào hệ thống phân phối xăng dầu của Công ty tại các tỉnh từ TP HCM đến Cà Mau.

Năm 2017, Công ty đã phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nâng vốn đầu tư lên 450.000.000.000 đồng để phát triển Nhà máy pha chế xăng dầu, các ngành nghề du lịch, khách sạn, nhà hàng, nuôi trồng thủy sản tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Nam Sông Hậu Cái Răng, hoạt động chủ yếu sản xuất kinh doanh, chế biến xăng dầu. Công ty Nam Sông Hậu Cái Răng có nhà máy Lọc hóa dầu với công suất 400 m³ thành phẩm/ngày và kho bãi với sức chứa 25.000 m³

Đầu tư máy đo chỉ số Octan để kiểm tra chất lượng cho hệ thống xăng dầu của Công ty. Đây là máy duy nhất tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Năm 2017, thực hiện hệ thống quản lý chất lượng quốc tế ISO 9001:2015 cho toàn hệ thống Công ty với tiêu chí “Chất lượng, liên tục, kịp thời, giá cả phù hợp”.

Để phục vụ kịp thời nhu cầu cung cấp hàng hóa cho hệ thống bán lẻ của Công ty và các khách hàng, Công ty đầu tư nâng cấp hệ thống nhà máy lọc hóa dầu Nam Sông Hậu Cái Răng tăng cường công suất thành phẩm sản xuất được 700.000 lít/ngày.

Đầu tư giai đoạn 1 Dự án thành lập “Nhà máy chế biến Condensate Nam Sông Hậu Tiền Giang” với tổng mức đầu tư 100,5 triệu USD, công suất nhà máy ước tính sau khi hoàn thành 500.000 tấn Condensate/năm (tương đương 12.415 thùng/ngày).

Trong 2 năm 2018, 2019: để tăng cường nguồn lực, Công ty đã thực hiện 2 đợt phát hành là phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu riêng lẻ cùng với trả

cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 450 tỷ đồng lên 1.261,9678 tỷ đồng nhằm phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời mở rộng mạng lưới phân phối xuyên suốt các tỉnh trên địa bàn Đồng bằng sông Cửu Long.

Sau 7 năm thành lập từ năm 2012 cho đến nay, với sự nỗ lực không mệt mỏi từng giờ, từng ngày của tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên của NSHPETRO qua nhiều thế hệ, từng con người, từng thành viên, từng cán bộ quản lý trong Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu đều cùng đồng lòng để thực hiện các chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn để hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu đề ra.

Ngày 20/12/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là Công ty Đại chúng theo công văn số 7608/UBCK-GSĐC.

Ngày 17/01/2020, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu số 07/2020/GCNCP-VSD với mã chứng khoán là PSH, vốn điều lệ là 1.261.967.800.000 đồng và tổng số lượng cổ phiếu đăng ký lưu ký là 126.196.780 cổ phiếu.

NSHPETRO từng bước phát triển, vững chắc cho từng sản phẩm, cho từng nhà máy, cho từng Công ty thành viên với phương châm “Tận tâm phục vụ khách hàng để phát triển”.

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ

Tại thời điểm thành lập (14/02/2012), vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng. Đến tháng 12/2019, vốn điều lệ thực góp của Công ty là 1.261.967.800.000 đồng. Quá trình góp vốn và tăng vốn của Công ty như sau:

❖ Tháng 02/2012: Góp vốn lần đầu

- Số lượng cổ phần: 6.000.000 cổ phần
- Giá trị theo mệnh giá: 60.000.000.000 đồng

❖ Tháng 03/2014: Tăng vốn điều lệ từ 60.000.000.000 đồng lên 70.000.000.000 đồng

- Căn cứ thực hiện:
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh số 6300177249 đăng ký lần đầu ngày 14/02/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 28/02/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25.02.2012/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/02/2012 và Biên bản họp kèm theo thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 60.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 70.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 1.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 10.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 05 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 06 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Tháng 03/2014
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang.

❖ Tháng 05/2014: Tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 đồng lên 108.000.000.000 đồng

- Căn cứ thực hiện:
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh số 6300177249 đăng ký lần đầu ngày 14/02/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 21/01/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp;
 - Nghị quyết Đại hội cổ đông số 10.01.2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/01/2013 và Biên bản họp kèm theo thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 70.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 108.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 3.800.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 38.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 03 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau khi tăng vốn: 03 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Tháng 05/2014

- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang.
- ❖ **Tháng 06/2014: Tăng vốn điều lệ từ 108.000.000.000 đồng lên 250.000.000.000 đồng**
- Căn cứ thực hiện:
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh số 6300177249 đăng ký lần đầu ngày 14/02/2012. đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 10/06/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 31.05.2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2013 và Biên bản họp kèm theo thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 108.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 250.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 14.200.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 142.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 03 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau tăng vốn: 03 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Tháng 06/2014
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang.
- ❖ **Tháng 01/2017: Tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 đồng lên 450.000.000.000 đồng**
- Căn cứ thực hiện:
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 31.08.2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/08/2016 và Biên bản họp kèm theo thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 31.12.2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/12/2017 và Biên bản họp kèm theo thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ mới thay thế phương án đã được thông qua tại Nghị quyết Đại hội cổ

đông số 31.08.2016/NQ-ĐHĐCĐ;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300177249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 14/02/2012, cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 08/09/2016.

Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 250.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 450.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 20.000.000 cổ phiếu, trong đó:
 - + Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 15.581.137 cổ phiếu
 - + Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: 4.418.863 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 200.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 03 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau tăng vốn: 03 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Tháng 01/2017
- Cơ quan chấp thuận: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang.

❖ Tháng 08/2018: Tăng vốn điều lệ từ 450.000.000.000 đồng lên 800.000.000.000 đồng

- Căn cứ thực hiện:
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 26.05.2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/05/2018 và Biên bản họp kèm theo thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300177249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 14/02/2012, cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 28/05/2018.

Chi tiết đợt phát hành

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 450.000.000.000 đồng

- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 800.000.000.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 35.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 350.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 03 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau tăng vốn: 03 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Tháng 08/2018
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang.

❖ Tháng 05/2019: Tăng vốn điều lệ từ 800.000.000.000 đồng lên 1.261,9678 tỷ đồng

- Căn cứ thực hiện:
 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 22.03.2019/BB-ĐHĐCĐ ngày 22/03/2019 và Biên bản họp kèm theo thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300177249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 14/02/2012, cấp thay đổi lần thứ 17 ngày 29/03/2019.

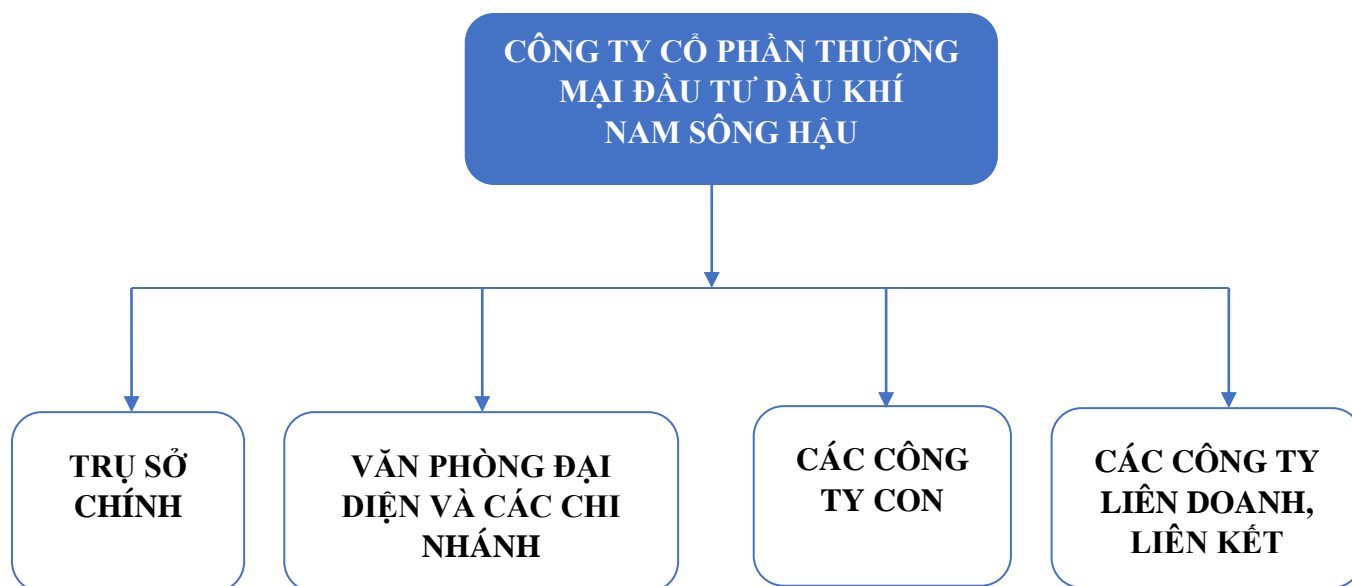
Chi tiết đợt phát hành:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 800.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 1.261.967.800.000 đồng
- Hình thức tăng vốn: phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành riêng lẻ, trong đó:
 - + Phát hành cổ phiếu trả cổ tức: 6.140.648 cổ phiếu;
 - + Phát hành riêng lẻ: 40.056.132 cổ phiếu.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thành công: 46.196.780 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đã phát hành thành công: 461.967.800.000 đồng
- Số lượng cổ đông trước tăng vốn: 03 cổ đông

- Số lượng cổ đông sau tăng vốn: 04 cổ đông
- Thời điểm phát hành: Tháng 05/2019
- Cơ quan chấp thuận tăng vốn: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Công ty



(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

- **Trụ sở chính - CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu**
 - + Địa chỉ: Ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
 - + Điện thoại: 02933 737 226
 - + Fax: 02933 737 229
- **Văn phòng đại diện và các chi nhánh- CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu**

CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu có 1 văn phòng đại diện tại:

- + Địa chỉ: H311-12, Đường Võ Nguyên Giáp, Khu vực Thạnh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, TP Cần Thơ
- + Điện thoại: 02926 547 979 – 02926 537 979 – 02926 536 688
- + Fax: 02923 842 373 – 02923 842 372

Và 21 chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh và khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long, chi tiết như sau:

Bảng 1: Bảng Thông tin về các chi nhánh của Công ty

ST T	Tên đơn vị trực thuộc	Mã số đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu Tại Hậu Giang	6300177249-010	Số 14, Lê Hồng Phong, Khu Vực 4, Phường IV, TP. Vị Thanh, Hậu Giang
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Trà Vinh	6300177249-005	Áp Bãi Vàng, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Vĩnh Long	6300177249-009	Số 1D Đinh Tiên Hoàng, phường 8, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Đồng Tháp	6300177249-008	Số 123 ấp Thạnh Phú, xã Tân Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.
5	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Đồng Nai	6300177249-022	Số 49 Hưng Đạo Vương, KP1, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Thành phố Hồ Chí Minh	6300177249-011	Toà nhà Paxsky 34A Phạm Ngọc Thạch, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
7	CN Quận 1- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu	6300177249-012	Phòng 23.11, Tầng 23, Tòa nhà Horizon, 214 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
8	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Cần Thơ	6300177249-020	Lô 2.7, Khu Công nghiệp Trà Nóc II, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.
9	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu Tại Cần Thơ 2	6300177249-029	H3 11-12, Đường Võ Nguyên Giáp, KV Thạnh Thuận, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Cần Thơ
10	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu – Trạm Xăng Dầu Thới Lai	6300177249-024	Áp Đông Lợi, Xã Đông Bình, Huyện Thới Lai, Cần Thơ
11	Chi nhánh Công ty Cổ phần	6300177249-015	Áp Công Điền, xã Vĩnh Trạch,

ST T	Tên đơn vị trực thuộc	Mã số đơn vị phụ thuộc	Địa chỉ
	Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Bạc Liêu		thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.
12	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Bạc Liêu 1	6300177249-025	Áp thị trấn A, thị trấn Hoà Bình, huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu.
13	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại An Giang	6300177249-018	Khóm Xuân Hiệp, thị trấn Tịnh Biên, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang.
14	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu tại An Giang 1	6300177249-027	Khóm Xuân Hiệp, Thị Trấn Tịnh Biên, Huyện Tịnh Biên, An Giang
15	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Kiên Giang	6300177249-007	Số 304 ấp Tân Đồi, xã Vĩnh Tuy, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
16	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Kiên Giang 1 – Trạm xăng dầu Gò Quao	6300177249-026	Số 725 ấp Hoà Mỹ, xã Định Hoà, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
17	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Thương Mại Đầu Tư Dầu Khí Nam Sông Hậu Tại Kiên Giang 2 – Cửa Hàng Xăng Dầu Giang Thành	6300177249-031	Tổ 01, Ấp Tân Tiến, Xã Tân Khánh Hòa, Huyện Giang Thành, Tỉnh Kiên Giang.
18	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng	6300177249-017	Áp Lợi Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Phú, Sóc Trăng
19	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng 2	6300177249-019	Thửa đất số 1038, 1039, 1040, 1110, 1111, tờ bản đồ số 2, ấp An Ninh, thị trấn An Lạc Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
20	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng 3	6300177249-028	Áp An Ninh, Thị Trấn An Lạc Thôn, Huyện Kế Sách, Sóc Trăng
21	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu Tại Cà Mau	6300177249-032	Quản Lộ Phụng Hiệp, Phường Tân Thành, TP. Cà Mau, Cà Mau

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

- **Các Công ty con:** 04 Công ty con do CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu sở hữu trên 51% vốn điều lệ.
- **Các Công ty liên doanh, liên kết:** 02 Công ty liên doanh, liên kết do CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu sở hữu trên 20% vốn điều lệ.

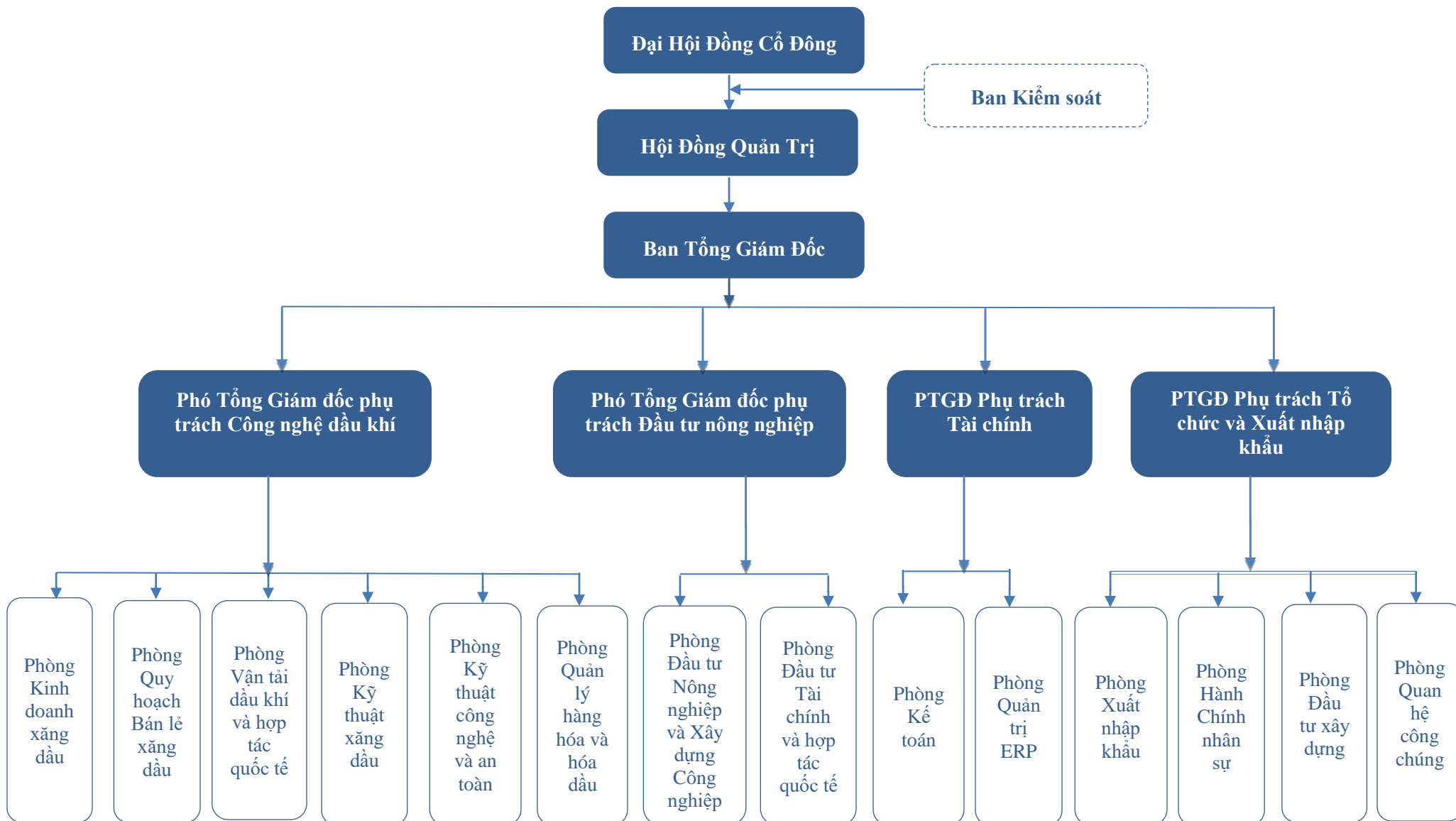
(Chi tiết các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được nêu tại Bảng 4: Bảng Thông tin và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết)

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hiện tại, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- ❖ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/07/2014.
- ❖ Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 thông qua ngày 29/06/2019 có sửa đổi, bổ sung theo Điều lệ mẫu áp dụng cho Công ty đại chúng.
- ❖ Trong quá trình hoạt động và phát triển, bộ máy của Công ty đã được xây dựng, điều chỉnh và kiện toàn để phù hợp với chiến lược phát triển, yêu cầu thực tế và đặc điểm hoạt động của Công ty.

Sơ đồ 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



❖ Đại hội đồng cổ đông

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát của Công ty.

❖ Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. HĐQT của CTCP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu bao gồm 05 thành viên:

Ông Mai Văn Huy	Chủ tịch HĐQT
Ông Mai Hữu Phúc	Thành viên HĐQT
Bà Lý Thị Ánh Hồng	Thành viên HĐQT
Ông Hà Ngọc Thường	Thành viên HĐQT
Ông Lê Văn Phú	Thành viên HĐQT

❖ Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc. Ban Kiểm soát có cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Ban Kiểm soát của Công ty bao gồm:

Bà Đoàn Thanh Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Võ Thị Bông	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Phạm Thị Kim Bằng	Thành viên Ban Kiểm soát

❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Tổng Giám đốc: Là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Phó Tổng Giám đốc: Giúp việc cho Tổng Giám đốc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lĩnh vực được phân công. Thực hiện mọi nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm:

Ông Mai Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Mai Hữu Phúc	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lý Thị Ánh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Đồi	Phó Tổng Giám đốc

❖ **Các phòng ban chức năng và đơn vị hạch toán phụ thuộc**

Các phòng ban chức năng có chức năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn được giao và chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc về phần việc được phân công.

• **Phòng Kinh doanh xăng dầu:**

➤ Trách nhiệm của lãnh đạo phòng:

- Tổng giám đốc giao cho Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức tiếp thị, phát triển thị trường;
- Chỉ đạo cho Trưởng Phòng, các phó phòng kinh doanh và phát triển khách hàng thực hiện các công việc được giao quản lý ở các bộ phận của mình phụ trách;
- Phụ trách phòng kinh doanh và phát triển khách hàng, các Chi nhánh trực thuộc Công ty có điều kiện hoạt động thật hiệu quả;
- Phụ trách công tác phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng;
- Báo cáo bán hàng hàng ngày cho Tổng Giám đốc nắm để chỉ đạo.

➤ Phòng Kinh doanh xăng dầu có những chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Làm thủ tục mua bán xăng dầu cho thương nhân phân phối, tổng đại lý, đại lý, nhượng quyền bán lẻ và khách hàng công nghiệp;
- Quyết định mức thù lao xăng dầu cho tất cả khách hàng sau khi trình Phó Tổng Giám đốc thông qua;
- Phân công các chuyên viên quản lý, theo dõi hợp đồng mua bán xăng dầu, hóa đơn của tất cả các khách hàng thuộc Bộ phận kinh doanh xăng dầu quản lý;

- Phân công cán bộ theo dõi công nợ của khách hàng mà công ty có đầu tư như: Hỗ trợ tài chính và đầu tư các cửa hàng xăng dầu;
 - Hàng tháng/quý đi kiểm tra và đối chiếu hàng hóa, công nợ với khách hàng;
 - Hàng ngày tổng hợp, báo cáo lượng hàng bán ra của Phòng quản lý gửi về Phòng Quản lý hàng hóa và hóa dầu;
 - Theo dõi các hợp đồng bán hàng cho thương nhân của Chi nhánh để nộp thuế môi trường tại địa phương theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc;
 - Quản lý hóa đơn tài chính, xuất hóa đơn bán hàng cho khách hàng, thu tiền về chi nhánh;
 - Làm thủ tục chuyển tiền hàng và chuyển tạm tiền nộp thuế bảo vệ môi trường về công ty mẹ. Hàng tháng quyết toán các loại thuế, đối với thuế bảo vệ môi trường thì yêu cầu công ty mẹ chuyển trả để chi nhánh thực hiện nghĩa vụ thuế;
 - Quyết toán lãi, lỗ của chi nhánh hàng tháng;
 - Các công việc khác theo chỉ đạo trực tiếp từ Tổng Giám đốc.
- ***Phòng Quy hoạch Bán lẻ xăng dầu:***
 - Bộ phận Kinh doanh và Phát triển thị trường thực hiện những nhiệm vụ như sau:
 - Phối hợp với các chi nhánh làm hồ sơ đăng ký kinh doanh lần đầu cho các cửa hàng và trạm xăng dầu trực thuộc Phòng theo quy định. Hoặc cho Chi nhánh thuê tư vấn bên ngoài để làm thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh xăng dầu cho các Cửa hàng thuộc Chi nhánh;
 - Phối hợp với các Chi nhánh phát triển thị trường, mở rộng hệ thống bán lẻ xăng dầu tại các tỉnh thuộc Chi nhánh và thuộc Phòng;
 - Lập kế hoạch mua đất, mua cửa hàng xăng dầu cũ, xin chủ trương mở cửa hàng xăng dầu mới;
 - Ký hợp đồng mua các loại bình và quây thực phẩm pha chế nước giải khát cho khách hàng. Đồng thời, cung cấp các loại nước uống và khăn để phục vụ khách hàng trong lúc đổ xăng dầu;
 - Cung cấp hàng hóa các loại cho Cửa hàng và trạm phục vụ khách hàng;
 - Tổ chức sự kiện, khuyến mãi cho các Chi nhánh, cửa hàng/ trạm xăng dầu nhằm tăng sản lượng bán hàng tại các đơn vị này;
 - Phối hợp với các Chi nhánh làm thủ tục sửa chữa cửa hàng xăng dầu, vẽ toàn bộ logo, bảng hiệu cho các Chi nhánh, Cửa hàng/Trạm;
 - Phối hợp với các đơn vị chức năng đi kiểm tra tại các cửa hàng/ trạm xăng dầu về chất lượng, số lượng, tư cách phục vụ, công tác PCCC, vệ sinh xung quanh cửa hàng/ trạm xăng dầu;....
 - Quản lý và điều hành đội xe cung cấp hàng cho các đơn vị yêu cầu theo đúng quy định;

- Bộ phận Điều hành bán lẻ: phân phối xăng dầu cho các Chi nhánh bán buôn và Cửa hàng/ trạm bán lẻ xăng dầu thực hiện những nhiệm vụ như sau:
 - Phân phối xăng dầu cho các Chi nhánh Bán buôn nhỏ;
 - Phân phối xăng dầu cho các khách hàng công nghiệp, khách hàng đại lý;
 - Phân phối xăng dầu cho các Chi nhánh để các Chi nhánh cấp xuống cho các Cửa hàng bán lẻ xăng dầu thuộc Chi nhánh và cấp xăng dầu cho các Trạm xăng dầu trực thuộc Phòng;
 - Quản lý và điều hành các Chi nhánh hoạt động và bán hàng theo đúng quy định;
 - Quản lý hóa đơn cấp cho Cửa hàng thuộc Chi nhánh;
 - Điều phối phương tiện vận chuyển xăng dầu (xe, tàu) đến các chi nhánh bán buôn, các cửa hàng bán lẻ thuộc chi nhánh, các trạm xăng dầu trực thuộc phòng; Quản lý tiền bán buôn của Chi nhánh và tiền bán lẻ tại các Cửa hàng thuộc Chi nhánh và trạm trực thuộc Phòng;
 - Lập kế hoạch giao chỉ tiêu bán buôn cho các Chi nhánh, bán sỉ, bán lẻ xăng dầu cho các cửa hàng và trạm trực thuộc Phòng;
 - Cấp thẻ Vip cho khách hàng có mua xăng dầu số lượng lớn tại các cửa hàng và các trạm trực thuộc Phòng;
 - Cấp sổ khách hàng thường xuyên cho khách hàng kinh doanh công nghiệp và xe tải;
 - Đề nghị cung ứng tất cả các sản phẩm, dịch vụ, nước uống, khăn lạnh, các sản phẩm dịch vụ kinh doanh;
 - Theo dõi các khu nhà trọ, trạm dừng chân, cửa hàng ăn uống trực thuộc Chi nhánh.
- ***Phòng vận tải dầu khí có những chức năng và nhiệm vụ như sau:***
 - Đăng ký các thủ tục pháp lý cho các phương tiện vận tải thủy, bộ của Phòng quản lý;
 - Quản lý và theo dõi 02 đội vận tải thủy, bộ của Phòng quản lý;
 - Điều động, kinh doanh vận tải, xuất hóa đơn vận chuyển cho khách hàng;
 - Theo dõi tổng hợp các chi phí vận chuyển, định mức nhiên liệu, cấp nhiên liệu cho các phương tiện theo quy định;
 - Theo dõi các hợp đồng vận chuyển thuê ngoài, đối chiếu hàng tháng, trừ hao hụt theo định mức, thanh toán cho khách hàng theo hợp đồng đã thuê;
 - Làm thủ tục công chứng thế chấp tài sản thủy, bộ thuộc Phòng quản lý khi có yêu cầu;
 - Thực hiện quyết định hỗ trợ tài chính:
 - + Hạn mức từ 400 triệu trở xuống thuộc đối tượng tín chấp thì Phó Tổng Giám đốc, Trưởng Phòng kinh doanh xăng dầu chịu trách nhiệm đánh giá và đề xuất cho tín chấp;
 - + Hạn mức từ trên 400 triệu đến 800 triệu: phối hợp cùng Phòng kế toán tổng hợp

thẩm định tài sản;

- Thực hiện theo dõi sửa chữa nhỏ, trang trí logo, bảng hiệu theo đúng quy định trong kinh doanh xăng dầu.

- ***Phòng kỹ thuật xăng dầu***

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác đo lường – giao nhận, chất lượng, hao hụt xăng dầu và chiến lược sản phẩm của Công ty.

- ***Phòng kỹ thuật công nghệ an toàn***

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác định hướng chiến lược đầu tư phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật; nghiên cứu phát triển, đổi mới công nghệ – trang thiết bị kỹ thuật theo hướng hiện đại hóa, tự động hóa và áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu; tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả, đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống thiên tai đối với hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật; quản lý công tác tiêu chuẩn hóa và nghiên cứu khoa học trong Công ty.

- ***Phòng Quản lý Hàng hóa và Hóa dầu:***

Nhiệm vụ của lãnh đạo Phòng Quản lý hàng hóa và hóa dầu: Làm kế hoạch nhập khẩu hàng tháng để cung ứng cho tất cả các đơn vị thuộc Công ty và các đơn vị bên ngoài; Tổng hợp kế hoạch kinh doanh của các đơn vị để trình cho Trưởng Ban, phó Ban để đề nghị Phòng xuất nhập khẩu nhập theo kế hoạch yêu cầu.

Phòng Quản lý Hàng hóa và Hóa dầu có 02 bộ phận trực thuộc:

- Bộ phận Quản lý hàng hóa và cung ứng xăng dầu thực hiện những công việc như sau:
 - Quản lý tất cả hàng hóa tại các kho đầu mối của Công ty, các kho thuê, các kho tuyến sau;....
 - Nhập và quản lý toàn bộ xăng dầu từ Phòng Xuất nhập khẩu đã làm giá thành chuyển sang;
 - Nhập và quản lý toàn bộ condensate từ nguồn nhập khẩu;
 - Phối hợp với Phòng xuất nhập khẩu đi nhận hàng và phân bổ hao hụt theo từng lô hàng, tránh trường hợp tồn đọng. Đồng thời, hàng tháng, hàng quý kiểm kê và đối chiếu toàn bộ các kho hàng hóa do Bộ phận quản lý;
 - Cấp xăng dầu nguyên liệu và condensate cho các đơn vị có yêu cầu gia công và pha chế xăng dầu;
 - Phối hợp với Bộ phận Kế hoạch hóa dầu làm giá thành để nhập kho xăng dầu pha chế;
 - Hàng tháng tập hợp, kiểm tra thuế bảo vệ môi trường của các đơn vị, tính thuế bảo

- vệ môi trường của Công ty và quỹ bình ổn giá theo đúng quy định;
- Cung ứng xăng dầu cho các Phòng/Ban trực thuộc Công ty, các đơn vị thành viên khi có yêu cầu;
 - Quản lý toàn bộ hồ sơ chứng từ, sổ sách, đối chiếu với kho hàng tháng để khi có thanh tra thì cung cấp đầy đủ;
 - Quản lý các hợp đồng mua bán xăng dầu cho các đầu môi và thương nhân, đơn vị thành viên của Bộ phận;
 - Quản lý hợp đồng mua bán xăng dầu của các đơn vị thành viên;
 - Kiểm tra và đối chiếu công nợ mà Bộ phận cấp hàng cho các phòng ban, đơn vị thành viên có kinh doanh xăng dầu;
 - Xin ý kiến lãnh đạo phòng và phối hợp với những đơn vị thành viên đi thăm hỏi khách hàng, mở rộng thị trường.
- Bộ phận Kế hoạch hóa dầu thực hiện những công việc như sau:
- Làm kế hoạch pha chế xăng dầu trình lãnh đạo dựa theo yêu cầu của Bộ phận Quản lý hàng hóa và cung ứng xăng dầu;
 - Quan hệ với các cơ sở pha chế để làm công thức pha chế;
 - Chịu trách nhiệm mua hóa chất, nhập kho hóa chất và lên kế hoạch nguyên liệu phục vụ pha chế theo yêu cầu. Đồng thời, thông báo với các cơ sở pha chế tiếp nhận hóa chất theo hợp đồng đã ký;
 - Làm đề nghị nhận xăng dầu nguyên liệu và condensate từ Bộ phận Quản lý hàng hóa và cung ứng xăng dầu để pha chế theo từng lô;
 - Thông báo kế hoạch pha chế cho các đơn vị có chức năng pha chế xăng dầu;
 - Làm tất cả giá thành pha chế chuyển sang cho Bộ phận Quản lý hàng hóa và cung ứng xăng dầu để nhập kho và xuất bán;
 - Quản lý các hợp đồng thuê gia công và pha chế cho các cơ sở sản xuất và pha chế xăng dầu;
 - Theo dõi các hợp đồng & công nợ mua bán hóa chất;
 - Điều động hàng hóa đúng tuyến theo chỉ đạo của lãnh đạo Phòng;
 - Phối hợp với Phòng Kế toán làm đề nghị và hoàn thành các thủ tục thanh toán các khoản tiền mua hóa chất.
- **Phòng Kế toán:**
 - Nhiệm vụ thứ 1: Liên quan đến ngân hàng, gồm có:
 - Quan hệ với các ngân hàng mở tài khoản và xin cấp định mức tài chính nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
 - Phối hợp với Phòng Xuất nhập khẩu làm các thủ tục mở L/C, BLTT hoặc Vay ngắn hạn tại các ngân hàng đã được cấp hạn mức tín dụng;

- Theo dõi công nợ khách hàng ngoại tệ, lập kế hoạch thanh toán các L/C đến hạn;
- Phối hợp với phòng quản lý hàng hóa đối chiếu và thanh toán các khoản tiền mua các loại hóa chất trong tháng và các khoản phải thu bán hàng;
- Sắp xếp kế hoạch đi thăm hỏi các chuyên quản ở các ngân hàng thường xuyên nhằm tăng mối quan hệ tốt nhất.
- **Nhiệm vụ thứ 2: Liên quan đến thu chi tiền mặt tại công ty, gồm có:**
 - Thực hiện thu chi các khoản tạm ứng, thanh toán cho toàn Công ty;
 - Theo dõi các khoản tạm ứng, cho vay cá nhân;
 - Phối hợp với Chi nhánh, lập kế hoạch và cấp chi phí cố định hàng tháng cho các chi nhánh hạch toán phụ thuộc Công ty và các trạm trực thuộc đảm bảo hồ sơ đầy đủ trước khi thanh toán các chi phí liên quan (xây dựng, sửa chữa nhỏ, điện, nước,...).
- **Nhiệm vụ thứ 3: Liên quan đến đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản tại Công ty và Công ty thành viên, gồm có:**
 - Lập kế hoạch tài chính liên quan đến công nợ phải trả thuộc toàn Công ty;
 - Lập kế hoạch tài chính cho các đơn vị thành viên có vốn góp trên 51% cổ phần; cấp vốn đầu tư tài chính hợp tác liên doanh với các đơn vị thành viên có vốn góp dưới 49% cổ phần;
 - Kiểm tra hồ sơ và lập kế hoạch tài chính liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản cho các đơn vị thành viên mà Công ty chiếm tỷ lệ 100% vốn;
 - Cấp hạn mức hỗ trợ tài chính cho các Phòng Ban trực thuộc Công ty.

- ***Phòng Quản trị ERP***

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty trong việc tổ chức vận hành và khai thác sử dụng hiệu quả hệ thống ERP-SAP.

- ***Phòng Đầu tư tài chính và hợp tác quốc tế thực hiện những công việc như sau:***

- Quản lý hợp đồng đầu tư tài chính, cổ phiếu, chứng khoán, tài sản công cụ dụng cụ của Công ty thành viên;
- Quản lý toàn bộ số vốn và tài sản của các Công ty thành viên để báo cáo cho Ban Tổng giám đốc;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính theo quý của Công ty thành viên và ra kế hoạch quyết toán tài chính hằng năm của Công ty thành viên;
- Phối hợp với kiểm toán độc lập, kiểm soát toàn bộ hoạt động tài chính của Công ty thành viên khi có yêu cầu;
- Cấp nguồn vốn đầu tư cho các đơn vị thành viên;
- Phối hợp với các đơn vị hợp nhất báo cáo các Chi nhánh thành viên và Công ty thành viên lên báo cáo tổng hợp của toàn Công ty;

- Làm các thủ tục bán cổ phần ưu đãi, bán cổ phiếu, lưu giữ cổ phiếu và tất cả thông tin bảo mật của Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Quản lý tàu biển quốc tế Singapore.
- **Phòng Đầu tư Nông nghiệp và Xây dựng Công nghiệp**
 - Thực hiện các thủ tục xin cấp phép đầu tư các dự án Nông nghiệp và Xây dựng Công nghiệp của Công ty;
 - Quản lý việc triển khai các dự án Nông nghiệp và Xây dựng Công nghiệp;
 - Tìm kiếm các dự án đầu tư, đề xuất các phương án đầu tư ở các vị trí thuận lợi, đem lại lợi nhuận cho Công ty;
 - Các công việc khác theo sự phân Công của Ban Lãnh đạo.
- **Phòng Xuất nhập khẩu:**
 - Làm thủ tục nhập khẩu xăng dầu, nhập khẩu hóa chất;
 - Phối hợp với Phòng Kế toán Thu chi làm thủ tục mở L/C theo từng lô hàng và theo dõi các L/C đến hạn để đề nghị thanh toán;
 - Theo dõi và quản lý các hợp đồng mua xăng dầu và nguyên liệu, hóa chất nhập khẩu;
 - Quan hệ với các kho để giao nhận hàng hóa có lượng hao hụt thấp, không để bất lợi cho Công ty;
 - Chịu trách nhiệm làm giá thành nhập kho các lô hàng nhập khẩu và mua nội địa xăng, dầu sau đó chuyển giao hồ sơ qua phòng Quản lý hàng hóa và hóa dầu;
 - Quản lý và điều hành tàu biển của Công ty;
 - Đàm phán, ký hợp đồng thuê tàu chở hàng nhập khẩu đối với các lô hàng mua giá FOB và các lô hàng mua nội địa;
 - Phối hợp với Phòng Kế toán Thu chi thanh toán các khoản thuê kho, thuê bãi cho đơn vị mà Công ty đã thuê;
 - Tổng hợp lượng hàng nhập khẩu báo cáo về Bộ Công Thương và Bộ Tài Chính theo quy định kể cả các nguyên liệu nhập khẩu.
- **Phòng Hành chính Nhân sự:**
 - Bộ phận: Tổ chức và Nhân sự
 - Tham mưu cho Tổng Giám đốc về tổ chức cơ cấu của Công ty để Tổng Giám đốc chỉ đạo và điều hành hoạt động theo đúng quy định và Điều lệ Công ty;
 - Quản lý và thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách. Thực hiện quy hoạch phát triển trong lĩnh vực quản lý lao động, bố trí nhân sự, chế độ chính sách, bảo hộ lao động, chăm lo đời sống, sức khỏe cho người lao động;
 - Thực hiện theo dõi chấm công, tính lương hàng tháng và các chế độ phụ cấp (nếu có), xây dựng các chính sách về lao động, tiền lương, thưởng cho toàn Công ty. Giải

quyết các chế độ cho người lao động kịp thời, nhanh chóng như: BHXH, Chế độ ốm đau, thai sản, chính sách nghỉ việc;...

- Hỗ trợ các Phòng khác trong công việc quản lý nhân sự và làm cầu nối với Ban Tổng Giám đốc và Người lao động trong Công ty. Tổ chức công tác nhân sự phù hợp với yêu cầu Công ty phát triển.

➤ Bộ phận: Hành chính và Điều hành du lịch

✚ Công tác hành chính - văn thư lưu trữ

- Quản lý con dấu của Công ty. Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ hành chính, kiểm soát và quản lý hồ sơ pháp lý phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Quản lý, kiểm soát việc thanh toán các chi phí hành chính, dịch vụ phục vụ cho hoạt động của Công ty;
- Thực hiện cung cấp trang thiết bị, sách báo, văn phòng phẩm, biểu mẫu, đồng phục, trang bị bảo hộ lao động, công cụ lao động, nước uống... phục vụ nhu cầu hoạt động của các bộ phận văn phòng và khối sản xuất;
- Thực hiện các yêu cầu phục vụ như: vé máy bay, vé tàu xe, visa, đặt khách sạn, nhà hàng, đặt hoa dự lễ - tiệc, đặt báo – tạp chí... cho khách và Công ty;
- Chủ động phối hợp với Phòng, ban tổ chức Hội nghị, tri ân khách hàng, tổ chức tour Du lịch theo yêu cầu của Công ty;
- Thực hiện quản lý và điều hành các đơn vị có kinh doanh nhà hàng khách sạn, các khu vui chơi, giải trí, các Khu du lịch sinh thái;...
- Ban hành và kiểm soát các tài liệu biểu mẫu trong Công ty;
- Xây dựng văn hóa, văn minh của Công ty.

✚ Công tác bảo vệ - quản lý đội xe

- Thường trực tại cửa văn phòng Công ty để hướng dẫn khách đến liên hệ công tác;
- Thường xuyên kiểm tra bảo quản tài sản toàn khu vực Công ty trong phạm vi quản lý;
- Quản lý và thực hiện công tác vệ sinh văn phòng nơi làm việc của Công ty sạch sẽ;
- Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, phối hợp với các phòng ban thực hiện quy định về an ninh, an toàn PCCC;
- Lập và cấp định mức xăng dầu cho các phương tiện xe ô tô toàn Công ty và thường xuyên theo dõi nhắc nhở tài xế làm tốt việc bảo trì, bảo dưỡng đúng kỹ thuật, định kỳ hoạt động;
- Điều động xe và tài xế phục vụ công tác nhanh chóng kịp thời;
- Thường xuyên giáo dục lái xe an toàn, phục vụ tốt mọi lúc mọi nơi.

- **Phòng Đầu tư Xây dựng:**

- Quản lý tất cả hợp đồng thi công các dự án đầu tư của toàn Công ty;

- Quản lý các nhà thầu xây dựng theo hợp đồng Công ty đã ký (kể cả các Công ty thành viên);
- Kiểm tra tiến độ thi công theo hợp đồng đã ký. Đồng thời, kiểm tra vật tư cung cấp theo đúng yêu cầu;
- Phối hợp với nhà tư vấn làm giá thành quyết toán để chuyển sang Phòng Kế toán nhập kho thu hồi tạm ứng các dự án;
- Thực hiện thủ tục quyết toán đối với các công trình đã hoàn thành, bàn giao các công trình đã hoàn thành về các Phòng/ Ban bộ phận chức năng tiếp nhận và quản lý;
- Quản lý và Điều hành các Công ty phát triển Nông nghiệp và thực phẩm sạch;....
- Lập dự án, xin chủ trương đầu tư các dự án, thực hiện các thủ tục chuyển nhượng đất đai liên quan đến các dự án của Công ty, quản lý các dự án của Công ty;
- Xin chủ trương và phát triển các cửa hàng xăng dầu cho các Chi nhánh và Công ty;
- Thiết kế cho các Công trình dân dụng của Công ty và các cửa hàng xăng dầu thuộc Chi nhánh;
- Tổ chức sản xuất vật liệu xây dựng để cung cấp công trình của Công ty;
- Phối hợp các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng để mua số lượng lớn về phục vụ cho toàn Công ty;
- Kiểm tra kỹ thuật và quyết toán làm giá thành dự án thi công;
- Kiểm tra vật tư và thi công của đơn vị thi công (kể cả các Công ty thành viên);
- Theo dõi các hợp đồng vẽ logo bảng hiệu và sửa chữa nhỏ tại các cửa hàng xăng dầu;
- Quản lý và Điều hành các Công ty phát triển về dự án Công nghệ;....
- Được phép kiêm kế toán trưởng của các Công ty thành viên trong trường hợp các Công ty thành viên chưa có kế toán trưởng.

- ***Phòng Quan hệ công chúng***

Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo, quản lý, điều hành công tác xây dựng, sử dụng, quản lý thương hiệu và bảo vệ uy tín, hình ảnh, vị thế của Công ty tại thị trường trong nước và trên thế giới theo chiến lược phát triển thương hiệu của Công ty.

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông của Công ty

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% cổ phần của Công ty tại ngày 21/01/2020

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ/VĐL (%)
1	Mai Văn Huy	84.110.875	841.108.750.000	66,65

Tổng	84.110.875	841.108.750.000	66,65
-------------	-------------------	------------------------	--------------

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 21/01/2020 củaNSH)

4.2 Cơ cấu cổ đông của Công ty

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông Công ty tại ngày 21/01/2020

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ %/VDL
I	Trong nước	425	126.196.780	1.261.967.800.000	100
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	425	126.196.780	1.261.967.800.000	100
II	Nước ngoài	-	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-
	Tổng cộng	425	126.196.780	1.261.967.800.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 21/01/2020 củaNSH)

4.3 Cơ cấu cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 119 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014: “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6300177249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp lần đầu ngày 14/02/2012, thay đổi lần thứ 18 ngày 13/03/2020. Đến thời điểm hiện tại, các quy định hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã hết hiệu lực.

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức niêm yết, những công ty mà tổ chức niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức niêm yết

- **Công ty mẹ:** Không có.
- **Công ty con:**

Hiện nay Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu có 04 Công ty con, 02 công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào 02 đơn vị khác.

Thông tin và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết và các công ty đầu tư góp vốn như sau:

Bảng 4: Bảng Thông tin và tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết và các công ty đầu tư góp vốn

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn tại ngày 31/12/2019	Ngành nghề kinh doanh chính	Thông tin về doanh nghiệp
I. DANH SÁCH CÔNG TY CON					
1	Công Ty TNHH Du lịch Dầu khí Khách sạn Nam Sông Hậu Tourist (Tên cũ là Công ty TNHH du lịch sinh thái và khách sạn Hùng Cường) ⁴	46,02	100%	Buôn bán nhiên liệu, rắn, lỏng, khí; sản xuất sản phẩm dầu mỏ, hóa chất cơ bản; kinh doanh nhà hàng, khách sạn, du lịch; vận tải hàng nội địa đường thủy, đường bộ; xây dựng công trình dân dụng.	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1801370406 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 27/11/2014. Địa chỉ: 86 Nguyễn Thái Học, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

⁴ Đổi tên từ Công ty TNHH du lịch sinh thái và khách sạn Hùng Cường sang Công Ty TNHH - MTV Du lịch Dầu khí Khách sạn Nam Sông Hậu Tourist theo Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 14 ngày 11/07/2019

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn tại ngày 31/12/2019	Ngành nghề kinh doanh chính	Thông tin về doanh nghiệp
2	Công Ty CP Lọc Hóa Dầu Cần Thơ	203,92	55,37%	Buôn bán nhiên liệu, rắn, lỏng, khí; vận tải hàng nội địa đường thủy, đường bộ; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; sản xuất sản phẩm dầu mỏ, hóa chất cơ bản; sản xuất sơn, phân bón, hóa chất.	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1801453525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31/03/2016 Địa chỉ: Khu công nghiệp Hưng Phú II, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.
3	Công Ty CP Thương mại dầu khí Thuận Tiến	110	80,68%	Buôn bán nhiên liệu, rắn, lỏng, khí; vận tải hàng nội địa đường thủy, đường bộ; kho bãi và lưu giữ hàng hóa; kinh doanh bất động sản.	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1200527564 do do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 24/02/2004. Địa chỉ: Số 207 ấp Tân Thuận, Xã Bình Đức, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang.
4	Công ty TNHH Du lịch sinh thái An Lạc Thôn ⁵	19,4	52,58%	Xây dựng	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 2200751279 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 14/09/2018. Địa chỉ: Thửa đất số 18. tờ bản đồ số 47 ấp An Ninh, thị trấn An Lạc

⁵ Đổi tên từ Công ty TNHH Xây dựng Công nghệ Hóa dầu Đại Lộc thành Công ty TNHH Du lịch sinh thái An Lạc Thôn theo Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 1 ngày 14/08/2019

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn tại ngày 31/12/2019	Ngành nghề kinh doanh chính	Thông tin về doanh nghiệp
					Thôn, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.
II. DANH SÁCH CÔNG TY LIÊN KẾT					
1	Công ty Cổ phần Thương mại Chợ Gạo	19,966	27,29%	Kinh doanh xăng dầu, bán lẻ nhiên liệu động cơ	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1200459096 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 12/07/2001. Địa chỉ: Ô 1, Khu II, thị trấn Chợ Gạo, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.
2	Công ty cổ phần Kho cảng quan ngoại và thương mại dầu khí Nam Sông Hậu Gò Công (Tên cũ là CTCP Xuất nhập khẩu Dầu khí và Kho ngoại quan Sông Tiền Petro; CTCP Thương mại Hiệp Phước) ⁶	405	46,18%	Kinh doanh xăng dầu, bán lẻ nhiên liệu động cơ	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1200922998 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 09/06/2009. Địa chỉ: Ấp Đồi Ma, xã Kiểng Phước, huyện Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

⁶Đổi tên từ CTCP Xuất nhập khẩu Dầu khí và Kho ngoại quan Sông Tiền Petro thành CTCP Thương mại Hiệp Phước theo Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 16 ngày 07/05/2017 và tiếp tục đổi tên thành CTCP Kho cảng quan ngoại và thương mại dầu khí Nam Sông Hậu Gò Công theo Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần 18 ngày 08/11/2018

TT	Tên công ty	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn tại ngày 31/12/2019	Ngành nghề kinh doanh chính	Thông tin về doanh nghiệp
III. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC					
1	CTCP Lọc hóa dầu Nam Việt	200	6,82%	Kinh doanh, vận chuyển các sản phẩm dầu khí	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0305085745 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 26/07/2007 Địa chỉ: Tòa nhà Paxsky, 34A Phạm Ngọc Thạch, Phường 6, Quận 3, Tp Hồ Chí Minh.
2	CTCP Vận tải Dầu khí MEKONG	93	3,32%	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	Giấy chứng nhận ĐKKD số: 1800675684 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Cần Thơ cấp lần đầu ngày 23/08/2007. Địa chỉ: Lầu 7 Tòa nhà Techcombank, số 45A-47, đường 30/4, phường An Lạc, quận Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ.

(Nguồn: Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

Bảng 5: Tình hình doanh thu, lợi nhuận của các công ty con các năm gần đây*Đơn vị: đồng*

STT	Tên công ty	Năm 2018		Năm 2019	
		Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế
1	Công Ty TNHH Du lịch Dầu khí Khách sạn Nam Sông Hậu Tourist	-	(252.597.348)	-	(1.325.667.790)
2	Công Ty CP Lọc Hóa Dầu Cần Thơ	369.886.148.740	918.079.591	47.590.293.202	1.063.017.045
3	Công Ty CP Thương mại dầu khí Thuận Tiến	851.987.020.987	391.481.584	677.272.719.311	(3.866.301.138)
4	Công ty TNHH Du lịch sinh thái An Lạc Thôn	-	(60.791.790)	-	(93.492.584)

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018, 2019 của các Công ty con)

Năm 2018, Công ty thực hiện đầu tư vốn vào một số Công ty con nhằm mở rộng thị trường kinh doanh xăng dầu, chiếm lĩnh thị trường và cũng để đa dạng hóa các ngành nghề kinh doanh. Vì vậy trong giai đoạn 2018 – 2019, hầu hết các Công ty con của Nam Sông Hậu đều đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản hoặc thực hiện tái cấu trúc nên hoạt động kinh doanh chưa mang lại lợi nhuận cao. Đồng thời, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng với các khoản đầu tư vào công ty con mà hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty này bị lỗ. Riêng đối với Công ty TNHH Du lịch sinh thái An Lạc Thôn (tên cũ là Công ty TNHH Xây dựng Công nghệ hóa dầu Đại Lộc) năm 2018 lỗ 60,8 triệu đồng Công ty không trích lập do đây là khoản lỗ trong kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi Nam Sông Hậu thực hiện đầu tư đồng thời Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc chấp thuận khoản lỗ dự kiến này khi thực hiện đầu tư (Việc không trích lập này căn cứ theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 5 Thông tư 228/2009/TT-BTC về đối tượng trích lập dự phòng với các khoản đầu tư tài chính dài hạn). Trong thời gian tới, Ban Lãnh đạo Công ty sẽ tiếp tục siết chặt công tác quản lý tại các đơn vị này với mục tiêu tăng trưởng doanh thu, tiết

kiệm chi phí để gia tăng lợi nhuận, đóng góp vào lợi nhuận chung của cả tập đoàn.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu của Công ty

❖ Lĩnh vực kinh doanh chính

- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh dung môi hóa chất;
- Kinh doanh vận tải;
- Kinh doanh Bất động sản;
- Kinh doanh Khu du lịch sinh thái và Nông nghiệp.

❖ Về lĩnh vực kinh doanh xăng dầu

Hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty bao gồm các hoạt động sản xuất, pha chế (phối trộn) và hoạt động kinh doanh thương mại xăng dầu.

- Đối với hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là hoạt động chế biến condensate thông qua hệ thống chưng cất tại Nhà máy Lọc hóa dầu Cần Thơ để tạo ra các sản phẩm như Naptha (phục vụ pha chế xăng), dầu DO 0,05S và nhiều loại dung môi đáp ứng nhu cầu của thị trường như dung môi Solmix, dung môi White Spirit... Nhà máy Lọc hóa dầu Cần Thơ đặt tại KCN Hưng Phú II, Phường Phước Thới, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ, có công suất 250.000 tấn/năm, được thiết kế phù hợp với nhiều nguồn nhiên liệu khác nhau. Kho xăng dầu Cái Răng với sức chứa hơn 30.000 m³ và cầu cảng tiếp nhận tàu có trọng tải gần 3.000 tấn nhằm phục vụ công tác tồn trữ - xuất nhập (thủy bộ) - pha chế xăng E5, A95, DO và chế biến condensate.
- Đối với hoạt động pha chế: Các sản phẩm của hoạt động pha chế chủ yếu bao gồm xăng không chì RON 95 mức 3 (A95) và xăng E5 RON 92 mức 2 (E5).

Xăng A95 của Công ty được pha chế từ các nguyên liệu gồm: Naptha, xăng nền (có thể là xăng RON 92 hoặc RON 95) và các loại phụ gia như MTBE (Methyl Tert - Butyl Ether), Toluene...với hàm lượng nhỏ, được sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ đốt trong.

Xăng E5 được pha chế từ hỗn hợp xăng nguyên liệu (xăng không chì) và etanol nhiên liệu, hàm lượng etanol từ 4% đến 5%. Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Sông Hậu tại Cần Thơ - nơi có Kho xăng dầu Trà Nóc với sức chứa hơn 50.000 m³ và cầu cảng tiếp nhận tàu có tải trọng lên đến 10.000 tấn chịu trách nhiệm chính trong việc tồn trữ - xuất nhập (thủy bộ) - pha chế xăng E5, A95, DO. Ngoài ra, việc pha chế các sản phẩm xăng dầu còn được thực hiện tại Nhà máy lọc hóa dầu Cần Thơ. Các sản phẩm pha chế của Công ty ngoài việc được kiểm tra bởi máy đo chỉ số octan tại phòng thí nghiệm của Công ty, Nam Sông Hậu

còn tiến hành gửi các mẫu phẩm đến Trung tâm Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ để tiến hành kiểm tra chất lượng trước khi đưa ra thị trường, đảm bảo sản phẩm xăng dầu đến tay người dùng luôn đạt các yêu cầu về chất lượng.

- Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu: Ngoài việc bán các sản phẩm tạo ra từ quá trình sản xuất và pha chế, Công ty cũng đẩy mạnh việc thương mại các sản phẩm xăng dầu như Xăng Ron 95, dầu DO, Dung môi Ograsol....Các sản phẩm xăng dầu thương mại của Công ty chủ yếu cũng được nhập từ các đơn vị uy tín trong và ngoài nước như SOLEUM ENERGY PTE LTD, Chi nhánh phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam...

Bảng 6: Danh mục các sản phẩm chính của Công ty

STT	Sản phẩm	Mô tả sản phẩm
1	Dầu DO	Nhiên liệu diesel (DO) là hỗn hợp hydrocacbon lỏng có nguồn gốc từ dầu mỏ với khoảng nhiệt độ sôi trung bình phù hợp để sử dụng làm nhiên liệu động cơ diezen theo nguyên lý tự cháy khí nén dưới áp suất cao trong xy lanh.
2	E5 RON 92	E5 RON 92 là hỗn hợp của xăng không chì và etanol nhiên liệu, có hàm lượng etanol từ 4% đến 5% theo thể tích với chỉ số octan ≥ 92 .
3	RON 95	RON 95 là hỗn hợp dễ bay hơi của hydrocacbon lỏng có nguồn gốc từ dầu mỏ với khoảng nhiệt độ sôi thông thường từ 30°C đến 215°C, thường có chứa lượng nhỏ phụ gia phù hợp như phụ gia không chứa chì, được sử dụng làm nhiên liệu cho động cơ đốt trong.
4	Dung môi White Spirit	Dung môi White Spirit là hỗn hợp bay hơi của các hydrocacbon lỏng có nguồn gốc từ dầu mỏ với khoảng nhiệt độ sôi thông thường từ 120oC đến 215oC, không pha chì, sử dụng để sản xuất dung môi pha sơn.
5	Dung môi Ogarsol	Dung môi Ogarsol là hỗn hợp bay hơi của các hydrocacbon lỏng có nguồn gốc dầu mỏ với không nhiệt độ sôi thông thường 30°C đến 215°C, không pha chì, sử dụng để sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, dung môi pha sơn, naptha RON cao.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

Về thị trường hoạt động, hiện nay, Công ty có 71 cửa hàng bán lẻ trong đó 57 cửa

hàng đang hoạt động và 14 cửa hàng đang trong quá trình xin chủ trương, xây dựng, sửa chữa để chuẩn bị đi vào hoạt động. Với hệ thống bán lẻ rộng khắp các tỉnh trong khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, Công ty chỉ đứng sau Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL) về mạng lưới bán lẻ ở khu vực này.

Bảng 7: Danh sách hệ thống bán lẻ của Công ty

STT	Loại hình	Địa chỉ	Giấy chứng nhận
I	Các cửa hàng bán lẻ thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của doanh nghiệp đang hoạt động		
1	Chi nhánh CTCP Thương mại Dầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Bạc Liêu	Áp Công Điền, Xã Vĩnh Trạch, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu	Số 12/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Bạc Liêu; Cấp ngày 13/04/2015
2	Chi nhánh CTCP Thương mại Dầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Bạc Liêu 1	Áp Thị trấn A, TT Hòa Bình, Huyện Hòa Bình, Tỉnh Bạc Liêu	Số 12/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Bạc Liêu; Cấp ngày 12/02/2018
3	Chi nhánh CTCP Thương mại Dầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu Tại Thới Lai – Trạm xăng dầu Thới Lai	Áp Đông Lợi, Xã Đông Bình, Huyện Thới Lai, TP Cần Thơ	Số 21/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương TP.Cần Thơ; Cấp ngày 26/02/2019
4	Chi nhánh CTCP Thương mại Dầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu Tại Thới Lai – Trạm XD Thới Lai –Trạm xăng dầu Cờ Đỏ	Áp Thới Trung A, Xã Thới Xuân, Huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ	Số 06/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương TP.Cần Thơ; Cấp ngày 30/01/2019
5	Chi nhánh CTCP Thương mại Dầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu Tại Thới Lai – Trạm XD Thới Lai –Cửa Hàng xăng dầu Phong Điền	Số 09 Áp Nhơn Khánh A, xã Nhơn Nghĩa,, Huyện Phong Điền, TP Cần Thơ	Số 05/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương TP.Cần Thơ; Cấp ngày 21/01/2020
6	Chi nhánh CTCP Thương mại Dầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu Tại Thới Lai – Trạm XD Thới Lai –Cửa Hàng xăng dầu Bình Thủy	Số 15 Võ Văn Kiệt, phường Long hòa, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ	Số 08/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương TP.Cần Thơ; Cấp ngày 13/02/2020
7	Chi nhánh CTCP Thương mại Dầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu Tại Thới Lai – Cửa hàng xăng dầu Sinh học Ô Môn	Lô 2.7, Khu Công nghiệp Trà Nóc II, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP Cần Thơ	Số 76/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương TP.Cần Thơ; Cấp ngày 29/11/2019
8	Chi nhánh CTCP Thương mại Dầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng - Cửa hàng	Thửa đất số 610, tờ bản đồ số 7, Áp Lợi Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc	Số 87/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc

STT	Loại hình	Địa chỉ	Giấy chứng nhận
	xăng dầu Như Thạnh	Trăng	Trăng; Cấp ngày 30/05/2018
9	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu 1803	Thửa đất số 452, tờ bản đồ số 5, Khóm 3, Phường 1, Thị xã Ngã Năm, Tỉnh Sóc Trăng	Số 88/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 30/05/2018
10	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Cát Lượng	Thửa đất số 251, tờ bản đồ số 41, Khóm Sở Tại B, Phường Vĩnh Phúc, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng	Số 84/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 30/05/2018
11	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Lai Hòa Lợi	Số 130, Đường Giồng Nhãn, Khóm 6, Phường 1, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng	Số 82/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 30/05/2018
12	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Hải Mai	Thửa đất số 206, tờ bản đồ số 3, Ấp Đặng Văn Đông, Xã Vĩnh Hiệp, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng	Số 83/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 30/05/2018
13	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Quốc Khải	Thửa đất số 517, tờ bản đồ số 6, Ấp Hòa Đại, Xã Ngọc Tố, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng	Số 85/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 30/05/2018
14	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Nam Sông Hậu số 7 – Trần Đề	Thửa đất 791, tờ bản đồ số 6, Ấp Chợ, Xã Trung Bình, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng	Số 22/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 30/05/2019
15	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Khánh Thành	Số 627 Tôn Đức Thắng, Phường 5, TP Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	Số 86/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 30/05/2018
16	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Thắng Trận	Khóm 3, Phường 1, Thị xã Ngã Năm, Tỉnh Sóc Trăng	Số 23/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 24/01/2018

STT	Loại hình	Địa chỉ	Giấy chứng nhận
17	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Thanh Vân	Số 140, Khóm 7, Phường 1, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng	Số 150/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 13/12/2018
18	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Nam Sông Hậu số 11 – Lai Hòa	Số 91, Ấp Thum Lum B, Xã Lai Hòa, Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng	Số 20/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 23/04/2019
19	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Nam Sông Hậu số 12 – Liêu Tú	TĐ 1279, TĐ số 5, Ấp Đại Nôn, Xã Liêu Tú, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng	Số 27/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 29/05/2019
20	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu Nam Sông Hậu số 13 – Long Hưng	TĐ 671, TĐ số 09, Ấp Tân Hòa C, Xã Long Hưng, Huyện Mỹ Tú, Tỉnh Sóc Trăng	Số 51/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 24/06/2019
21	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng – Cửa hàng xăng dầu NSH số 14 An Thạnh Đông	Số 15 ấp Đền Thờ, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng	Số 112/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 10/10/2019
22	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng 2 – Cửa hàng xăng dầu An Lạc Thôn	Thửa đất số 1038, 1039,1040, 1110, 1111, tờ bản đồ số 2, Ấp An Ninh , Thị trấn An Lạc Thôn, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng	Số 07/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 10/01/2018
23	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Sóc Trăng 2 – Cửa hàng xăng dầu Xuân Hòa	TĐS 127, TĐ 44, Ấp Hòa Lộc 2, Xã Xuân Hòa, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng	Số 84/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Sóc Trăng; Cấp ngày 22/07/2019
24	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Đồng Tháp – Cửa hàng xăng dầu Hà Ngọc Thu	Ấp Tân Thuận B, Xã Tân Mỹ, Huyện Lấp Vò, Tỉnh Đồng Tháp	Số 37/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Đồng Tháp; Cấp ngày 01/02/2019
25	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Đồng Tháp-Cửa hàng xăng	Số 123, Ấp Thạnh Phú, X.Tân Bình, H.Châu Thành, Tỉnh Đồng Tháp	Số 24/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Đồng

STT	Loại hình	Địa chỉ	Giấy chứng nhận
	dầu Thanh Hiền		Tháp; Cấp ngày 23/01/2018
26	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Đồng Tháp – Cửa hàng xăng dầu Thanh Quyền	Đ.Kênh Tám Ngàn, Ấp 3, X.Tân Kiều, H.Tháp Mười, Tỉnh Đồng Tháp	Số 266/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Đồng Tháp; Cấp ngày 10/04/2018
27	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Vĩnh Long- Cửa hàng xăng dầu Mai Duy	Số 17/9, Ấp Sa Rày, X.Nhon Bình, H.Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh Long	Số 56/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Vĩnh Long; Cấp ngày 22/05/2018
28	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Vĩnh Long – Cửa hàng xăng dầu Trung Tín	Số 28, Ấp Mỹ Điền, X.Mỹ Phước, H.Mang Thít, Tỉnh Vĩnh Long	Số 58/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Vĩnh Long; Cấp ngày 22/05/2018
29	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Vĩnh Long – Cửa hàng xăng dầu Đồng Xanh	Ấp Thuận Phú A, X.Thuận An, TX.Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long	Số 57/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Vĩnh Long; Cấp ngày 22/05/2018
30	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Vĩnh Long – Cửa Hàng Xăng Dầu TIGER	Tổ 14, Ấp Phú An, X.Phú Thịnh, H.Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long	Số 55/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Vĩnh Long; Cấp ngày 22/05/2017
31	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Vĩnh Long – Cửa hàng xăng dầu Phú Quới	QL1A, tổ 8, Ấp Phú Long, X. Phú Quới, H. Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	Số 106/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Vĩnh Long; Cấp ngày 05/11/2018
32	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Vĩnh Long – Cửa hàng xăng dầu Tám Tỷ	Tổ 8, Ấp Tân Lập, X. Tân Thành, H. Bình Tân, Tỉnh Vĩnh Long	Số 107/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Vĩnh Long; Cấp ngày 05/11/2018
33	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Vĩnh Long – Cửa hàng xăng dầu Phường 8	Số 1D, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, TP. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Số 166/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Vĩnh Long; Cấp ngày 05/01/2019

STT	Loại hình	Địa chỉ	Giấy chứng nhận
34	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Vĩnh Long – Cửa hàng xăng dầu Hòa Phú	Tổ 3, Ấp Phú Hưng, X. Hòa Phú, H.Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long	Số 47/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Vĩnh Long; Cấp ngày 20/05/2019
35	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Trà Vinh- Cửa hàng xăng dầu NSH Số 01	Ấp Bãi Vàng, X.Hung Mỹ, H.Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh	Số 26/ GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Trà Vinh; Cấp ngày 14/06/2017
36	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Trà Vinh – Cửa hàng xăng dầu Số 02	QL54, Ấp Đại Mong, X.Phú Cần, H. Tiểu Cần, Tỉnh Trà Vinh	Số 07/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Trà Vinh; Cấp ngày 25/01/2017
37	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Trà Vinh –Cửa hàng xăng dầu NSH Số 03	Ấp Trà Ót, X.Thông Hòa, H.Cầu Kè, Tỉnh Trà Vinh	Số 25/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Trà Vinh; Cấp ngày 14/06/2017
38	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Trà Vinh –Cửa hàng xăng dầu Số 04	Ấp Tân Ngại, X.Lương Hòa, H.Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh	Số 17/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Trà Vinh; Cấp ngày 07/04/2017
39	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Trà Vinh –Cửa hàng xăng dầu NSH Số 06	Ấp Giồng Giếng, X.Dân Thành, TX.Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	Số 03/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Trà Vinh; Cấp ngày 09/01/2018
40	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Trà Vinh – Cửa hàng xăng dầu NSH Số 07	Ấp Cồn Trứng, X.Trường Long Hòa, TX.Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	Số 04/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Trà Vinh; Cấp ngày 09/01/2018
41	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại An Giang - Trạm XD Chi nhánh An Giang	Khóm Xuân Hiệp, Thị Trấn Tịnh Biên, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Số 651-0319/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh An Giang; Cấp ngày 22/03/2019
42	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí	Ấp Ba Xoài, Xã An Cư, Huyện Tịnh Biên,	Số 657-0818/GCNĐĐK-

STT	Loại hình	Địa chỉ	Giấy chứng nhận
	Nam Sông Hậu tại An Giang – Cửa hàng xăng dầu Mai Văn Chánh 02	Tỉnh An Giang	SCT; Do Sở Công thương Tỉnh An Giang; Cấp ngày 13/08/2018
43	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại An Giang – Cửa hàng xăng dầu Mai Văn Chánh 03	Ấp Phú Tâm, Xã An Phú, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Số 74-0818/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh An Giang; Cấp ngày 20/08/2018
44	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại An Giang – Cửa hàng xăng dầu Mai Văn Chánh 04	Ấp An Hòa, Xã Châu Lăng, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Số 649-0319/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh An Giang; Cấp ngày 22/03/2019
45	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại An Giang – Cửa hàng xăng dầu Mai Văn Chánh 05	Ấp An Ninh, Xã Lương Phi, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Số 532-0818/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh An Giang; Cấp ngày 20/08/2018
46	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại An Giang – Cửa hàng xăng dầu Mai Văn Chánh 06	Ấp Bà Đen, Xã An Cư, Huyện Tịnh Biên, Tỉnh An Giang	Số 426-0818/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh An Giang; Cấp ngày 20/08/2018
47	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại An Giang – Cửa hàng xăng dầu Số 07	Số 175/12, Khóm Bình Đức 5, P.Bình Đức, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Số 528-0118/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh An Giang; Cấp ngày 22/01/2018
48	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại An Giang – Cửa hàng xăng dầu số 08	Ấp Mỹ Phó, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang	Số 85-0417/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh An Giang; Cấp ngày 13/04/2017

STT	Loại hình	Địa chỉ	Giấy chứng nhận
49	CTY CP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu – Trạm XD Nam Sông Hậu số 6	Áp 1A, Xã Tân Hòa, H.Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Số 29/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Hậu Giang; Cấp ngày 21/04/2017
50	CTY CP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu – Trạm XD Nam Sông Hậu số 7	Áp Tân Phú, Xã Tân Bình, H.Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang	Số 1106/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Hậu Giang; Cấp ngày 02/07/2019
51	CTY CP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu – Trạm XD Nam Sông Hậu số 14	Áp Trường Hòa, Xã Trường Long A, H.Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Số 42/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Hậu Giang; Cấp ngày 13/07/2015
52	CTY CP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu – Trạm XD Ngã Bảy	Áp Xẻo Vong, Xã Hiệp Lợi, Thị Xã Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	Số 05/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Hậu Giang; Cấp ngày 23/01/2017
53	CTY CP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu – Trạm XD Long Trị	Áp 4, Xã Long Trị A, Thị xã Long Mỹ, Tỉnh Hậu Giang	Số 1207/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Hậu Giang; Cấp ngày 19/07/2019
54	CTY CP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu – Trạm XD Hòa Mỹ	Áp Mỹ Thành, Xã Hòa Mỹ, Huyện Phụng Hiệp, Tỉnh Hậu Giang	Số 1274/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Hậu Giang; Cấp ngày 31/07/2019
55	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Kiên Giang 1 – Cửa hàng xăng dầu Gò Quao	Số 725, Áp Hòa Mỹ, Xã Định Hòa, Huyện Gò Quao, Tỉnh Kiên Giang	Số 0142/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Kiên Giang; Cấp ngày 05/04/2019
56	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Kiên Giang 2 – Cửa hàng xăng dầu Giang Thành	Đường QL N1, Áp Tân Tiến, Xã Tân Khánh Hòa, Huyện Giang Thành, Tỉnh Kiên Giang	Số 0444/GCNĐĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Kiên Giang; Cấp ngày 25/02/2019

STT	Loại hình	Địa chỉ	Giấy chứng nhận
57	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu Tại Cà Mau – Cửa hàng xăng dầu NSH Cà Mau	Quản lộ Phụng Hiệp, Phường Tân Thành, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau	Số 529/GCNDĐK-SCT; Do Sở Công thương Tỉnh Cà Mau, Cấp ngày 04/10/2019
II	Các cửa hàng bán lẻ đang xin chủ trương, xây dựng, sửa chữa chuẩn bị đi vào hoạt động		
1	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu Tại Thới Lai – Cửa hàng xăng dầu Trường Xuân	Ấp Trường Thọ 1, Xã Trường Xuân, Huyện Thới Lai, TP Cần Thơ	Đang sửa chữa
2	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Trà Vinh – Cửa hàng xăng dầu NSH Số 05 (Đại Hùng A)	Ấp Phú Hòa, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh	Đang sửa chữa
3	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Trà Vinh – Cửa hàng xăng dầu NSH số 8	Khóm Phước Trị, Phường 1, TX Duyên Hải, Tỉnh Trà Vinh	Đất có chủ trương xây dựng
4	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại An Giang – Cửa hàng xăng dầu NSH số 9	Khóm 3, TT Tri Tôn, Huyện Tri Tôn, Tỉnh An Giang	Đang sửa chữa
5	Cửa hàng xăng dầu 1811-Ngã Năm	Ấp Vĩnh Mỹ A, Xã Vĩnh Biên, Huyện Ngã Năm, Tỉnh Sóc Trăng	Hợp tác kinh doanh Nam Việt
6	Cửa hàng xăng dầu 1813	Ấp 1B, TT Một Ngàn, Huyện Châu Thành A, Tỉnh Hậu Giang	Hợp tác kinh doanh Nam Việt
7	Trạm Xăng dầu NSH 1	Ấp 4, Xã Vị Bình, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang	Hợp tác kinh doanh Nam Việt
8	Cửa hàng xăng dầu Lập Tài	Ấp An Ninh, Thị trấn An Lạc Thôn, Huyện Kế Sách, Tỉnh Sóc Trăng	Đang sửa chữa
9	Cửa hàng xăng dầu Tư Định	Khu vực Phụng Thạnh 2, Phường Trung Tín,	Đang sửa chữa

STT	Loại hình	Địa chỉ	Giấy chứng nhận
		Huyện Thốt Nốt, TP Cần Thơ	
10	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Kiên Giang – Cửa hàng xăng dầu Như Thủy	Số 304 đường tỉnh 962, ấp Tân Đồi, xã Vĩnh Tuy, Huyện Gò Quao, Tỉnh Kiên Giang	Đang cho thuê
11	CTY CP TM ĐT Dầu khí Nam Sông Hậu – Cửa hàng xăng dầu Vĩnh Thạnh	Ấp Vĩnh Lộc, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, TP Cần Thơ	Đang cho thuê
12	Chi nhánh CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Vĩnh Long – Cửa hàng xăng dầu Tiên Tiến	Huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long	Đang sửa chữa
13	Cửa hàng xăng dầu Tư Hạnh	Ấp Nhơn Thành, xã Nhơn Nghĩa, Huyện Phong Điền, TP Cần Thơ	Đang sửa chữa
14	Cửa hàng xăng dầu Nguyễn Tuyết Mai	Ấp 1, Huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang	Đang sửa chữa

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

Một số hình ảnh về các cửa hàng xăng dầu của Công ty:



- Hệ thống phân phối:

+ Năm 2018: Công ty phân phối xăng dầu cho 450 đại lý, nhượng quyền bán lẻ, 25 thương nhân phân phối.

+ Năm 2019: Công ty phân phối xăng dầu cho 550 đại lý, nhượng quyền bán lẻ, 30 thương nhân phân phối. Bên cạnh đó, Công ty đang phân phối Dung môi cho 14 đơn vị khách hàng.

📊 Tổng số đại lý trên Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2019:

STT	Tỉnh	Đại lý
1	Tiền Giang	211
2	Bến Tre	143
3	Đồng Tháp	167
4	Vĩnh Long	132
5	Trà Vinh	118

STT	Tỉnh	Đại lý
6	Cần Thơ	138
7	An Giang	162
8	Kiên Giang	137
9	Sóc Trăng	154
10	Bạc Liêu	118
11	Cà Mau	123
Tổng		1.603

(Nguồn: Sở Công Thương các Tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long)

📊 Thực trạng thị phần các đầu mỗi năm 2019:

STT	Tên Thương nhân	Số đại lý	Tỷ lệ
1	Nam Sông Hậu	450	28%
2	Petimex	400	25%
3	Mekong	180	11%
4	Sài Gon Petro	160	10%
5	Resol	150	9%
6	Petrolimex	80	5%
7	Các thương nhân phân phối khác	183	12%
Tổng		1.603	100%

(Nguồn: Sở Công Thương các Tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long)

Số lượng đại lý trên địa bàn Đồng bằng Sông Cửu Long rất lớn nên khả năng phát triển kênh này rất tiềm năng so với kế hoạch đưa ra, nhưng để tiếp cận là ký hợp đồng được với khách hàng thì yêu cầu Công ty phải đầu tư thêm kho trung chuyển, đội ngũ vận tải, đặc biệt là có nguồn tài chính mạnh để ký công nợ cho khách hàng trả chậm.

❖ Về lĩnh vực kinh doanh Dung môi hóa chất:

Các sản phẩm dung môi hóa chất do Nam Sông Hậu cung cấp bao gồm: Dung môi LPG, Dung môi White Spirit, Dung môi 3040...

Công ty có hệ thống kho bãi tương đối lớn nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh dung môi hóa chất và xăng dầu, cụ thể như sau:

- Sức chứa kho tại Kho Cái Răng - Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Cần Thơ: 32.467 m³ (Nhà máy);
- Sức chứa kho tại Tổng kho Trà Nóc - CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu - Chi nhánh Cần Thơ: 54.663 m³. Cầu cảng tiếp nhận khoảng 10.000 DWT;
- Sức chứa kho tại Tổng Kho ngoại quan Gò Công: 73.991 m³.

Năm 2019, với việc được đánh giá là đối tác có nguồn hàng ổn định, quy mô quản lý, hoạt động chặt chẽ, đồng bộ từ khâu nhập hàng, sản xuất, công bố sản phẩm và xuất tiêu thụ trên thị trường, Công ty trở thành đối tác chính, độc quyền sử dụng sức chứa, tiếp nhận và bơm rót xăng dầu tại Kho VK102/CHC trực thuộc Cục Hậu cần Quân khu 7. Kho VK102/CHC có 14 bể chứa với tổng sức chứa 39.200 m³, trong đó Công ty Cổ phần TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu được phép sử dụng 25.000 m³, bao gồm 05 bể (số 7,8,9,13 và 14). Như vậy, tổng số kho mà Công ty đang sử dụng đã lên tới 10 kho, với sức chứa lớn nhất hơn 70.000 m³, cùng tải trọng cầu cảng lên tới 80.000 DWT, Công ty chỉ đứng sau Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) về kho cảng.

📊 Về sản lượng bán hàng:

- + Về số lượng: Năm 2019, tổng số lượng hàng hóa và bán thành phẩm đã bán là 686.150.023 lít, giảm 121.013.920 lít so với năm 2018 tương ứng với tốc độ giảm khoảng 15%.
- + Về doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm: Năm 2019 là 8.959,31 tỷ đồng, giảm 1.299,39 tỷ đồng so với năm 2018. Năm 2019, số lượng đầu mối kinh doanh xăng dầu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng tăng khiến sản lượng và thị phần của Công ty giảm nhẹ. Đây chính là nguyên nhân khiến doanh thu năm 2019 giảm so với năm 2018.

Bảng 8: Sản lượng doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm

STT	Mặt hàng	Năm 2018		Năm 2019	
		Số lượng (lít)	Doanh thu (đồng)	Số lượng (lít)	Doanh thu (đồng)
1	Xăng E5	55.087.543	614.391.415.942	32.221.496	330.008.349.682
2	Xăng RON 95	385.773.003	5.006.264.777.747	351.316.520	4.922.659.622.199

STT	Mặt hàng	Năm 2018		Năm 2019	
		Số lượng (lít)	Doanh thu (đồng)	Số lượng (lít)	Doanh thu (đồng)
3	Dầu DO	254.207.214	3.321.747.396.025	240.720.446	2.994.425.250.137
4	Dung môi Solmix	97.404.916	1.144.595.545.117	45.111.839	516.908.593.358
5	Dung môi White Sprit	14.691.267	171.698.684.911	7.979.722	96.855.240.279
6	Dung môi Ograsol	0	0	8.800.000	98.454.928.742
Tổng cộng		807.163.943	10.258.697.819.742	686.150.023	8.959.311.984.397

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

Bảng 9: Danh sách các kho Công ty đang giữ hàng hóa

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Sức chứa thực tế	Số hợp đồng	Tải trọng Cầu cảng (DWT)	Quyết định tải trọng	Ghi chú
1	Tổng Kho Trà Nóc - CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu - Chi nhánh Cần Thơ	Lô 2.7 khu công nghiệp Trà Nóc II, Phường Phước Thới, Quận Ô Môn, TP. Cần Thơ	54.663 m ³		10.000	Tải trọng cầu cảng Theo Quyết định số 543/QĐ-CHHVN ngày 22/06/2009	Thuộc Công ty
2	Kho Ngoại quan Gò Công - CTCP Kho Cảng Ngoại Quan và Thương mại Dầu khí NSH Gò Công	Ấp Đồi Ma, Xã Kiểng Phước, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang	73.991 m ³	Hợp đồng 05-2018/HĐTK/NSH-NSHGC ký ngày 08/11/2018 (20.000 m ³ /tháng)	20.000	Dự án 20.000 DWT, đã mở 10.000DWT theo Quyết định số 23/QĐ-CHHVN ngày 14/01/2013	Hợp đồng thuê (Kho cảng thuộc công ty liên kết)
3	Kho Cái Răng - CTCP Lọc hóa dầu Cần Thơ	KCN Hưng Phú II, Phường Phước Thới, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ	32.467 m ³	Hợp đồng 11/18/HĐ/PC-LHDCT ký ngày 18/12/2018 (30.000 m ³ /tháng)	2.600	Tải trọng cầu cảng Theo Quyết định số 416/QĐ-CHHVN ngày 29/05/2015	Hợp đồng thuê (Kho cảng thuộc công ty con)

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Sức chứa thực tế	Số hợp đồng	Tải trọng Cầu cảng (DWT)	Quyết định tải trọng	Ghi chú
4	Kho Thuận Tiến - CTCP Thương mại Dầu khí Thuận Tiến	số 207, ấp Tân Thuận, xã Bình Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang	4.768 m ³	Hợp đồng 01-2019/HĐTK/NSH-DKTT ký ngày 31/12/2018 (3.000 m ³ /tháng)	2.000		Hợp đồng thuê (Kho cảng thuộc công ty con)
5	Kho Long Hưng - CTCP Hóa dầu Long Hưng Bến Lức	Cụm CN Kiến Thành, ấp 3, xã Long Cang, h. Cần Đước, t. Long An	13.254 m ³	Hợp đồng 01-2019/HĐTK/NSH-LHBL ký ngày 31/12/2018 (3.000 m ³ /tháng)	2.000		Hợp đồng thuê
6	Kho VK 102/CHC/QK7	Số 2671 Đường Huỳnh Tấn Phát, Ấp 6, Xã Phú Xuân, H. Nhà Bè, TP.HCM	25.000 m ³	Hợp đồng 04/2019/VK-NSH ký ngày 30/03/2019 (25.000 m ³)	40.000		Hợp đồng thuê
7	Kho Petrolimex Nhà Bè - Công ty XD KVII - TNHH MTV	Khu Phố 6, đường Huỳnh Tấn Phát, TT Nhà Bè, TP. HCM	Tối thiểu 10.000 m ³	Hợp đồng 183900/2018/HĐT K-TT ký ngày 31/08/2018 (10.000 m ³ /tháng)	40.000	Tải trọng theo hợp đồng, bên cho thuê cho sử dụng tải trọng	Hợp đồng thuê
8	Xí nghiệp xăng dầu Petec Cái Mép - Tổng Cty TM	Ấp Ông Trịnh, Xã Tân Phước, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà	70.000 m ³	- Hợp đồng số 02/PETEC-NAMSONGHAU/2019-CM ký ngày	80.000		Hợp đồng thuê

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Sức chứa thực tế	Số hợp đồng	Tải trọng Cầu cảng (DWT)	Quyết định tải trọng	Ghi chú
	Kỹ Thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)	Rịa - Vũng Tàu		01/04/2019 (30.000 m ³) - Hợp đồng số 03/PETEC-NAMSONGHAU/2019-CM ký ngày 21/05/2019 (30.000 m ³) và phụ lục số 01 ký ngày 22/07/2019 (10.000 m ³)			
9	Kho Thanh Lễ - Tổng Cty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP	Số 2647 Đường Huỳnh Tấn Phát, Ấp 6, Xã Phú Xuân, H. Nhà Bè, TP.HCM	10.000 m ³ - 20.000 m ³	Hợp đồng 02/2019-HĐTN-BQ-BR ký ngày 15/03/2019 (10.000 m ³ -20.000 m ³ /tấn các loại/năm)	40.000	Tải trọng theo hợp đồng, bên cho thuê cho sử dụng tải trọng	Hợp đồng thuê

(Nguồn: Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

- ❖ **Về kinh doanh vận tải:** Đây không chỉ là dịch vụ hỗ trợ hoạt động kinh doanh xăng dầu, Công ty còn cung cấp dịch vụ vận tải tương đối toàn diện gồm vận tải thủy và vận tải đường bộ, hệ thống đội tàu, sà lan và đội xe chuyên nghiệp. Hiện nay, Công ty hiện đang sở hữu 06 chiếc tàu biển với tổng tải trọng lên đến 12.000 tấn phục vụ vận tải đường biển; 04 chiếc sà lan phục vụ vận tải đường sông với tổng tải trọng 3.223 tấn và 11 chiếc xe bồn phục vụ vận tải đường bộ. Chi tiết các phương tiện vận tải như sau:

Bảng 10: Bảng kê danh mục tàu xe

STT	Tàu	Thông tin
1	HGI - 5366 - Tàu NSH 1 (Phương Tiến)	Giấy chứng nhận phương tiện thủy nội địa số 5366/ĐK, cấp phương tiện SI, tàu chở dầu, năm đóng 1994, trọng tải 637 tấn
2	HGI - 5361 - Tàu NSH 2 (Hai Tùng)	Giấy chứng nhận phương tiện thủy nội địa số 5361/ĐK, cấp phương tiện SII, tàu chở dầu, năm đóng 2006/2011, trọng tải 21 tấn
3	HGI - 4863 - Tàu NSH 3 (Minh Tấn)	Giấy chứng nhận phương tiện thủy nội địa số 4863/ĐKS, cấp phương tiện VR-SI, tàu chở dầu loại I, năm đóng 1999/2003, trọng tải 737 tấn
4	Tàu dầu NSH SINGAPORE	Tàu NSH SINGAPORE, ASL Troubadour IMO no 9343754, cấp phương tiện NK, loại tàu chemical/oil products tanker, năm đóng 2007/Japan, trọng tải 12.306 DWT
5	HGI - 5586 - Tàu NSH 4	Giấy chứng nhận phương tiện thủy nội địa số 000593/ĐK, cấp phương tiện VR SI, tàu chở dầu, năm đóng 2001/2010, trọng tải 1050 DWT
6	Tàu NSH 5 - HGI 5735	Giấy chứng nhận phương tiện thủy nội địa số 000677/ĐK, cấp phương tiện VR SII, tàu chở dầu, năm đóng 1997, trọng tải 620 tấn
STT	Xe bồn	Thông tin
1	95C - 015.41 - Xe Bồn hiệu HINO	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 001965, loại xe xitec, năm sản xuất 2008
2	95C - 016.39 - Xe bồn hiệu HINO	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003472, loại xe xitec chở xăng, dầu, năm sản xuất 2015
3	95C - 017.54 - Xe bồn hiệu HINO-7m3	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005773, loại xe xitec chở xăng, dầu, năm sản xuất 2015

4	95C - 024.96 - Xe bồn hiệu HINO- 6m3	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 005188, loại xe xitec chở xăng, dầu, năm sản xuất 2016
STT	Xe bồn	Thông tin
5	67C - 085.50 - Xe bồn hiệu HINO-7m3	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 013676, loại xe xitec , năm sản xuất 2017
6	95C - 031.20 - Xe bồn hiệu HINO - 6m3	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018656, loại xe xitec, năm sản xuất 2017
7	95C - 022.84 - Xe bồn hiệu HINO - 6m3	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018654, loại xe xitec chở xăng, dầu, năm sản xuất 2016
8	95C - 034.66 - Xe bồn hiệu HINO - 6m3	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018635, loại xe ô tô xitec, năm sản xuất 2017
9	95C - 035.52 - Xe bồn hiệu HINO - 6m3	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018894, loại xe xitec chở xăng, dầu, năm sản xuất 2016
10	95C - 038.02 - Xe bồn hiệu HINO - 6m3	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006683, loại xe chở xăng, dầu, năm sản xuất 2017
11	95C - 042.34 - Xe bồn hiệu HINO - 11m3 (ngăn 4-3-2-2)	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006933, loại xe xitec chở xăng, dầu, năm sản xuất 2017

(Nguồn: Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

Một số hình ảnh về các phương tiện vận tải của Công ty:





❖ Về lĩnh vực kinh doanh bất động sản, kinh doanh Khu du lịch sinh thái và nông nghiệp:

Lĩnh vực kinh doanh chính của NSHPETRO là xuất nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu, lọc – hóa dầu, LPG, Gas, đầu tư vốn vào các Công ty, Chi nhánh thành viên của Công ty để kinh doanh các ngành nghề mà NSHPETRO đang kinh doanh và các ngành nghề khác theo lĩnh vực đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, Công ty đầu tư vào kinh doanh các ngành nghề thiết kế, xây dựng, bất động sản, chăn nuôi thủy sản, du lịch, nhà hàng khách sạn, trạm dừng chân,... Hiện nay các dự án Bất động sản, du lịch sinh thái đã hoàn tất việc xin chủ trương thực hiện dự án, đang trong quá trình giải phóng mặt bằng, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin cấp phép xây dựng,... Một số dự án tiêu biểu của Công ty như sau:

✚ Dự án Khu tái định cư xã Vàm Láng

- **Địa điểm:** Khu phố 2, Thị trấn Vàm Láng, Huyện Gò Công Đông, Tỉnh Tiền Giang
- **Cơ sở pháp lý:**
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 3645345358 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp lần đầu ngày 09/06/2011, thay đổi lần 1 ngày 15/10/2019
- **Diện tích đất sử dụng:** Khoảng 3,622 ha
- **Quy mô dự án đầu tư:** 185 lô nền, 01 khu dịch vụ và 01 khu văn phòng, trong đó có 88 lô nền tái định cư; 97 lô nền dành cho nhà ở thương mại.
- **Tổng mức đầu tư:** 31.933.260.000 đồng
- **Tình hình thực hiện dự án:** Công ty đã hoàn thiện xong thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đang tiến hành xây dựng cơ sở hạ tầng (điện nước, đường xá...). Dự kiến trong năm 2020, dự án sẽ mang lại doanh thu

khoảng 231 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế là 46 tỷ đồng.

✚ Dự án Khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng

- **Địa điểm:** Xã Nhơn Nghĩa, Huyện Phong Điền, Thành phố Cần Thơ.
- **Cơ sở pháp lý:**
 - Quyết định chủ trương đầu tư số 1810/QĐ-UBND ngày 19/07/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ.
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 7688557425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31/07/2018.
- **Diện tích đất sử dụng:** Khoảng 09 ha.
- **Quy mô dự án đầu tư**
 - Công suất thiết kế: Dự kiến phục vụ 800 người/ngày/đêm.
 - Quy mô kiến trúc xây dựng:
 - + Diện tích xây dựng: 22.500 m².
 - + Mật độ xây dựng toàn khu: 25%.
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 67.500 m².
 - + Số tầng cao tối đa: 03 tầng.
 - Bảng tổng hợp kế hoạch sử dụng đất dự kiến:

STT	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất khu nghỉ dưỡng	22.500	25
2	Đất giao thông, sân bãi	18.000	20
3	Đất cây xanh, mặt nước	49.500	55
	Tổng cộng	90.000	100

- **Tổng mức đầu tư:** 141.536.000.000 đồng.
- **Tình hình thực hiện dự án:** Công ty đã hoàn thành việc giải phóng mặt bằng, đang tiến hành san lấp nền và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Dự kiến đến tháng 12/2020, dự án sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động. Doanh thu hàng năm dự kiến là 41 tỷ đồng/năm; lợi nhuận sau thuế dự kiến hàng năm khoảng 7,5 tỷ đồng/năm.

✚ Dự án Tổng kho dầu khí Soài Rạp – NamSongHau Petro

- **Địa điểm:** Ấp Chợ, xã Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.
- **Cơ sở pháp lý:**
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Số 7745001483, chứng nhận lần đầu ngày 07/8/2009. Chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 11/07/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp.
- **Diện tích đất sử dụng: 42ha**
- **Quy mô dự án đầu tư:**
 - Công suất:
 - + Kho chứa xăng dầu: 520.000 m³;
 - + Nhà máy chế biến condensate: 500.000 tấn/năm;
 - + Cảng phao: 50.000 DWT;
 - + Cảng cứng: 50.000 DWT.
 - Sản phẩm, dịch vụ cung cấp:
 - + Nhựa đường: 72.000 m³/năm (Sức chứa 14.400 m³);
 - + LPG: 25.000 tấn/năm (Sức chứa 5.000 tấn);
 - + Hóa chất và các sản phẩm sinh học: 62.500 m³/năm (Sức chứa 12.500 m³).
- **Tổng mức đầu tư:** 1.500.000.000.000 đồng.
- **Tiềm năng và lợi thế phát triển:**

Với tổng kho có diện tích 42 ha cặp sông Soài Rạp có tiềm năng phát triển trong tương lai, vì vậy Công ty định hướng tập trung và phát triển Tổng kho dầu khí Soài Rạp để nhanh chóng đưa vào hoạt động các lĩnh vực: Kho ngoại quan, cầu cảng, nhà máy chế biến condensate,... Khi Tổng kho hoạt động sẽ thu được nguồn thu đáng kể và ổn định cho Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu.

- **Tình hình thực hiện dự án:** Công ty đang tiến hành triển khai san lấp mặt bằng, dự kiến sẽ hoàn thành dự án vào cuối năm 2022. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến mang lại hàng năm lần lượt là 396 tỷ đồng/năm và 28 tỷ đồng/năm

✚ Dự án Cảng chuyên dùng, kho chứa xăng dầu, nhà máy sản xuất dầu nhờn, nhà máy khí hóa lỏng và nhà máy chế biến xăng sinh học

- **Địa điểm:** Ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Cơ sở pháp lý:

- Giấy chứng nhận đầu tư: Số 64121000427, chứng nhận lần đầu ngày 15/3/2012. Chứng nhận thay đổi lần thứ 4 ngày 09/02/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

- Diện tích đất sử dụng: khoảng 11,1 ha**- Quy mô dự án đầu tư:****• Công suất:**

- + Cầu cảng chuyên dùng: 15.000 DWT;
- + Kho chứa xăng dầu: 50.000 m³;
- + Nhà máy chế biến xăng sinh học: 150.000 tấn/năm.

- Tổng mức đầu tư: 290.976.000.000 đồng.**- Tiềm năng và lợi thế phát triển:**

Với diện tích trên 11ha nằm cặp theo Sông Hậu và quốc lộ Nam Sông Hậu, dự án có vị trí chiến lược để xây dựng một tổ hợp lọc hóa dầu với các nhà máy chuyên sản xuất và pha chế các sản phẩm dầu mỏ đủ sức cung ứng ra thị trường miền Tây Nam Bộ các sản phẩm chất lượng phục vụ cho nhu cầu năng lượng cho các tỉnh phía nam Sông Hậu.

- **Tình hình thực hiện dự án:** Công ty đã hoàn thiện xong thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công tác giải phóng mặt bằng, đang tiến hành lập bản vẽ chi tiết để xin cấp giấy phép xây dựng. Dự kiến cuối năm 2021, dự án sẽ hoàn thành, đi vào hoạt động. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến hàng năm lần lượt là 130 tỷ đồng/năm và 9 tỷ đồng/năm.

✚ Dự án Kho trung chuyển xăng dầu, nhà máy phối trộn xăng dầu sinh học, trạm chiết nạp gas.

- **Địa điểm:** Ấp Xoài Rùm, xã Kim Sơn, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Cơ sở pháp lý:

- Quyết định chủ trương đầu tư: Số 2075/QĐ-UBND ngày 22/10/2018 do UBND tỉnh Trà Vinh cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Số 4016664548 ngày 10/12/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.
- Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh V/v cho phép chuyển mục đích sử dụng đất diện tích 46.873,7 m².

- Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 05/02/2020 của UBND tỉnh Trà Vinh V/v cho Công ty thuê 46.873,7 m² để thực hiện dự án
- **Diện tích đất sử dụng:** Khoảng 49.000 m²
- **Quy mô dự án đầu tư:**
- Nhà máy phối trộn xăng sinh học: Công suất 100.000 tấn/năm, 03 bồn chứa nguyên liệu (Mỗi bồn 1.000 m³);
- Cảng chuyên dụng: 7.000 DWT;
- Trạm chiết nạp khí hóa lỏng sức chứa: 4.000 m³;
- Kho chứa xăng dầu: 4.800 m³.
- **Tổng mức đầu tư:** 150.000.000.000 đồng.
- **Tiềm năng và lợi thế phát triển:**

Dự án với diện tích gần 5 ha nằm cặp theo sông Hậu và cửa biển Định An có khả năng tiếp nhận tàu chở nguyên liệu phục vụ việc pha chế xăng sinh học và phân phối các sản phẩm xăng dầu cho địa bàn tỉnh Trà Vinh nói riêng cũng như vùng phía bắc sông Hậu đến tỉnh Tiền Giang.

- **Tình hình thực hiện dự án:** Công ty đang hoàn thiện thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Dự kiến đến tháng 9/2021, dự án sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến mang lại hàng năm lần lượt là 109 tỷ đồng/năm và 8 tỷ đồng/năm.

🚧 Dự án nhà máy sản xuất xăng sinh học E5 VÀ E10

- **Địa điểm:** Ấp Hòa Phú, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.
- **Cơ sở pháp lý:**
- Quyết định chủ trương đầu tư : Số 2150/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 do UBND tỉnh An Giang cấp.
- **Diện tích đất sử dụng:** 34.600 m²
- **Quy mô dự án đầu tư:**
- Bồn chứa nguyên liệu và hóa chất: 4.000 m³;
- Kho chứa xăng dầu: 4.500 m³;
- Cầu cảng và cầu dẫn;
- Nhà máy sản xuất ethanol tinh khiết: 200.000 tấn/năm.

- **Tổng mức đầu tư:** 175.000.000.000 đồng.
- **Tiềm năng và lợi thế phát triển:**

Dự án có diện tích khoảng 3,5 ha nằm cặp kênh Long Xuyên-Rạch Giá, ngay vùng trồng nguyên liệu để sản xuất ethanol dùng pha chế xăng sinh học E5 và E10. Nhà máy có công suất lớn đủ cung cấp nhiên liệu sinh học phục vụ việc pha chế của Công ty và cung ứng ra thị trường nhằm đáp ứng mục tiêu giảm khí thải độc hại và bảo vệ môi trường khi sử dụng nhiên liệu hóa thạch tại Việt Nam.

- **Tình hình thực hiện dự án:** Tính đến hiện nay, Công ty đã hoàn thiện một phần công tác giải phóng mặt bằng, đang tiến hành mua thêm đất từ các hộ dân. Dự kiến đến tháng 12/2021, dự án sẽ hoàn thiện và đi vào hoạt động. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế hàng năm dự kiến mang lại lần lượt là 36 tỷ đồng/năm và 3,5 tỷ đồng/năm.

✚ Dự án kho trung chuyển xăng dầu, nhà máy phối trộn xăng sinh học, trạm chiết nạp gas, trạm cung cấp xăng dầu sinh học

- **Địa điểm:** Cụm Công nghiệp Ngã Năm, thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.
- **Cơ sở pháp lý:**
 - Quyết định chủ trương đầu tư: Số 2179/QĐ-UBND ngày 29/8/2018 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp.
 - Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư: Số 4118718643 ngày 14/9/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp.
- **Diện tích đất sử dụng:** 108.000 m²
- **Quy mô dự án đầu tư:**
 - Kho chứa xăng dầu: 4.800 m³;
 - Nhà máy sản xuất xăng sinh học: 150.000 tấn/năm;
 - Trạm chiết nạp LPG: Sức chứa 4.000 m³.
- **Tổng mức đầu tư:** 210.000.000.000 đồng.
- **Tiềm năng và lợi thế phát triển:**

Dự án có diện tích 10,8 ha trong Cụm Công nghiệp Ngã Năm cặp sông lớn và đường Quốc lộ Nam Sông Hậu, là kho xăng dầu tuyến sau của Công ty có khả năng dự trữ và cung ứng cho thị trường Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau. Nhà máy phối trộn xăng sinh học đủ khả năng phối trộn đảm bảo cho khả năng tiêu thụ tại địa bàn các sản phẩm xăng dầu sinh học và khí gas hóa lỏng.

- **Tình hình thực hiện dự án:** Tính đến hiện nay, Công ty đã hoàn thiện công tác giải

phóng mặt bằng, đang thực hiện hợp đồng ký quỹ để triển khai dự án và hoàn thiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thuê đất. Dự án dự kiến sẽ hoàn thành vào tháng 12/2021. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến mang lại lần lượt là 73 tỷ đồng/năm và 6 tỷ đồng/năm

✚ Dự án khu phức hợp sản xuất lúa hữu cơ và cụm kho bảo quản nông sản

- **Địa điểm :** Xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.
- **Cơ sở pháp lý:**
 - Quyết định chủ trương đầu tư: Số 2149/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 do UBND tỉnh An Giang cấp.
- **Diện tích đất sử dụng:** 650.000 m²
- **Quy mô dự án đầu tư:**
 - Diện tích đất dự kiến sử dụng: 650.000 m²;
 - Công suất: 1.200 tấn lúa tươi/năm;
 - Vùng trồng lúa hữu cơ: 550.000 m²;
 - Kho bảo quản nông sản 5.000 tấn: 10.000 m²;
 - Hệ thống sấy tuần hoàn 100 tấn/ngày: 5.000 m².
- **Tổng mức đầu tư:** 110.000.000.000 đồng.
- **Tiềm năng và lợi thế phát triển:**

Dự án có diện tích 65 ha nằm trong vùng tứ giác Long Xuyên, đất đai màu mỡ, làm lúa 3 vụ đáp ứng nhu cầu Cánh đồng mẫu lớn tại địa phương. Công ty áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất, hạn chế thấp nhất việc sử dụng thuốc bảo vệ thực vật và phân bón vô cơ tại đồng ruộng tiến tới việc sản xuất lúa hữu cơ phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Bên cạnh đó hệ thống bảo quản nông sản sau thu hoạch cũng hoàn thiện với kỹ thuật bảo quản hiện đại nhằm chống thất thoát sau thu hoạch và ổn định chất lượng lâu dài cho nông sản.

- **Tình hình thực hiện dự án:** Tính đến hiện nay, Công ty đã hoàn thiện công tác giải phóng mặt bằng, đang phối hợp với các kỹ sư nông nghiệp để thực hiện xuống giống vụ hè thu. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến mang lại hàng năm lần lượt là 8,5 tỷ đồng/năm và 1 tỷ đồng/năm.

6.2 Cơ cấu doanh thu

Bảng 11: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2018 - Q1.2020 của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng /Doanh thu(%)	Giá trị	Tỷ trọng /Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng/ Doanh thu (%)
1. Tổng cộng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.422.799.217.996	100,00	9.230.647.434.060	100	1.618.549.292.772	100,00
Doanh thu bán hàng hóa (hoạt động kinh doanh xăng dầu)	2.069.410.270.790	19,85	3.594.448.101.756	38,94	825.499.287.828	51,00
<i>Doanh thu bán sỉ (cho đại lý, thương nhân phân phối)</i>	<i>1.501.977.974.540</i>	<i>14,41</i>	<i>2.559.247.048.451</i>	<i>27,72</i>	<i>587.104.494.358</i>	<i>36,27</i>
<i>Doanh thu bán lẻ</i>	<i>567.432.296.250</i>	<i>5,44</i>	<i>1.035.201.053.305</i>	<i>11,21</i>	<i>238.394.793.470</i>	<i>14,73</i>
Doanh thu bán thành phẩm (hoạt động kinh doanh xăng dầu)	8.209.969.288.799	78,76	5.511.311.265.724	59,71	768.659.573.744	47,49
<i>Doanh thu bán sỉ (cho đại lý, thương nhân phân phối)</i>	<i>5.812.658.256.470</i>	<i>55,76</i>	<i>4.001.211.978.916</i>	<i>43,35</i>	<i>553.534.893.096</i>	<i>34,2</i>
<i>Doanh thu bán lẻ</i>	<i>2.397.311.032.329</i>	<i>23,00</i>	<i>1.510.099.286.808</i>	<i>16,36</i>	<i>215.124.680.648</i>	<i>13,29</i>
Doanh thu cung cấp dịch vụ (hoạt động cho thuê tàu biển, xe	143.168.679.367	1,37	111.895.854.704	1,21	23.919.695.080	1,48

bôn.....)						
Doanh thu khác (hoạt động cho thuê Nhà máy Lọc hóa dầu Cần Thơ...)	250.979.040	0,002	12.992.211.876	0,14	470.736.120	0,03
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	43.420.658.414	0,42	79.695.973.309	0,86	30.467.346.051	1,88
- Chiết khấu thương mại	43.413.294.778	0,42	79.695.973.309	0,86	30.467.346.051	1,88
- Hàng bán bị trả lại	7.363.636	0,0001	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.379.378.559.582	99,14	9.150.951.460.751	99,58	1.588.081.946.721	98,12

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

Bảng 12: Cơ cấu lợi nhuận gộp giai đoạn 2018 - Q1.2020 của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng / Doanh thu(%)	Giá trị	Tỷ trọng / Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng / Doanh thu(%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	663.319.771.181	6,36	701.755.167.260	7,60	101.124.458.937	6,35
Lợi nhuận gộp	202.279.542.099	1,94	317.860.496.055	3,44	47.745.781.330	2,95

từ bán hàng hóa						
Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	446.175.535.599	4,28	370.513.004.111	4,01	51.483.350.674	3,18
Lợi nhuận gộp từ cung cấp dịch vụ	14.407.240.773	0,14	14.513.325.269	0,16	1.875.102.041	0,12
Lợi nhuận gộp khác	457.452.710	0,004	(1.131.658.175)	-	20.224.892	0,001

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

Trong 2 năm 2018 - 2019 vừa qua, doanh thu từ hoạt động sản xuất và kinh doanh xăng dầu chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty, trong đó bao gồm: doanh thu bán hàng hóa và bán thành phẩm. Về cơ cấu doanh thu theo đối tượng, doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm của Công ty bao gồm doanh thu bán sỉ (bán cho đại lý, thương nhân phân phối) và doanh thu bán lẻ (bán cho người tiêu dùng), trong đó doanh thu bán sỉ chiếm tỷ trọng chủ yếu. Ngoài ra, doanh thu của Công ty còn đến từ các hoạt động như cung cấp dịch vụ như cho thuê tàu biển, xe bồn... và các hoạt động khác như cho thuê nhà máy...

Năm 2018 tỷ trọng doanh thu bán hàng hóa và bán thành phẩm lần lượt chiếm 19,85% và 78,77% trong tổng doanh thu. Bước sang năm 2019 doanh thu bán hàng hóa có sự tăng vọt 73,69% (từ 2,07 nghìn tỷ lên 3,59 nghìn tỷ) nhưng doanh thu bán thành phẩm giảm mạnh 32,87% (từ 8,21 nghìn tỷ còn 5,51 nghìn tỷ) so với năm 2018. Doanh thu bán thành phẩm giảm mạnh là nguyên nhân chủ yếu khiến tổng doanh thu của Công ty năm 2019 giảm so với 2018. Thay đổi này do có sự dịch chuyển trong cơ cấu doanh thu từ bán thành phẩm sang bán hàng hóa. Năm 2019, Tổng cục Hải quan đã có văn bản số 5597/TCHQ-TXNK ngày 03/09/2019 gửi đến Cục Hải quan các tỉnh, thành phố về việc tăng cường công tác quản lý xăng dầu nhập khẩu nhằm siết chặt công tác quản lý xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, dung môi, chất kích Ron dùng để pha chế xăng dầu, nhằm kịp thời phát hiện và ngăn chặn các trường hợp gian lận trong pha chế xăng dầu. Điều này, khiến lượng nguyên liệu (cụ thể ở đây là xăng nền) dùng để pha chế xăng dầu của Công ty bị sụt giảm, thiếu hụt, không đủ để pha chế thành phẩm dẫn đến lượng thành phẩm pha chế năm 2019 và doanh thu bán thành phẩm năm 2019 đều giảm so với năm 2018. Nhận thức được điều này, Ban Lãnh đạo Công ty đã tập trung đẩy mạnh mảng thương mại xăng dầu nhằm bù đắp phần doanh thu bị sụt giảm do hoạt động chế biến xăng dầu mang lại, đảm bảo hoàn thành kế hoạch doanh thu đã đặt ra, dẫn đến doanh thu bán hàng hóa tăng mạnh và cơ cấu doanh thu thuần có sự dịch chuyển từ

doanh thu bán thành phẩm sang bán hàng hóa.

Do sự ảnh hưởng của dịch bệnh và giá dầu giảm mạnh, doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty 3 tháng đầu năm 2020 có sự sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2019. Theo BCTC riêng quý I/2020, tổng doanh thu thuần là 1,43 nghìn tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ năm 2019 là 440,2 tỷ đồng. Tổng doanh thu thuần sau hợp nhất quý I/2020 là 1,59 nghìn tỷ đồng, giảm so với cùng kỳ năm 2019 là 463,55 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp của Công ty sau hợp nhất giảm khoảng 19,27 tỷ đồng, trong đó lợi nhuận gộp theo BCTC riêng giảm khoảng 26,64 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2019.

**Bảng 13: Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận gộp của Công ty
theo nhóm sản phẩm, dịch vụ**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng /Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng /Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng /Doanh thu (%)
Doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.355.168.815.059	100,00	9.065.804.962.263	100	1.459.979.252.181	100,00
1. Doanh thu bán hàng hóa	2.048.728.530.943	19,78	3.448.000.718.673	38,03	677.060.388.267	46,37
-RON 95	78.790.036.028	0,76	1.117.802.012.094	12,33	219.495.158.518	15,72
-DO	1.969.938.494.915	19,02	2.231.743.777.837	24,62	438.232.306.783	29,88
-Dung môi Ograsol	-	-	98.454.928.742	1,09	19.332.922.966	0,78
2. Doanh thu bán thành phẩm	8.209.969.288.799	79,28	5.511.311.265.724	60,79	768.659.573.744	52,65
-E5	614.391.415.942	5,93	330.008.349.682	3,64	46.126.080.382	3,15

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng /Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng / Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng / Doanh thu (%)
-RON 95	4.927.474.741.719	47,58	3.804.857.610.105	41,97	530.561.213.906	36,35
-DO	1.351.808.901.110	13,05	762.681.472.300	8,41	105.470.568.613	7,29
-Solmix	1.144.595.545.117	11,05	516.908.593.358	5,7	71.092.959.348	4,94
-White Sprit	171.698.684.911	1,66	96.855.240.279	1,07	15.408.751.495	0,93
3. Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.220.016.277	0,93	94.552.543.886	1,04	13.788.554.050	0,94
4. Doanh thu khác	250.979.040	0,002	11.940.433.980	0,13	470.736.120	0,03
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	637.692.422.528	6,16	676.213.144.232	7,46	83.658.107.475	5,73
1. Lợi nhuận gộp từ bán hàng hóa	189.623.457.902	1,83	306.456.687.156	3,38	37.913.469.576	2,6
- RON 95	7.292.542.108	0,07	101.554.996.817	1,12	12.663.936.255	0,87
- DO	182.330.915.794	1,76	202.759.280.984	2,24	24.684.483.880	1,69
- Dung môi Ograsol	-	-	2.142.409.355	0,02	565.049.441	0,04
2. Lợi nhuận gộp từ bán thành phẩm	446.175.535.599	4,31	370.513.004.111	4,09	45.658.971.797	3,13
- E5	7.508.890.546	0,07	4.141.228.038	0,05	512.330.842	0,04
- RON 95	400.716.595.252	3,87	320.041.656.858	3,53	39.440.290.546	2,7

Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
	Giá trị	Tỷ trọng /Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng / Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng / Doanh thu (%)
- DO	34.340.014.353	0,33	40.628.186.495	0,45	5.007.684.169	0,34
- Solmix	1.828.989.671	0,01	1.688.577.767	0,02	208.086.420	0,01
- White Sprit	1.781.045.777	0,02	4.013.354.953	0,04	490.579.820	0,03
3. Lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ	1.893.429.027	0,02	1.426.889.036	0,02	85.666.102	0,1
4. Lợi nhuận gộp khác	-	-	(2.183.436.071)	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2018 và 2019 của Công ty;
BCTC riêng Quý I/2020 của Công ty)

6.3 Nguyên vật liệu

Với chức năng là đơn vị kinh doanh xăng dầu, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu nhập khẩu các mặt hàng xăng dầu từ các nguồn cung cấp trong và ngoài nước rồi phân phối thông qua mạng lưới bán buôn và bán lẻ khắp cả nước. Việc nhập khẩu của Công ty ngoài mục tiêu nhằm đảm bảo nguồn cung theo kế hoạch hàng năm của Công ty, còn phải đảm bảo đáp ứng mức dự trữ lưu thông xăng dầu theo chỉ đạo từng thời kỳ cụ thể của Nhà nước.

Các nguồn cung cấp khá ổn định do Công ty có ký kết các hợp đồng cung cấp với số lượng xác định trước với nhà cung cấp. Tuy nhiên, giá dầu trên hợp đồng vẫn biến động theo tình hình giá dầu thế giới theo thông lệ quốc tế nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ phụ thuộc nhiều vào tình hình biến động giá dầu trong nước và thế giới.

Bảng 14: Một số đối tác cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty

STT	Tên đối tác	Quốc gia	Hàng hóa cung cấp
-----	-------------	----------	-------------------

01	SOLEUM ENERGY PTE LTD	Singapore	Xăng Ron 92
02	POSCO DAEWOO SINGAPORE PTE LTD	Singapore	Toluene, MTBE, Condensate
03	China-Base Resource Singapore Pte Ltd	Singapore	Toluene, MTBE
04	Công ty TNHH Tùng Lâm	Việt Nam	Ethanol
05	Công ty TNHH Hóa Chất INNOSPEC	Việt Nam	MMT 30%
06	Công ty TNHH Tư Vấn và Công Nghệ Nam Côn Sơn	Việt Nam	Ferrocence
07	Công ty TNHH Kinh Doanh Hóa Chất Việt Bình Phát	Việt Nam	Toluene, MTBE
08	Công ty TNHH DV và Thương Mại Hà Anh Phát	Việt Nam	Toluene, MTBE
09	CN Phân Phối Sản Phẩm Lọc Dầu Nghi Sơn – Tập Đoàn Dầu Khí Việt Nam	Việt Nam	Xăng Ron 92

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

Các nhà cung cấp chính của Công ty chủ yếu là các đơn vị phân phối xăng dầu lớn ở Singapore và một số đơn vị trong nước, trong đó phải kể đến Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) - đơn vị trực thuộc PVN chịu trách nhiệm tiêu sản phẩm lọc dầu của Nhà máy lọc dầu Nghi Sơn. Bên cạnh đó, Công ty đã là bạn hàng lâu năm của các đơn vị này nên nguồn cung nguyên vật liệu luôn được đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Công ty cũng đã chủ động ký kết các hợp đồng cung cấp với số lượng định trước nhằm đảm bảo tính ổn định cả về số lượng, chất lượng cũng như giá cả.

- **Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đầu vào đến lợi nhuận:**

Nguyên liệu đầu vào là yếu tố quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn ưu tiên sử dụng nguồn nguyên liệu xăng có chất lượng tốt nhằm sản xuất ra các sản phẩm xăng dầu đạt theo tiêu chuẩn Quốc gia. Việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng tốt đến khách hàng giúp cho sản phẩm xăng dầu của chúng tôi ngày càng được ưu chuộng, làm tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Giá cả cũng như nguồn cung cấp các nguyên liệu đầu vào luôn biến động không ngừng theo thị trường trong nước và thế giới, vì vậy chúng tôi luôn cố gắng ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp với số lượng lớn, ổn định vào thời điểm giá thấp để có được nguồn hàng ổn định cung cấp cho khách hàng và giảm giá thành sản phẩm nhằm nâng cao lợi nhuận của Công ty.

6.4 Chi phí sản xuất

Bảng 15: Chi phí giai đoạn 2018 – Q1.2020 của Công ty

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
		Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	% DTT
Báo cáo tài chính riêng							
1	Giá vốn hàng bán	9.674.063.097.753	93,82	8.309.895.844.722	92,47	1.345.905.535.012	94,15
2	Chi phí tài chính	155.582.056.619	1,51	207.042.571.207	2,3	20.185.738.654	1,41
3	Chi phí bán hàng	263.125.141.092	2,55	278.734.613.165	3,1	48.370.078.775	3,38
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	65.207.855.232	0,63	67.705.666.586	0,75	7.637.010.539	0,53
Tổng chi phí hoạt động SXKD		10.157.978.150.696	98,51	8.863.378.695.680	98,63	1.422.098.362.980	99,48
5	Chi phí khác	37.925.633.452	0,37	36.527.357.047	0,41	268.464.950	0,02
Doanh thu thuần		10.311.755.520.281	100,00	8.986.108.988.954	100,00	1.429.563.642.487	100,00
Báo cáo tài chính hợp nhất							
1	Giá vốn hàng bán	9.716.058.788.401	93,61	8.449.196.293.491	92,33	1.486.957.487.784	93,62
2	Chi phí tài chính	159.562.893.710	1,54	206.978.785.503	2,26	21.033.616.129	1,32
3	Chi phí bán hàng	266.460.999.119	2,57	281.859.358.416	3,08	48.888.785.266	3,08
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	83.387.344.023	0,80	86.876.332.404	0,95	11.336.144.798	0,71
Tổng chi phí hoạt động		10.225.470.025.253	98,52	9.024.910.769.814	98,62	1.568.216.033.977	98,75

S T T	Chỉ tiêu	Năm 2018		Năm 2019		Quý I/2020	
		Giá trị	%/ DTT	Giá trị	%/ DTT	Giá trị	% DTT
SXKD							
5	Chi phí khác	38.145.838.319	0,37	39.623.527.589	0,43	268.464.950	0,02
Doanh thu thuần		10.379.378.559.582	100,00	9.150.951.460.751	100	1.588.081.946.721	100,00

*(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019;
BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)*

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu, do vậy giá vốn hàng bán luôn là khoản chi phí chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tổng chi phí cho hoạt động SXKD cũng như trên doanh thu thuần của Công ty. Giá vốn hàng bán luôn chiếm trên 90% tổng chi phí chi phí sản xuất kinh doanh và doanh thu thuần. Năm 2019 do có sự chuyển dịch cơ cấu sản phẩm trong kinh doanh nên giá vốn hàng bán của năm 2019 sau hợp nhất đã giảm 13,04% so với năm 2018.

Theo sau giá vốn hàng bán, các chi phí chiếm tỷ trọng từ cao xuống thấp trên doanh thu thuần lần lượt là chi phí bán hàng, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp. Năm 2019, các khoản chi phí này đều tăng so với năm 2018, cụ thể chi phí bán hàng tăng 5,78%, chi phí tài chính tăng 29,72% và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 4,18%. Nguyên nhân chính chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng so với năm 2018 là do sự gia tăng của chi phí dịch vụ mua ngoài, cụ thể chi phí dịch vụ mua ngoài của hoạt động bán hàng tăng 9,87 tỷ đồng, gồm các khoản chi phí liên quan đến vận hành tàu biển quốc tế, vận chuyển hàng hóa, bảo hiểm hàng hóa, chi phí quảng cáo, giám định, phí giữ hộ...; chi phí dịch vụ mua ngoài của hoạt động quản lý doanh nghiệp tăng 25,61 tỷ đồng, gồm các chi phí du lịch cho công nhân viên hàng năm, phí ngân hàng, bảo hiểm, tiền điện... Chi phí tài chính của Công ty tăng chủ yếu do chi phí lãi vay tăng. Đây là các khoản lãi phát sinh từ hợp đồng vay các ngân hàng thương mại với mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C,...

Tuy các khoản chi phí bán hàng, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 tăng so với năm 2018 nhưng tổng chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh sau hợp nhất năm 2019 lại giảm 11,74% so với năm 2018 cho thấy công tác quản lý chi phí của Công ty đã đạt được những kết quả nhất định. Công ty kiểm soát tốt chi phí là cơ sở để gia tăng doanh thu, lợi nhuận cũng như nâng cao tính cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất Quý I/2020 của Công ty, giá vốn hàng bán vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất trên doanh thu thuần, tổng chi phí sản xuất kinh doanh chiếm khoảng 98,75% doanh thu thuần. Các khoản chi phí như giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp Quý I/2020 giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2019.

6.5 Trình độ công nghệ

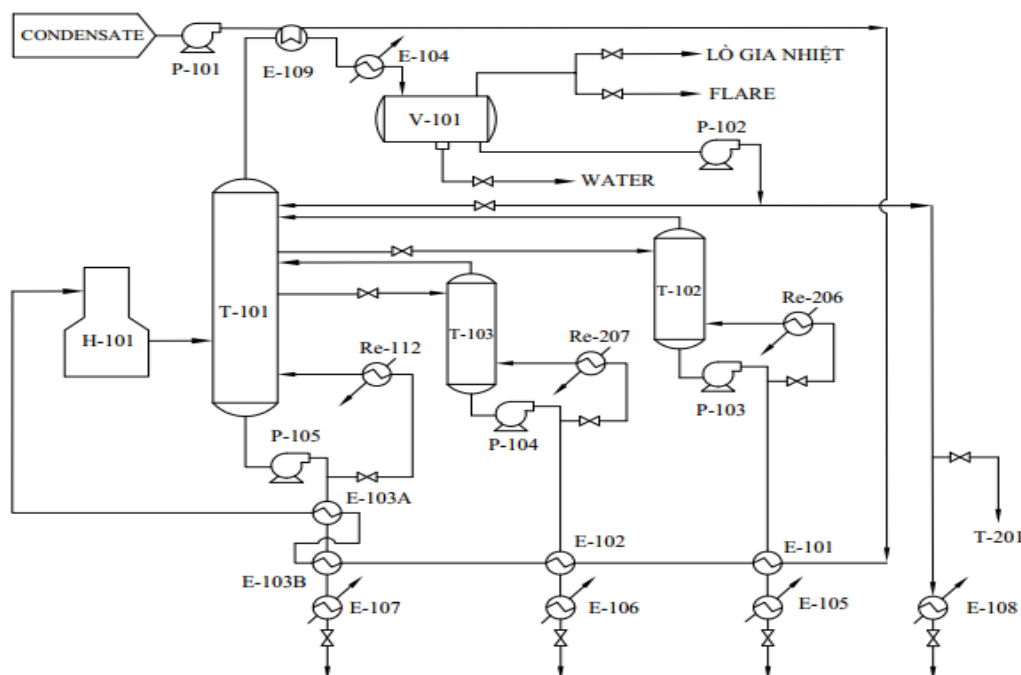
Quy trình công nghệ sản xuất của Nhà Máy Lọc Hóa Dầu Cần Thơ (LHDCT) bao gồm 3 hệ thống chưng cất trong đó có 2 hệ thống chưng cất condensate T-101, T-301 và hệ thống chưng cất áp suất cao T-201.

- **Hệ thống chưng cất condensate:**

Hiện tại Nhà máy LHDCT đang sở hữu công nghệ gia nhiệt đáy cho hệ thống chưng cất condensate. Trước đây, các quá trình làm tinh các sản phẩm được cấp nhiệt bởi hơi nước quá nhiệt. Tuy nhiên, việc sử dụng dòng hơi nước làm giảm chất lượng sản phẩm và ô nhiễm môi trường. Sau này, quy trình nhà máy đã có nhiều cải tiến, dùng Hot Oil làm chất trung gian truyền nhiệt cho các quá trình phân tách.

Việc nâng cấp hệ thống truyền nhiệt thông qua chất trung gian Hot oil đòi hỏi sự tiêu tốn kinh phí khá lớn nhưng lại nâng cao chất lượng sản phẩm, giúp sản phẩm đầu ra đạt các tiêu chuẩn TCVN cho các sản phẩm dung môi White Spirit (WS) và dầu Diesel (DO) và không gây ra nguồn nước thải ra môi trường. Ngoài ra công nghệ gia nhiệt đáy thấp còn giúp nâng cao hiệu suất sử dụng nhiệt cao hơn và sản phẩm đầu ra tinh khiết hơn.

Sơ đồ 3: Sơ đồ quy trình công nghệ chưng cất condensate cụm tháp T-101 (cụm tháp T-301 tương tự)



(Nguồn: Nam Sông Hậu)

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu Condensate từ bồn chứa được vận chuyển vào tháp chưng cất T-101 nhờ hệ thống đường ống và bơm P-101 Dòng nhập liệu được gia nhiệt sơ bộ bởi dòng sản phẩm đỉnh (Naphtha 1), dòng sản phẩm trích ngang 1 (Naphtha 2), dòng sản phẩm trích ngang 2 (Dung Môi White Spirit) và dòng sản phẩm đáy (Diesel Oil) tương ứng tại các thiết bị trao đổi nhiệt E-109, E-101, E-102 và E-103A/B. Tiếp theo, dòng nhập liệu được đưa tiếp qua lò gia nhiệt H-101 (sử dụng DO làm nhiên liệu đốt) và được gia nhiệt đến trạng thái nhập liệu. Sau cùng, dòng nguyên liệu được đưa vào tháp chưng cất T-101 để thực hiện quá trình chưng cất phân đoạn. Tại tháp chưng cất T-101 (tháp chưng cất chính), dòng nguyên liệu qua tháp sẽ được phân tách thành 4 dòng:

Dòng hơi sản phẩm đỉnh đi qua thiết bị trao đổi nhiệt E-109 → tiếp tục qua thiết bị ngưng tụ E-104 (được giải nhiệt bằng nước) và cuối cùng vào thiết bị phân tách 3 pha V-101. Sau đó, dòng sản phẩm đỉnh được phân tách thành 2 dòng: dòng khí không ngưng, sản phẩm lỏng ngưng tụ và nước. Khí không ngưng được xả vào hệ thống Flare (Đuốc) hoặc đưa về lò gia nhiệt đốt tùy thuộc vào loại nguyên liệu. Dòng sản phẩm lỏng được bơm P-102 đưa đi và chia thành hai phần, một phần hồi lưu trở về tháp chưng cất, một phần đưa tiếp qua thiết bị làm lạnh E-108 (được giải nhiệt bằng nước) và đưa về bồn chứa sản phẩm.

Dòng sản phẩm trích ngang 1: được đưa qua tháp Tách T-102. Tại đây dòng hơi từ đỉnh tháp T-102 trở về tháp T-101, dòng lỏng thu được ở đáy tháp được bơm P-103 đưa tới thiết bị trao đổi nhiệt E-101, thiết bị làm mát E-105 và về bồn chứa.

Dòng sản phẩm trích ngang 2: được đưa qua tháp Tách T-103. Tại đây, dòng sản phẩm bơm P-104 tách làm 2 dòng. 1 dòng, được đưa qua thiết bị gia nhiệt E-207 sử dụng Hot Oil rồi hồi lưu về tháp T-103 nhằm gia tăng nhiệt độ dòng hồi lưu sản phẩm đáy. Dòng còn lại, được đưa qua thiết bị trao đổi nhiệt E-102, thiết bị làm nguội E-106 và về bồn chứa.

Dòng sản phẩm đáy: qua bơm P-105 tách làm 2 dòng. 1 dòng, được đưa qua thiết bị trao đổi nhiệt E-112 rồi hồi lưu về tháp T-101 nhằm gia tăng nhiệt độ dòng hồi lưu sản phẩm đáy. Dòng còn lại, được đưa qua thiết bị trao đổi nhiệt E-103, thiết bị làm nguội E-107 và về bồn chứa.

• **Cơ cấu sản phẩm hệ thống chưng cất condensate**

TT	Tên dòng	Tỷ lệ
1	Nguyên liệu (condensate)	100%
2	Sản phẩm:	

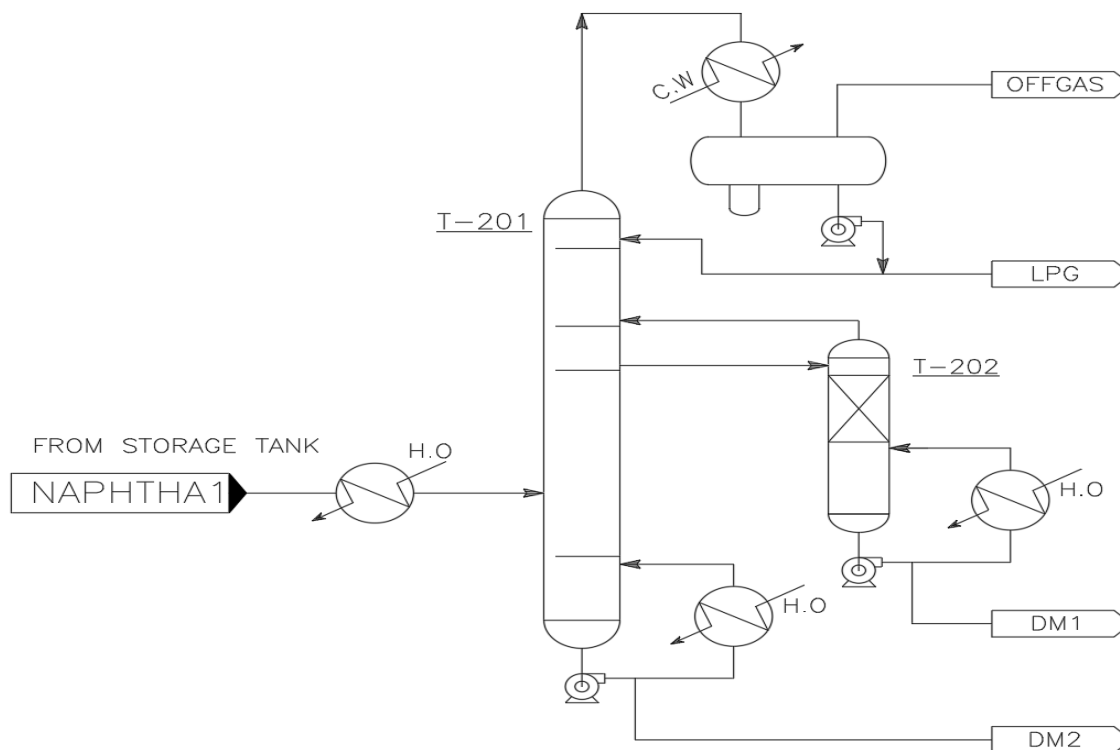
TT	Tên dòng	Tỷ lệ
2.1	<i>Khí không ngưng (Offgas)</i>	3-5%
2.2	<i>Naphtha 1</i>	45-50%
2.3	<i>Naphtha 2</i>	15-20%
2.4	<i>Dung môi WS</i>	10-15%
2.5	<i>Dầu DO</i>	10-20%

- **Hệ thống chưng cất áp suất cao:**

Nhà máy LHDCT có hệ thống T-201 chưng cất áp suất cao với ưu điểm tháp chưng cất có nhiều đĩa cho ra các sản phẩm dung môi đa dạng có phân đoạn ngắn đáp ứng được nhu cầu thị trường trong các lĩnh vực như: dung môi pha sơn, dung môi thuốc bảo vệ thực vật... và có thể sản xuất ra LPG tùy thuộc vào nguồn nguyên liệu.

Hệ thống T-201 lấy nguyên liệu từ nguồn sản phẩm Naphtha 1 từ quá trình chưng cất condensate được chưng cất áp suất cao để tiếp tục tạo ra các sản phẩm:

Sơ đồ 4: Sơ đồ quy trình sản xuất hệ thống chưng cất áp suất cao T-201



(Nguồn: Nam Sông Hậu)

Thuyết minh quy trình:

Hệ thống tháp chưng cất áp suất cao T-201 áp suất chưng cất là 6 bar, được thiết kế để tách butane.

Nguyên liệu Naphtha (sản phẩm của quá trình chưng cất condensate) từ bồn chứa trung gian được bơm cấp liệu đưa qua trao đổi nhiệt nhằm tận dụng nhiệt dòng sản phẩm trước khi vào tháp. Tháp T-201 có chức năng tách các cấu tử nhẹ propane (C3) và butane (C4) ra khỏi naphtha.

Hệ thống T-201 vận hành theo phương cách gia nhiệt bằng nồi đun đáy (reboiler) E-203 với tác nhân dầu truyền nhiệt hot-oil. Nồi đun E-203 cung cấp nhiệt hóa hơi một phần dòng tuần hoàn về đáy tháp. Dòng hơi đi xuyên qua các đĩa theo hướng lên đỉnh tháp. Hơi rời đỉnh có thành phần chủ yếu là C3, C4 được hóa lỏng tại thiết bị ngưng tụ ở điều kiện áp suất cao (khoảng 5-6 bar).

Một phần hóa lỏng được hồi lưu về đỉnh tháp để tinh luyện sản phẩm, phần còn lại chính là sản phẩm LPG được bơm về bồn chứa.

Dòng sản phẩm trích ngang: được đưa qua tháp tách T-202, tại đây dòng hơi từ đỉnh

tháp T-202 trở về tháp T-201, dòng lỏng thu được ở đáy tháp được về bồn thành phẩm.

Dòng sản phẩm thu được ở đáy tháp là Naphtha có áp suất hơi bão hòa thấp, được đưa về bồn chứa thành phẩm.

- **Cơ cấu sản phẩm hệ thống chưng cất áp suất cao**

TT	Cơ cấu dòng	Tỷ lệ
1	Nhập liệu (Naphtha 1)	100%
2	Sản phẩm:	
2.1	<i>Off-gas</i>	3-5%
2.2	<i>LPG</i>	10-15%
2.3	<i>Dung môi 1</i>	10-15%
2.4	<i>Dung môi 2</i>	70-75%

6.6 *Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới*

Trong thời gian sắp tới, Công ty tiếp tục duy trì và phát triển các ngành nghề đã mang lại hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh cho Công ty như kinh doanh xăng dầu, lọc - hóa dầu, LPG, gas... Ngoài ra, Công ty tiếp tục đẩy mạnh phát triển các ngành có nhiều tiềm năng và phù hợp với những lợi thế sẵn có của Doanh nghiệp như: thiết kế, xây dựng, bất động sản, chăn nuôi thủy sản, du lịch, nhà hàng khách sạn, trạm dừng chân...

6.7 *Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ*

- **Hệ thống quản lý chất lượng:**

Công ty đang áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Có đầy đủ các quy trình/hướng dẫn công việc cũng như quy trình kiểm tra chất lượng trong quá trình sản xuất, tồn trữ, xuất nhập và pha chế.

Phòng thử nghiệm của Công ty đã xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Phòng thử nghiệm được trang bị đầy đủ các thiết bị kiểm tra chất lượng sản phẩm xăng, dầu theo Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Xăng, nhiên liệu Đêzen và nhiên liệu sinh học (QCVN 1:2015/BKHCN) và Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN. Bên cạnh đó, hàng năm phòng thử nghiệm của Công ty luôn tham gia chương trình thử nghiệm thành thạo do Trung tâm 3 tổ chức và đạt kết quả tốt.

- **Chứng chỉ đạt được:**

Được Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) cấp chứng nhận Hệ thống quản lý

chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Số Giấy chứng nhận: HT 4287.19.10 ngày cấp: 25/02/2019 Hiệu lực: 25/02/2019 đến 24/02/2022 của Công ty CP TM Đầu Tư Dầu Khí Nam Sông Hậu và Giấy chứng nhận số: HT 3836/1.19.10 ngày 13/01/2017. Hiệu lực từ 15/01/2019 đến ngày 14/01/2022 của Chi Nhánh Cty CP TM Đầu Tư Dầu Khí Nam Sông Hậu tại Cần Thơ.

Được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Bộ Khoa học Công nghệ) cấp giấy chứng nhận pha chế xăng (Xăng không chì RON 95 các mức 2,3,4), nhiên liệu Điêzen (DO) các mức 2, 3, 4 và xăng E5 RON 92 các mức 2, 3, 4. (Giấy chứng nhận số: 57/GCN-TĐC ngày 12/01/2017, số: 3039/GCN-TĐC ngày 22/11/2017, số: 2527/GCN-TĐC ngày 07/09/2018).

Được Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) cấp chứng nhận phù hợp Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 1:2015/BKHCN và Sửa đổi 1:2017 QCVN 1:2015/BKHCN theo phương thức 5:

TT	Sản phẩm	Đơn vị	Số giấy chứng nhận	Mã số	Ngày cấp	Ngày hiệu lực
1	Xăng E5 RON 92-II	Công ty CP Lọc hóa dầu Cần Thơ	0993	0993-19-05	23/01/2019	Từ 23/01/2019 đến 22/01/2022
		Chi nhánh Công ty CP TM ĐT DK Nam Sông Hậu tại Cần Thơ	0993	0993-1701/03	30/11/2017	Từ 30/11/2017 đến 29/11/2020
2	Xăng không chì RON 95-III	Công ty CP Lọc hóa dầu Cần Thơ	0993	0993-19-04	23/01/2019	Từ 23/01/2019 đến 22/01/2022
		Chi nhánh Công ty CP TM ĐT DK Nam Sông Hậu tại Cần Thơ	0993	0993-18-03	27/04/2019	Từ 27/04/2019 đến 26/04/2021

Đặc biệt, Công ty là một trong số ít các đơn vị pha chế xăng dầu đã thực hiện trang bị máy đo chỉ số Octane để chủ động trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm. Với các đơn vị chưa thực hiện trang bị máy đo chỉ số Octane thường sẽ phải mất khoảng 2 ngày gửi mẫu phẩm đến các đơn vị chuyên môn để tiến hành thẩm định chất lượng. Vì vậy, việc trang bị máy đo trị số Octane giúp Công ty tiết kiệm chi phí và rút ngắn thời gian trong việc thẩm định sản phẩm trước khi bán ra thị trường.

6.8 Hoạt động Marketing

Về nhận diện thương hiệu: Tất cả hệ thống Công ty đều sử dụng 1 mẫu logo duy nhất được đăng ký tại Cục sở hữu trí tuệ Việt Nam. Hệ thống kho bãi, Tổng đại lý, đại lý, cửa hàng trực thuộc và hệ thống phân phối của Công ty đều sử dụng chung 01 mẫu logo bảng hiệu duy nhất được đăng ký thương hiệu, sử dụng chung 01 mẫu đồng phục đặc trưng của Công ty.

Về quảng bá hệ thống bán lẻ: Công ty thực hiện tổ chức chương trình khuyến mãi cho khách hàng tại các cửa hàng bán lẻ xăng dầu:

- Tên chương trình khuyến mại “Sảng khoái hành trình”: Hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại: nước suối, khăn lạnh, nước uống phục vụ miễn phí. Nội dung chi tiết của chương trình khuyến mại: phục vụ nước uống miễn phí (cà phê, trà chanh, trà đá,...) cho khách hàng mua xăng dầu tại hệ thống bán lẻ của Công ty qua quầy nước phục vụ khách hàng; tặng 1 nước suối và 1 khăn lạnh cho khách hàng mua từ 50.000 đồng trở lên.
- Tên Chương trình khuyến mại “Tri ân khách hàng”. Nội dung chi tiết của chương trình khuyến mại: cấp thẻ VIP, mở sổ khách hàng thân thiết nhằm tri ân khách hàng với các hình thức sau: giảm giá khi mua hàng, tặng những vật phẩm lưu niệm có in logo của Công ty.

6.9 Nhận hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Biểu tượng logo của Công ty:



- Website của Công ty: <http://www.nshpetro.vn>
- Công ty đã có giấy chứng nhận đăng ký quyền sở hữu đối với Logo NSHPETRO theo Giấy chứng nhận số 1557/2014/QTG ngày 13/05/2014 được cấp bởi Cục Bản quyền tác giả thuộc Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch.

Logo của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu gồm 2 thành phần biểu tượng chính là biểu tượng về dòng chảy của con sông Hậu và biểu tượng chữ "NSHPETRO". Ba biểu tượng dòng chảy tượng trưng cho ba yếu tố cốt lõi: **Tâm - Trí - Lực** làm nên giá trị của thương hiệu NSHPETRO, cụ thể:

- Với Tâm: là cái Tâm của con người. NSHPETRO luôn thực hiện mọi hoạt động

sản xuất kinh doanh xuất phát từ cái Tâm, đây là yếu tố luôn được đặt lên hàng đầu;

- Với Trí: NSHPETRO luôn hiểu rằng để thực hiện các công việc được tối ưu nhất thì luôn cần có Trí là yếu tố soi sáng, dẫn đường;
- Với Lực: Khi đã có Tâm - Trí thì để thực hiện được công việc cần có nguồn của Lực, với Lực là con người, thông qua Lực thì công việc sẽ được hoàn thành.

Màu sắc chủ đạo của logo là 2 màu đỏ và vàng với màu đỏ của các dòng chảy tượng trưng cho xăng dầu - lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty và màu vàng thể hiện sự sáng tạo. Bên cạnh đó, đây cũng là 2 màu sắc nổi bật, dễ nhận biết và phân biệt với các thương hiệu khác.

6.10 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 16: Một số hợp đồng lớn đã đang thực hiện

STT	Tên Hợp đồng	Đối tác	Giá trị Hợp đồng/Giá trị thực hiện năm 2019 (đồng)	Thời gian thực hiện
I.	Hợp đồng mua hàng hóa			
1	Hợp đồng mua condensate số 1801039 Excon (24/04/2018)	Soleum Energy Pte LTD	403.240.266.532	Từ ngày 24/04/2018 đến ngày 28/08/2018
2	Hợp đồng mua Dầu số 11/18/PS-NSH (08/01/2018) ngày 08/01/2018	Petrolimex Singapore Pte LTd	256.453.258.319	Từ ngày 08/01/2018 đến ngày 19/07/2018
3	Hợp đồng mua Xăng A92 số 0053/2018/NSRP.SL-Nam Sông Hậu	Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn	278.965.955.166	Từ ngày 09/08/2018 đến ngày 03/10/2018
4	Hợp đồng mua Toluene số 37/HĐMB.2019/VBP-NSH ngày 03/05/2019	Cty TNHH Kinh doanh Hóa Chất Việt Bình Phát	18.909.000.000	Từ ngày 03/05/2019 đến ngày 01/10/2019
5	Hợp đồng mua MTBE số CBSG-20004-S ngày 17/01/2020	China-Base Resource Singapore Ltd	33.007.655.946	Từ 17/01/2020 đến 18/04/2020
6	Hợp đồng mua Toluene số 0502/HĐ-2020/HAP-	Công ty TNHH Dịch Vụ và Thương Mại	19.470.000.000	Từ ngày 05/02/2020 đến

STT	Tên Hợp đồng	Đối tác	Giá trị Hợp đồng/Giá trị thực hiện năm 2019 (đồng)	Thời gian thực hiện
	NSH/TOL ngày 05/02/2020	Hà Anh Phát		ngày 04/04/2020
7	Hợp đồng mua xăng dầu số 53/HĐNT/BSR-NSH/2020 ngày 15/01/2020	Công Ty Cổ Phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (BSR)	Giá trị theo từng lần đặt mua	Từ 15/01/2020 cho đến khi hoàn thành
8	Hợp đồng mua xăng dầu số 05/HĐNT/PVNDB-NSH/2020 ngày 02/01/2020	Chi nhánh phân phối Sản phẩm Lọc hóa dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Giá trị theo từng lần đặt mua	Từ 02/01/2020 cho đến khi hoàn thành
II	Hợp đồng bán hàng hóa			
1	Hợp đồng bán hàng hóa số 11/HĐ-2019/LHBL-NSH ngày 01/02/2019	Cty CP Lọc Hóa Dầu Long Hưng Bến Lức	25.654.545.455	Từ ngày 01/02/2019 đến ngày 31/05/2019
2	Hợp đồng nguyên tắc số 1095.A/2018/HĐNT/NSH-HIEPQUE ngày 01/06/2018	Cty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Hiệp Quê	248.075.661.518	Từ ngày 01/06/2018 đến ngày 01/06/2020
3	Hợp đồng nguyên tắc số 1227A/2018/HĐNT/NSH-NLCUULONG ngày 25/06/2018	Cty CP Thương Mại Nhiên Liệu Cửu Long	1.221.301.155.634	Từ ngày 25/06/2018 đến ngày 31/12/2019
4	Hợp đồng nguyên tắc số 001/2019/HĐNT/NSH-CANGIO ngày 02/01/2019	Công ty CP Thương Mại & Dịch Vụ Cần Giờ	1.118.258.537.319	Từ ngày 02/01/2019 đến ngày 31/12/2019
5	Hợp đồng nguyên tắc số 1575/2018/HĐNT/NSH-XDBINH DUONG ngày 21/08/2018	Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương	174.098.008.454	Từ ngày 21/08/2018 đến ngày 21/08/2020
6	Hợp đồng bán xăng dầu số 601/2019/HĐKT/NSH-DONGDO ngày 24/04/2019	Công ty CP XNK Nhiên Liệu Đông Đô	54.627.272.727	Kể từ ngày 24/04/2019

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn 2018 – Q1.2020

7.1 Kết quả hoạt động SXKD của Công ty

Bảng 17: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Quý I/2020
Báo cáo tài chính riêng			
Tổng tài sản	8.469.846.958.371	9.328.363.812.991	10.228.629.177.589
Vốn chủ sở hữu	972.683.876.118	1.459.270.977.621	1.458.633.817.065
Doanh thu thuần	10.311.755.520.281	8.986.108.988.954	1.429.563.642.487
Lợi nhuận gộp	637.692.422.528	676.213.144.232	83.658.107.475
Doanh thu tài chính	12.666.732.047	19.012.909.492	337.457.125
Chi phí tài chính	155.582.056.619	207.042.571.207	20.185.738.654
Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	166.444.101.632	141.743.202.766	7.802.736.632
Lợi nhuận khác	(7.986.950.696)	3.586.440.603	4.376.134.500
Lợi nhuận trước thuế	158.457.150.936	141.743.202.766	12.178.871.132
Lợi nhuận sau thuế	158.443.445.360	120.025.781.503	10.960.984.019
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (%)	21,44	9,87	0,75
Báo cáo tài chính hợp nhất			
Tổng tài sản	8.553.244.418.124	9.451.013.911.344	10.349.696.964.491
Vốn chủ sở hữu	1.024.022.197.046	1.597.155.814.503	1.611.457.150.995
Doanh thu thuần	10.379.378.559.582	9.150.951.460.751	1.588.081.946.721
Lợi nhuận gộp	663.319.771.181	701.755.167.260	101.124.458.937
Doanh thu tài chính	12.687.873.537	19.035.063.724	340.320.925
Chi phí tài chính	159.562.893.710	206.978.785.503	21.033.616.129
Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	170.704.627.713	149.552.605.630	20.206.233.669
Lợi nhuận khác	(8.207.155.563)	537.902.011	4.376.134.511
Lợi nhuận trước thuế	162.497.472.150	150.090.507.641	24.582.368.180
Lợi nhuận sau thuế	162.085.524.215	122.841.243.697	23.364.481.067

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Quý I/2020
Lợi nhuận sau thuế cổ đồng công ty mẹ	158.239.082.644	123.582.193.092	20.908.573.434
Lợi nhuận sau thuế cổ đồng không kiểm soát	3.846.441.571	(740.949.395)	2.455.907.633
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/VCSH bình quân (%)(sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát)	20,95	10,02	1,41

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019;

BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

Năm 2019 tổng tài sản của Công ty sau hợp nhất đạt hơn 9,45 nghìn tỷ đồng, tăng 10,50% so với năm 2018. Doanh thu thuần giảm 11,84% do có sự dịch chuyển trong cơ cấu doanh thu từ bán thành phẩm sang bán hàng hóa (doanh thu từ bán thành phẩm năm 2019 giảm mạnh 2,70 nghìn tỷ trong khi doanh thu từ bán hàng hóa chỉ tăng 1,52 nghìn tỷ so với năm 2018). Năm 2019, do Nhà nước có các biện pháp siết chặt công tác quản lý xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu, dung môi, chất kích Ron dùng để pha chế xăng dầu khiến lượng nguyên liệu (cụ thể ở đây là xăng nền) dùng để pha chế xăng dầu của Công ty bị sụt giảm, thiếu hụt, không đủ để pha chế thành phẩm dẫn đến lượng thành phẩm pha chế năm 2019 và doanh thu bán thành phẩm năm 2019 đều giảm so với năm 2018. Doanh thu bán thành phẩm giảm là nguyên nhân chính khiến doanh thu thuần của Công ty năm 2019 giảm so với năm 2018.

Tuy nhiên, nhờ việc chú trọng công tác quản lý chi phí nguyên vật liệu đầu vào nên giá vốn hàng bán năm 2019 giảm so với năm 2018, tốc độ giảm lớn hơn tốc độ giảm của doanh thu thuần khiến lợi nhuận gộp tăng nhẹ. Tính trên BCTC riêng của Công ty, lợi nhuận gộp tăng khoảng 6,04%. Năm 2019, chi phí tài chính tăng mạnh chủ yếu do sự gia tăng của chi phí lãi vay trong khi các chỉ tiêu khác không có sự biến đổi nhiều khiến lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD của Công ty sau hợp nhất giảm 12,39% và lợi nhuận trước thuế cũng giảm 7,64% so với năm 2018. Đây là chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay tổ chức tín dụng/cá nhân để bổ sung nguồn vốn lưu động, vốn kinh doanh xăng, dầu, nhớt và để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chung. Bên cạnh đó, trong năm 2019, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 800 tỷ đồng lên 1.261,9678 tỷ đồng khiến vốn chủ sở hữu bình quân năm 2019 tăng hơn 400 tỷ đồng so với năm 2018. Như vậy, vốn chủ sở hữu bình quân tăng tương đối lớn trong khi lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ là nguyên nhân khiến tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu năm 2019 giảm so với năm 2018.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

- Là một doanh nghiệp đầu ngành trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu tại Cần Thơ, Công ty có đội ngũ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên có năng lực, gắn bó và nhiệt huyết với công việc.

- Thương hiệu và uy tín của doanh nghiệp đã được khẳng định trên thị trường, đồng thời Công ty cũng đã gây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác lớn trong và ngoài nước trong suốt thời gian hoạt động.

- Công ty có cơ hội được tiếp cận nguồn dầu nhập khẩu với quy mô lớn từ các đối tác khác nhau cho nên có thể chọn được đối tác nhập khẩu với giá cả thấp nhất. Thực tế, Việt Nam đã nhập khẩu xăng từ Hàn Quốc với giá thấp hơn giá nhập khẩu từ các nước ASEAN. Điều này góp phần làm bình ổn giá xăng dầu trong nước, giảm chi phí sản xuất các mặt hàng sử dụng nhiều xăng dầu, giảm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cho nên tăng phúc lợi người sử dụng xăng dầu. Bên cạnh đó, cơ hội tiếp nhận đầu tư, công nghệ từ các đối tác nước ngoài do thị trường xuất khẩu xăng dầu được mở rộng. Các doanh nghiệp nước ngoài có thể tham gia bán lẻ xăng dầu trong nước góp phần tăng cạnh tranh làm giảm giá xăng dầu. Các doanh nghiệp lọc dầu và kinh doanh xăng dầu có thể tham gia vào thị trường nước ngoài trước hết là các nước đối tác thuộc các hiệp định thương mại tự do. Tuy nhiên, do các nước OPEC cam kết cắt giảm sản lượng dầu khai thác cho nên cơ hội tăng giá dầu đang xuất hiện.

- Theo dự báo, sự biến động giá dầu thế giới sẽ có những yếu tố khó lường, song xu hướng chủ yếu là tăng lên. Đây là cơ hội cần được đón nhận chủ động vì những biến động khó lường như thiên tai ở Mỹ chưa từng có 90 năm qua. Sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn và triển vọng kinh tế toàn cầu có những khía cạnh tích cực làm tăng cầu về mặt hàng dầu làm tăng giá có khả năng đến mức tương đương với mức trước khi giảm giá liên tục thời gian qua sẽ kích thích đầu tư để tận dụng cơ hội thị trường.

❖ Khó khăn

- Biến động của tỷ giá và giá dầu thế giới ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Hiện tại, Công ty ký hợp đồng nhập khẩu các mặt hàng xăng dầu từ các nguồn cung cấp nước ngoài với số lượng khá ổn định. Tuy nhiên, do giá dầu trên hợp đồng vẫn biến động theo tình hình giá dầu thế giới theo thông lệ quốc tế nên doanh thu và lợi nhuận của Công ty sẽ phụ thuộc nhiều vào tình hình biến động giá dầu trong nước và thế giới.

- Theo dự báo của các tổ chức uy tín quốc tế, giá dầu có xu hướng tăng ổn định đến

năm 2023. Tuy nhiên, năng lượng này vẫn tiềm ẩn quá nhiều biến động khó lường bởi nó không chỉ do cơ chế thị trường chi phối mà còn do những thủ đoạn giành giật quyền lực thống trị kinh tế - chính trị của các thế lực cường quyền dàn dựng, tranh chấp chủ quyền biển, đảo. Ngoài ra, hiệu ứng cách mạng công nghiệp 4.0 tạo động lực các công ty dầu khí phải tái cấu trúc, tối đa hóa lợi nhuận tích hợp từ chuỗi giá trị, ứng phó kịp thời và hiệu quả với sự biến động của thị trường.

- Yếu tố hội nhập cũng tạo điều kiện cho ngành dầu khí có cơ hội đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, với mức giá phù hợp. Tuy nhiên, các cam kết về cắt giảm thuế quan trong các FTA tạo ra áp lực cạnh tranh các sản phẩm trong nước với hàng nhập khẩu về giá và chất lượng, điển hình là các sản phẩm lọc dầu.

- Trong khi đó, cân đối cung cầu xăng dầu của nhiều nước trong giai đoạn đến năm 2035 cho thấy, tình trạng dư cung sẽ xảy ra ở rất nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là các nước mà Việt Nam vẫn đang nhập khẩu về. Với tình trạng dư cung, trong khi nhiều nhà máy đã hết khấu hao nên nguy cơ các nước này sẽ sử dụng biện pháp bảo hộ thương mại “bán phá giá” là khó tránh khỏi, kéo theo áp lực cạnh tranh gay gắt hơn giữa giá xăng dầu nhập khẩu và sản phẩm lọc dầu trong nước”, báo cáo nghiên cứu của Viện Dầu khí Việt Nam nhận định.

- Thêm vào đó, yêu cầu về chất lượng sản phẩm nhiên liệu trong các tiêu chí bảo vệ môi trường thời gian gần đây cũng thay đổi rất nhanh, có thể nói là hết sức gay gắt. Với lộ trình khí thải hiện tại của các nước châu Á, nếu không có sự nâng cấp nhà máy sản xuất trong nước, các sản phẩm lọc dầu trong nước không thể cạnh tranh, thậm chí không thể thâm nhập được thị trường của các nước trong khu vực.

- Sự thay đổi chính sách quản lý của Nhà nước liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp xăng dầu. Một số chính sách của Nhà nước có ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh năm 2019 như: Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế bảo vệ môi trường, Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Lao động và Bảo hiểm xã hội sửa đổi;...

- Sự cạnh tranh trong tìm cơ hội đầu tư và cạnh tranh để tham gia vào mạng lưới bán lẻ xăng dầu cũng sẽ tăng lên. Các đại lý xăng dầu trong nước nếu không đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ có thể phải chia sẻ thị trường với đại lý nước ngoài. Bên cạnh đó, cạnh tranh trong khai thác các ưu đãi chính sách cũng như sự khác biệt về biện pháp áp dụng có thể làm thay đổi cơ cấu thị trường, đòi hỏi tốn kém chi phí điều chỉnh chính sách, cơ cấu ngành và tình trạng cạnh tranh. Đồng thời, với sự xuất hiện của các thành tựu mới về công nghệ khai thác dầu khí như các mặt hàng nhiên liệu mới có thể thay thế dầu khí làm giảm tầm quan trọng của giá dầu. Điều này làm tăng nguồn cung dầu và các sản phẩm thay thế dầu càng làm giảm giá dầu và nguy cơ thua lỗ tăng nhanh.

- Trong những tháng đầu năm 2020, ngành công nghiệp dầu khí thế giới nói chung

và ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam nói riêng đang đứng trước những khó khăn, thách thức vô cùng lớn khi phải đương đầu với tác động kép: dịch COVID-19 lan rộng tác động đến nhiều nền kinh tế và giá dầu lao dốc mạnh. Hoạt động khai thác dầu khí trong tình trạng giá dầu xuống thấp cho thấy thiệt hại về kinh tế là rõ ràng, những điểm lợi từ nhập khẩu xăng dầu thấp không thể bù đắp. Hoạt động sản xuất và kinh doanh xăng dầu cũng chịu tác động tiêu cực từ dịch bệnh và giá dầu xuống khi nhu cầu vận tải, lưu thông sụt giảm.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu là một trong những công ty xuất nhập khẩu và kinh doanh xăng dầu hàng đầu tại khu vực TP. Cần Thơ và một số vùng lân cận. Với thương hiệu uy tín trong nước và quốc tế Công ty đã từng bước tạo dựng được thương hiệu của mình trong ngành.

- CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu là đơn vị kinh doanh bán buôn, bán lẻ xăng dầu trực tiếp với thế mạnh cung cấp dịch vụ vận tải vượt trội, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng.
- Là đơn vị vận tải xăng dầu đường bộ mạnh và lớn nhất khu vực phía Nam, có kinh nghiệm lâu năm ở lĩnh vực kinh doanh xăng dầu và vận tải xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu.
- Với tâm huyết của ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty luôn cung cấp đến người tiêu dùng dịch vụ tốt nhất. Không ngừng nâng cao, cải tiến chất lượng thiết bị máy móc nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ, giảm thiểu tối đa các nhân tố tác động đến môi trường. Công ty tự tin sẽ đạt được các mục tiêu đã đề ra nhằm củng cố vị thế trên thị trường so với các doanh nghiệp trong ngành.
- Năm 2019, Công ty có 450 đại lý chiếm tỷ lệ cao nhất (28%) so với các doanh nghiệp khác cùng ngành trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu.
- Trong lĩnh vực xăng dầu, Công ty luôn giữ vai trò chủ đạo trên thị trường nội địa theo đúng chỉ đạo của Chính phủ, Công ty bảo đảm đầy đủ và kịp thời các chủng loại xăng dầu phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội đất nước, bảo đảm an ninh quốc phòng và nhu cầu tiêu dùng của nhân dân.
- Công ty trực tiếp kinh doanh xăng dầu và mạng lưới phân phối rộng khắp với sự hiện diện tại 57 cửa hàng kinh doanh xăng dầu trên khắp cả nước (và 14 cửa hàng đang chuẩn bị đi vào hoạt động). Trong thời gian tới, nhằm giữ vững và tăng cường vị thế dẫn đầu ngành, chiến lược của Công ty là tiếp tục mở rộng mạng lưới phân phối bằng nhiều

hình thức như mua lại, ký hợp đồng đại lý độc quyền với mục tiêu gia tăng số lượng cửa hàng.

- Là tập đoàn đa ngành, đa lĩnh vực, Công ty dẫn đầu thị trường về nhiều lĩnh vực, ngành nghề quan trọng của nền kinh tế.
- Ngành vận tải: Công ty có cảng tiếp nhận xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu chở dầu cỡ lớn với trọng tải tới 80.000 DWT là lợi thế cho việc kinh doanh vận tải xăng dầu của Công ty phát triển.
- Ngành kinh doanh khí hóa lỏng (gas): Với nhu cầu tiêu dùng khí hóa lỏng (gas) được dự báo tiếp tục giữ ở mức cao trong 10 năm tới, triển vọng tăng trưởng và mở rộng thị phần của Công ty trong lĩnh vực này còn rất lớn.

Bảng 18: Bảng so sánh các công ty trong ngành

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu (PSH)	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (PPY)	CTCP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (PDT)	CTCP Cổ phần Vật tư Xăng dầu (COM)
Tổng tài sản	9.451.013.911.344	222.033.702.386	5.923.298.772.716	515.312.087.849
Vốn chủ sở hữu	1.597.155.814.503	129.018.412.558	988.626.147.132	444.674.197.288
Vốn điều lệ	1.261.967.800.000	82.400.000.000	873.239.800.000	141.206.280.000
Doanh thu thuần	9.150.951.460.751	2.080.803.105.359	16.035.766.700.720	4.203.610.549.959
Lợi nhuận sau thuế 2019 công ty mẹ	123.841.243.697	18.385.290.799	90.578.031.386	51.029.879.410

(Nguồn: Tổng hợp từ Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2019 của NSHPETRO và các BCTC kiểm toán năm 2019 của các công ty)

Như vậy, với các chỉ tiêu về quy mô vốn chủ sở hữu, tổng tài sản, vốn điều lệ cũng như doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu đều tỏ ra vượt trội so với các công ty cùng ngành.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

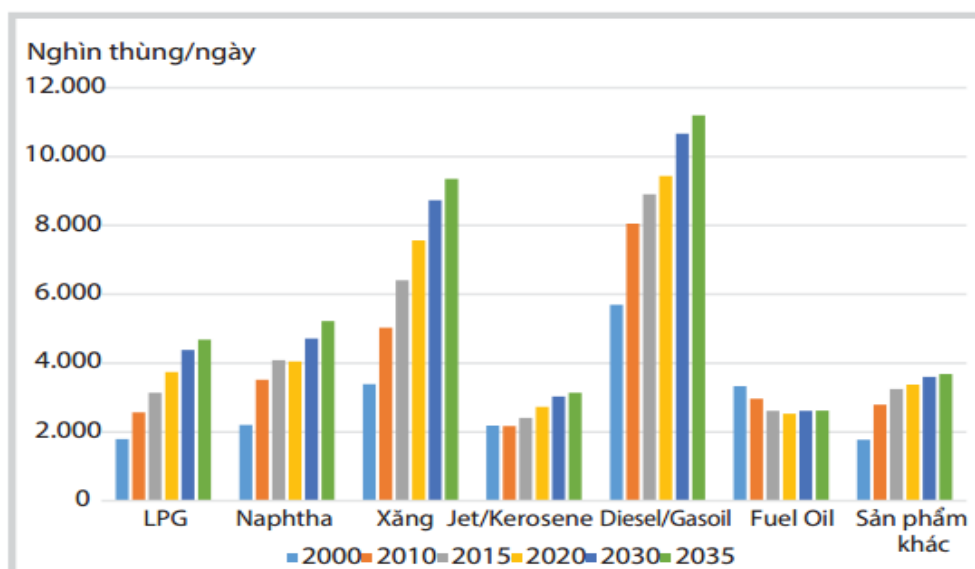
- Với việc giá dầu diễn biến khó lường, doanh nghiệp ngành dầu khí tuy không có sự tăng trưởng mạnh mẽ như thời điểm đầu năm 2018, nhưng vẫn giữ được nhịp độ tăng trưởng ổn định.
- Theo dự báo của các tổ chức lớn như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), giá dầu thô Brent nhiều khả năng sẽ giữ ở mức trên 60 USD/thùng.

- Hàng loạt dự án dầu khí lớn của Việt Nam, đặc biệt là các dự án nhà máy lọc dầu, dự án khai thác khí lớn đang triển khai hoặc chuẩn bị triển khai trong năm 2019 là tiền đề rất lớn cho các doanh nghiệp XNK và kinh doanh xăng dầu như CTCP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu phát triển trong năm 2019 và các năm tiếp theo.

- Trước bối cảnh “thách thức nhiều hơn cơ hội”, Công ty CP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu cần tăng cường nghiên cứu, lựa chọn, ứng dụng công nghệ mới vào E&P, công nghiệp khí, chế biến dầu khí để nâng cao hiệu quả hoạt động (gia tăng trữ lượng, tăng sản lượng, chất lượng sản phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động); Có các cơ chế, chính sách phù hợp để tăng cường thu hút đầu tư, đặc biệt là lĩnh vực tìm kiếm thăm dò khai thác (TKTDKT) dầu khí; Nghiên cứu, tái cấu trúc các lĩnh vực đầu tư phù hợp theo ưu thế, cơ hội, thách thức của từng lĩnh vực trong liên kết hữu cơ của ngành dầu khí (TDKT - Khí - Chế biến dầu khí) ...

- Trước khi có sự bùng phát của dịch COVID-19, tiêu thụ nhiên liệu từ dầu mỏ (gồm xăng, dầu, khí gas hóa lỏng) được đánh giá sẽ tiếp tục giữ đà tăng trưởng tốt trong 10 năm tới, nhờ vào:

- Tỷ lệ tăng trưởng nhanh của số lượng sở hữu phương tiện giao thông vận tải – trung bình 14,4% tới năm 2020 làm gia tăng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu, đặc biệt là nhiên liệu dùng cho ô tô như xăng và dầu diesel. Bên cạnh đó, dự địa tăng phương tiện mới vẫn còn rất lớn trong vòng 5 năm tới do tỷ lệ xe ô tô trên tổng mức dân số mới ở mức 21,5/1.000 dân trong năm 2019.
- Nhu cầu sử dụng khí hóa lỏng làm nhiên liệu trong sinh hoạt, lĩnh vực năng lượng và nông nghiệp duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định cho tới năm 2025. Ngân hàng Thế giới (World Bank) ước tính hiện có khoảng 70% hộ gia đình Việt Nam sử dụng khí gas hóa lỏng và tỷ lệ sẽ tiếp tục được duy trì trong vòng 10 năm tới.



(Nguồn: Tổng hợp)

- Tuy nhiên, kể từ đầu năm đến nay giá dầu thô đã giảm 36 đô la Mỹ/thùng, các nhà phân tích đã ước tính rằng 22 đô la Mỹ trong mức giảm này là do sự yếu đi về nhu cầu khi mà đại dịch COVID-19 đã đẩy nền kinh tế toàn cầu rơi vào bế tắc, 14 đô la Mỹ còn lại của sự sụt giảm là mức phản ánh của sự dư thừa quá mức đối với nguồn cung. Để cố gắng hãm lại sự tuột dốc này, các quốc gia thuộc nhóm OPEC+ đã cùng đồng ý thỏa thuận cắt giảm 9,7 triệu dầu khai thác mỗi ngày. Từ đó kỳ vọng về việc sản lượng khai thác sẽ giảm xuống hỗ trợ hồi phục giá dầu trong một khoảng thời gian.⁷
- Bên cạnh đó, ngành nhựa đường và dầu mỡ nhờn có triển vọng tăng trưởng rất tốt trong thời gian tới, nhờ vào:
 - Cơ sở hạ tầng ở Việt Nam vẫn còn thiếu hụt, nhu cầu phát triển vẫn còn lớn, các dự án đường bộ vẫn tiếp tục được đẩy mạnh triển khai trong thời gian tới.
 - Giá nguyên vật liệu đầu vào – giá dầu thế giới phục hồi nhưng vẫn giữ ở mức thấp trong ít nhất 05 năm tới tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh hóa dầu nói chung và CTCP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu nói riêng.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Dự báo tới năm 2025, nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu từ dầu mỏ tại Việt Nam lên tới 657.360 thùng/ngày, tương ứng với mức tăng trưởng trung bình hằng năm là 4%. Như vậy, tiềm năng tăng trưởng của lĩnh vực kinh doanh xăng dầu còn lớn trong thời gian tới, là cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong đó có Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu gia tăng thị phần, đảm bảo cung ứng đủ nhu cầu tiêu thụ trong nước. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì kế hoạch lợi nhuận, kế hoạch phát triển mà Công ty đề ra là có tính khả thi cao.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình lao động

Tính đến thời điểm 31/03/2020, tổng số lao động của cả hệ thống (gồm Công ty mẹ, Công ty con và các Công ty thành viên) là 557 người, trong đó cơ cấu lao động của Công ty mẹ là 108 người, cụ thể như sau:

Bảng 19: Cơ cấu lao động của Công ty mẹ tại ngày 31/03/2020

⁷Nguồn: Nhận định của Ziad Daoud - chuyên gia kinh tế của Bloomberg Economics tại Trung Đông; cựu trưởng phòng kinh tế tại tập đoàn QNB; chuyên gia kinh tế tại Fulcrum Asset Management.

STT	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo giới tính		
1	Nam	73	67,59
2	Nữ	35	32,41
	Tổng cộng	108	100,00
II	Phân theo trình độ		
1	Trên đại học	01	0,9
2	Đại học	47	43,5
3	Cao đẳng, trung cấp	55	50,9
4	Lao động phổ thông	5	4,6
	Tổng cộng	108	100,00

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

9.2 Chính sách đối với người lao động

- Chính sách tuyển dụng: Cán bộ công nhân viên được tuyển dụng đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty, đảm bảo hội tụ đủ yêu cầu về trình độ và năng lực công tác, phẩm chất đạo đức, khả năng làm việc theo nhóm, làm việc theo quy trình công việc phù hợp với các chức danh cần tuyển.

- Chính sách đào tạo: Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng, các khóa học chuyên ngành, đào tạo phòng cháy chữa cháy, đào tạo kỹ năng mềm...

- Chính sách khen thưởng: Chế độ khen thưởng cho nhân viên của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng dịch vụ của mỗi nhân viên thực hiện. Về quy định chung, NSHPETRO có các chế độ cơ bản như sau:

- Nhân viên được hưởng thêm lương theo năng suất và hoàn thành công việc;
- Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu theo Quý, năm, thưởng sáng kiến;
- Thưởng do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Mức lương bình quân của người lao động tại Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu các năm gần đây như sau:

Đơn vị: đồng/người/tháng

Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
7.500.000	8.300.000	9.000.000	9.500.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

10. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật.

Căn cứ kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu trong thời gian tới được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tình hình chi trả cổ tức của Công ty trong các năm gần đây như sau:

Bảng 20: Tình hình chi trả cổ tức trong các năm gần đây

Năm	Tỷ lệ/Mệnh giá	Phương thức chia cổ tức
2017	62,32%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
2018	7,67%	Chia cổ tức bằng cổ phiếu
2019	10% (*)	Chia cổ tức bằng tiền mặt

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

(*) Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 15.03/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/03/2020 đã thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 là 10%/mệnh giá, phương thức trả cổ tức bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông theo phương án đã được Đại hội cổ đông thông qua, dự kiến sẽ chốt danh sách cổ đông và tiến hành chi trả cổ tức tháng 6/2020.

11. Tình hình tài chính của Công ty

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. BCTC của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

11.1 Trích khấu hao tài sản cố định

TSCĐ hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 09/06/2013, Công ty áp dụng tỷ lệ khấu hao của các thiết bị theo quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và từ ngày 10/06/2013 trở đi áp dụng theo Thông Tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính: theo phương pháp đường thẳng và trong thời gian qua Công ty vẫn không thay đổi phương pháp trích khấu hao.

- Nhà xưởng, vật kiến trúc	:	05 -25 năm
- Máy móc, thiết bị	:	04-08 năm
- Phương tiện vận chuyển, truyền dẫn	:	05 -06 năm
- Thiết bị văn phòng	:	03 -05 năm

(Nguồn: BCTC riêng đã được kiểm toán năm 2019 của Công ty)

Bảng 21: Thống kê một số tài sản cố định hữu hình lớn của Công ty tại thời điểm 31/03/2020

Đơn vị: đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1	Tàu dầu NSH Singapore	244.698.236.064	69.331.166.878	175.367.069.186
2	Máy móc thiết bị tại nhà máy	189.395.761.437	30.776.811.234	158.618.950.203
3	Bồn chứa 10.000 m ³	35.221.630.820	19.665.410.537	15.556.220.283
4	Móng đặt bồn chứa 10.000 ³	33.458.974.481	9.340.630.398	24.118.344.083
5	Hệ thống công nghệ bồn 10.000m ³	17.827.680.023	9.953.788.003	7.873.892.020
6	Cầu cảng 10.000 DWT	16.884.116.350	4.713.482.496	12.170.633.854
7	Hệ thống cấp thoát nước, phòng cháy chữa cháy	5.009.270.652	4.661.404.614	347.866.038

STT	Tài sản	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
8	Máy đo trị số Octane Rating Unit	14.379.452.126	599.143.840	13.780.308.286
9	Nhà văn phòng Công ty	4.160.172.960	526.955.234	3.633.217.726
10	Hệ thống thiết bị pha chế xăng E5	3.408.714.091	284.059.510	3.124.654.581

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

11.2 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ báo cáo kiểm toán năm 2018 và năm 2019 của Công ty, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ. Đến thời điểm hiện tại các khoản nợ đến hạn được Công ty thanh toán đúng hạn, đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay.

11.3 Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 22: Chi tiết các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Báo cáo tài chính riêng				
1	Thuế GTGT	95.793.210.256	118.596.130.154	129.462.539.334
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	114.406.080.255	191.871.239.767	228.001.791.744
3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.536.329.337	1.217.887.113
4	Thuế bảo vệ môi trường	248.037.150.506	362.617.126.907	416.541.158.604
	Tổng cộng	458.236.441.017	697.620.826.165	775.223.376.795
Báo cáo tài chính hợp nhất				
1	Thuế GTGT	100.034.288.265	119.530.050.690	133.212.554.342
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt	114.406.080.255	191.871.239.767	228.001.791.744

3	Thuế thu nhập doanh nghiệp	247.133.246	25.849.289.741	2.530.847.517
4	Thuế thu nhập cá nhân	6.297.210	150.612.154	-
5	Thuế bảo vệ môi trường	287.172.116.006	375.513.750.907	416.541.158.604
	Tổng cộng	501.865.914.982	712.914.943.259	780.286.352.207

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019; BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

11.4 Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo quy định Điều lệ Công ty và theo quy định của pháp luật hiện hành. Theo quy định tại Luật doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm do Đại hội cổ đông quyết định căn cứ vào tình hình hoạt động kinh doanh. Hiện nay Công ty mới thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ bình ổn giá. Các quỹ khác sẽ được Công ty trích lập khi được Đại hội cổ đông thông qua.

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty và được sử dụng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi của người lao động trong Công ty, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Trong năm 2018, do Công ty cần tập trung nguồn tài chính để thực hiện các hoạt động đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, nên mặc dù BCTC 2017 ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 111.348.448.698 đồng nhưng Đại hội cổ đông đã nhất trí thông qua việc không thực hiện trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm 2018 để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2019, nhờ vào việc phát hành thành công cổ phiếu tăng vốn điều lệ, Công ty đã có thêm nguồn vốn để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Cùng với việc ghi nhận lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 đạt 158.443.445.360 đồng (theo số liệu tại BCTC riêng đã kiểm toán năm 2018), Công ty đã trích lập 1.882.557.156 đồng tương ứng với 1,62% lợi nhuận sau thuế để sử dụng cho quỹ khen thưởng phúc lợi.

Bên cạnh đó, với đặc điểm là đơn vị sản xuất và kinh doanh xăng dầu, Công ty phải tiến hành trích lập Quỹ bình ổn giá. Quỹ bình ổn giá được trích lập và sử dụng theo quy định tại Thông tư số 39/2014/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 29/10/2014 (có hiệu lực từ 01/11/2014) về việc Quy định phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và Thông tư số 90/2016/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 24/6/2016 (có hiệu lực từ ngày 15/8/2016) về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số

39/2014/TTLT-BCT-BTC của liên Bộ Tài chính và Bộ Công thương ngày 29/10/2014 quy định về phương pháp tính giá cơ sở; cơ chế hình thành, quản lý, sử dụng bình ổn giá và điều hành giá xăng dầu theo quy định tại Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu.

Bảng 23: Chi tiết các quỹ của Công ty

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Báo cáo tài chính riêng				
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.882.557.156	-
2	Quỹ bình ổn giá	99.412.431.948	116.892.355.890	160.294.590.863
	Tổng cộng	99.412.431.948	118.774.913.046	160.294.590.863
Báo cáo tài chính hợp nhất				
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.882.557.156	-
2	Quỹ bình ổn giá	99.412.431.948	116.892.355.890	160.294.590.863
	Tổng cộng	99.412.431.948	118.774.913.046	160.294.590.863

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019;
BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

11.5 Tổng dư nợ vay

Bảng 24: Chi tiết các khoản nợ vay của Công ty

Đơn vị: đồng

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Báo cáo tài chính riêng			
I. Vay ngắn hạn	882.111.684.000	1.624.591.212.921	1.604.353.670.424
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – SGD 2 (1)	670.310.000.000	1.270.829.808.531	1.370.780.036.034
Ngân hàng Nông nghiệp	-	170.000.000.000	200.000.000.000

Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
và Phát triển nông thôn Việt Nam- CN Sài Gòn (3)			
Vay cá nhân (4)	211.801.684.000	183.761.404.390	33.573.634.390
II. Vay dài hạn	894.449.225.462	714.449.225.462	714.449.225.462
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – SGD 2 (5)	894.449.225.462	714.449.225.462	714.449.225.462
Tổng cộng	1.776.560.909.462	2.339.040.438.383	2.318.802.895.886
Báo cáo tài chính hợp nhất			
I. Vay ngắn hạn	939.071.784.000	1.681.577.641.165	1.647.273.354.424
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – SGD 2 (1)	670.310.000.000	1.270.829.808.531	1.370.780.036.034
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (2)	56.960.100.000	56.986.428.244	42.919.684.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- CN Sài Gòn (3)	-	170.000.000.000	200.000.000.000
Vay cá nhân (4)	211.801.684.000	183.761.404.390	33.573.634.390
II. Vay dài hạn	894.749.225.462	714.749.225.462	714.749.225.462
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – SGD 2 (5)	894.449.225.462	714.449.225.462	714.449.225.462
Công ty TNHH TM Xăng dầu VITRAPEC (6)	300.000.000	300.000.000	300.000.000
Tổng cộng	1.833.821.009.462	2.396.326.866.627	3.294.546.708.848

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019;
BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

Trong những năm vừa qua, các khoản vay của Công ty chủ yếu là vay các ngân hàng thương mại, cụ thể như sau:

- (1) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Sở giao dịch 2 căn cứ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/4618782/HĐTD ngày 02/11/2019. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C, chiết khấu... Hạn mức tín dụng: 2.800.000.000.000 đồng; lãi suất thay đổi theo từng lần nhận nợ. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng và tối đa không quá ngày 31/03/2020. Thời hạn vay theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo bao gồm: Toàn bộ tài sản bảo đảm đang thế chấp cho khoản vay Đầu tư kho xăng dầu Trà Nóc được sử dụng để đảm bảo cho hạn mức tín dụng ngắn hạn; các cây xăng: Bích Phượng, Giang Thành, Lai Hòa Lợi, Cát Lượng, Kim Ánh; Nhà Văn phòng Nam Sông Hậu; Đất Võ Văn Kiệt; Đất dự án Cảng mái dầm; 2 xe ô to LEXUS mang BKS: 51G-200.69, 51G-275.86; tàu NSH SINGAPORE; Quyền sử dụng đất, và Tài sản gắn liền trên đất tại Công ty CP Kho cảng ngoại quan và thương mại dầu khí NSH Gò Công. Ngoài ra đơn vị đang hoàn thiện thêm hồ sơ tài sản thế chấp.
- (2) Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng hạn mức Số LD1618400007/TT2 ngày 08/07/2018 ký nhận 3 bên giữa bên cấp tín dụng là: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín, bên được cấp tín dụng là: Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Thuận Tiến và được đảm bảo là tài sản của ông Bùi Ngọc Yên – Khoản vay của Công ty con. Hạn mức tín dụng là 57.000.000.000 đồng.
- (3) Khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Sài Gòn căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số 1600-LAV-201901049 ngày 09/09/2019. Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán L/C. Hạn mức tín dụng: 490.000.000.000 đồng. Lãi suất thay đổi theo từng lần nhận nợ. Thời hạn vay: Theo từng lần nhận nợ.
- (4) Các khoản vay cá nhân bao gồm:
 - + Vay bà Ngô Thị Ly theo hợp đồng vay mượn tiền ngày 29/03/2019. Số tiền vay: 120.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng và được phép gia hạn theo nhu cầu của hai bên, lãi suất: 0%. Số dư tại 31/03/2020 là 0 đồng;
 - + Vay bà Võ Bích Trâm theo 5 hợp đồng vay mượn tại các ngày 19/01/2019, 22/01/2019, 30/01/2019, 01/04/2019 và ngày 07/05/2019. Tổng số tiền vay là: 127.601.591.500 đồng. Mục đích vay: Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng và được phép gia hạn theo nhu cầu của hai bên, lãi suất 0%. Số dư tại thời điểm 31/03/2020 là 31.673.634.390 đồng.Bà Ngô Thị Ly và bà Võ Bích Trâm hiện tại đều không phải là bên liên quan của Công ty.
- (5) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao

dịch 2, lãi suất vay trong hạn bằng lãi suất tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng (lãi trả sau) cộng tối thiểu 1%/năm, được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo từng lần điều chỉnh, thời hạn vay tối đa 144 tháng kể từ ngày rút khoản vay đầu tiên. Nợ gốc và lãi được ân hạn tối đa 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả theo lịch trả nợ. Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại một số cây xăng, một số phương tiện vận tải và các dây truyền sản xuất pha chế, phối trộn xăng dầu.

- (6) Các khoản vay tổ chức khác: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHTKD-2018 ngày 07/05/2018 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu VITRAPEC với Công ty CP TM Dầu khí Thuận Tiến - Công ty con. Thời gian hợp tác là 5 năm. Lợi nhuận 3.000.000 đồng/tháng

11.6 Tình hình công nợ của Công ty

❖ Các khoản phải thu

Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Báo cáo tài chính riêng			
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	669.504.577.434	563.455.294.498	473.524.950.883
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	551.331.992.215	213.452.217.759	130.060.440.073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	83.878.293.139	227.364.404.035	266.360.696.507
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.410.000.000	7.934.901.310	7.397.935.925
4. Phải thu ngắn hạn khác	49.505.298.995	136.249.760.316	91.178.029.130
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.333.328.594)	(22.827.720.445)	(22.827.720.445)
II. Các khoản phải thu dài hạn	21.861.471.163	57.025.164.553	30.411.179.202
6. Phải thu về cho vay dài hạn	20.763.566.115	56.942.499.554	30.328.514.203
7. Phải thu dài hạn khác	2.718.512.320	2.257.384.848	2.257.381.848

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
8. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(1.620.607.272)	(2.174.716.849)	(2.174.716.849)
Tổng cộng	691.366.048.597	620.480.459.051	503.936.130.085
Báo cáo tài chính hợp nhất			
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	752.876.322.358	574.551.149.979	474.865.284.352
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	622.886.486.357	175.585.451.615	89.267.024.309
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	94.916.016.936	248.218.356.120	287.139.632.527
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	2.410.000.000	7.934.901.310	7.397.935.925
4. Phải thu ngắn hạn khác	49.283.210.417	164.392.110.596	112.566.523.083
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(20.367.009.334)	(22.861.401.185)	(22.861.401.185)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	3.747.617.982	1.281.731.523	1.355.569.693
II. Các khoản phải thu dài hạn	20.760.622.619	55.910.543.673	29.296.558.322
7. Phải thu về cho vay dài hạn	19.662.717.571	55.827.878.674	29.213.893.323
8. Phải thu dài hạn khác	2.718.512.320	2.257.381.848	2.257.381.848
9. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(1.620.607.272)	(2.174.716.849)	(2.174.716.849)
Tổng cộng	773.636.944.977	630.461.693.652	504.161.842.674

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019;

BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Công ty, tại thời điểm 31/12/2019, giá trị các khoản phải thu là 630 tỷ đồng, giảm 143 tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018, nguyên nhân là do khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng giảm mạnh, cụ thể giá trị các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại thời điểm 31/12/2019 là 176 tỷ đồng, giảm 447

tỷ đồng so với thời điểm 31/12/2018, tốc độ giảm khoảng 71,78%. Điều này cho thấy Công ty đang tích cực đẩy mạnh công tác thu hồi nợ phải thu nhằm tránh ứ đọng vốn, tiết kiệm chi phí sử dụng vốn.

Phải thu khách hàng tại BCTC riêng của Công ty bao gồm phải thu ngắn hạn của các bên liên quan (04 công ty con), phải thu của các khách hàng lớn như Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Cần Giờ, Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương... với số dư lên đến hàng chục hoặc hàng trăm tỷ đồng và phải thu khách hàng khác là khoản phải thu từ các đại lý trong số hơn 450 đại lý mua xăng dầu của Công ty với số dư từ vài trăm triệu đến một vài tỷ đồng.

Năm 2019, Công ty đẩy mạnh việc ứng trước tiền hàng cho nhà cung cấp để được hưởng ưu đãi về giá nguyên vật liệu đầu vào, tiết kiệm chi phí, khiến khoản trả trước người bán tăng gần 3 lần, từ 95 tỷ đồng lên 248 tỷ đồng (theo số liệu tại BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2019).

Phải thu ngắn hạn khác tại thời điểm 31/12/2018 sau hợp nhất là 49,28 tỷ đồng, theo BCTC riêng là 49,51 tỷ đồng, trong đó bao gồm khoản phải thu với Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Cần Thơ với số dư 17,34 tỷ đồng. Theo Nghị Quyết HĐQT số 18.10.2018/NQ-HĐQT ngày 18/10/2018 về việc thông qua nội dung hợp tác với Công ty Lọc hóa dầu Cần Thơ. Theo đó, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Cần Thơ thuê toàn bộ nhà máy lọc hóa dầu và Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Cần Thơ có trách nhiệm tổ chức gia công, phối trộn, sản xuất ra các sản phẩm xăng dầu cho Nam Sông Hậu với các sản phẩm xăng A95, Xăng E5, Dầu DO05... Cuối năm 2018, Công ty cấp cho Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Cần Thơ số tiền 17,3 tỷ đồng liên quan đến dự án nâng cấp hệ thống nhà máy lọc dầu, Công ty Cổ phần Lọc hoá dầu Cần Thơ chịu trách nhiệm việc lên dự toán chi tiết và dự trù kinh phí nhằm nâng cao năng lực sản xuất của nhà máy. Tuy nhiên, sau khi Ban dự án đánh giá lại hiệu quả đầu tư, Công ty xét thấy việc triển khai dự án nâng cấp không thực sự mang lại hiệu quả nên đã dừng việc triển khai dự án nâng cấp hệ thống lọc hóa dầu. Toàn bộ số tiền đã chuyển cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Cần Thơ được bù trừ với phí gia công mà Công ty phải trả cho Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Cần Thơ trong năm 2019. Bên cạnh đó, các khoản phải thu ngắn hạn khác cũng tăng mạnh ở thời điểm cuối năm 2019, từ 49,28 tỷ đồng lên đến 164,39 tỷ đồng ở thời điểm cuối năm. Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

Bảng 26: Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn khác của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Báo cáo tài chính riêng			

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Phải thu ngắn hạn khác	49.505.298.995	136.249.760.316	91.178.029.130
Bảo hiểm xã hội	-	-	-
Tạm ứng	15.668.085.272	17.658.481.042	10.216.699.694
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	560.500.000	106.293.670.664	68.233.769.240
Phải thu khác	33.276.713.723	12.297.608.610	12.727.560.196
Báo cáo tài chính hợp nhất			
Phải thu ngắn hạn khác	49.283.210.417	164.392.110.596	112.566.523.083
Bảo hiểm xã hội	-	-	88.000.000
Tạm ứng	15.756.215.272	17.773.951.042	10.350.782.407
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	560.500.000	106.293.670.664	68.233.769.240
Phải thu khác	32.965.279.145	40.324.488.890	33.893.971.436

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019;
BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

Như vậy, nguyên nhân khiến các khoản phải thu ngắn hạn khác tăng mạnh do trong năm 2019, Công ty thực hiện ký quỹ để mở L/C tại Ngân hàng Agirbank - chi nhánh Sài Gòn, số dư của khoản ký quỹ này ở thời điểm cuối năm 2019 là 106 tỷ đồng. Ngoài ra, phải thu ngắn hạn khác của Công ty còn bao gồm các khoản tạm ứng, trong đó số dư các khoản tạm ứng tại thời điểm 31/12/2019 trên BCTC riêng là 17.658.481.042 đồng. Đây là khoản tạm ứng cho các cá nhân để giải quyết thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thủ tục thông quan đối với hàng nhập khẩu đã được HĐQT thông qua theo nghị quyết số 02.01.2019/NQ-HĐQT ngày 02/01/2019. Tính đến 29/02/2020, toàn bộ số dư tạm ứng 17,67 tỷ đồng ở thời điểm 31/12/2019 đã được hoàn ứng toàn bộ bằng tiền gửi ngân hàng.

Trong các năm vừa qua, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam sông Hậu đã chủ động thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu khó đòi/nợ xấu để đưa vào chi phí hàng năm của doanh nghiệp theo đúng các quy định của pháp luật về kế toán. Chi tiết các khoản trích lập dự phòng theo BCTC riêng của Công ty như sau:

Bảng 27: Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi năm 2018 - 2019 của Công ty

Đơn vị: đồng

Đối tượng	31/12/2018			31/12/2019		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị trích lập	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị trích lập
Ngắn hạn	22.463.456.229	2.130.127.635	20.333.328.594	25.101.103.337	1.947.582.592	23.153.520.745
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Can Chi	1.265.681.885		1.265.681.885	1.265.681.885	-	1.265.681.885
Công ty TNHH MTV Xây dựng thương mại vận tải Vinh Phú	817.200.000		817.200.000	817.200.000	-	817.200.000
Công ty TNHH Vương Phú	602.000.000		602.000.000	602.000.000	-	602.000.000
CTCP Kiến trúc Long Khang	180.000.000		180.000.000	180.000.000	-	180.000.000
Lương Thành Phương	196.025.000	58.807.500	137.217.500	196.025.000	-	196.025.000
Lê Quang Hiếu Hùng	3.902.004.240		3.902.004.240	3.902.004.240	-	3.902.004.240
Interchem PTE LTD	6.735.000.000		6.735.000.000	6.735.000.000	-	6.735.000.000
Huyền Thị Hồng Diễm	50.000.000	15000000	35.000.000	50.000.000	-	50.000.000
Khác	8.715.545.104	2.056.320.135	6.659.224.969	11.362.355.682	2.282.152.122	9.080.203.560
Dài hạn	2.202.069.351	2.202,07	581.462.079	1.124.837.581	36.121.732	1.088.715.849
Đặng Hồng Phước	2.202.069.351	581.462.079	1.620.607.272	129.172.000	-	129.172.000
Lương Thành Phương	129.172.000		129.172.000	1.086.001.000	325.800.300	760.200.700
Khác	1.086.001.000	325.800.300	760.200.700			
Tổng cộng	24.665.525.580	2.711.589.714	21.953.935.866	27.311.941.918	2.309.504.624	25.131.609.294

(Nguồn: BCTC riêng đã kiểm toán năm 2019 của Công ty)

Bảng 28: Chi tiết dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/3/2020

Đơn vị: đồng

Đối tượng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị trích lập
Ngắn hạn	25.101.103.337	1.947.582.592	23.153.520.745
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp Can Chi	1.265.681.885	-	1.265.681.885
Công ty TNHH MTV Xây dựng thương mại vận tải Vinh Phú	817.200.000	-	817.200.000
Công ty TNHH Vương Phú	602.000.000	-	602.000.000
CTCP Kiến trúc Long Khang	180.000.000	-	180.000.000
Lương Thành Phương	196.025.000	-	196.025.000
Lê Quang Hiếu Hùng	3.902.004.240	-	3.902.004.240
Interchecm PTE LTD	6.735.000.000	-	6.735.000.000
Huỳnh Thị Hồng Diễm	50.000.000	-	50.000.000
Khác	11.362.355.682	2.282.152.122	9.080.203.560
Dài hạn	1.124.837.581	36.121.732	1.088.715.849
Đặng Hồng Phước	129.172.000	-	129.172.000
Lương Thành Phương	1.086.001.000	325.800.300	760.200.700
Khác			
Tổng cộng	27.311.941.918	2.309.504.624	25.131.609.294

(Nguồn: BCTC riêng Quý I/2020 của Công ty)

Tính đến thời điểm 31/03/2020, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 25.131.609.294 đồng, trong đó trích lập 23.153.520.745 đồng đối với các khoản phải thu ngắn hạn và 1.088.715.849 đồng đối với các khoản phải thu dài hạn. Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá các đối tượng trên vẫn còn khả năng thanh toán các khoản nợ nên Công ty chưa có kế hoạch xóa sổ các khoản nợ xấu, nợ phải thu khó đòi. Do đó, các khoản trích lập dự phòng vẫn sẽ được ghi nhận tại BCTC hàng năm. Trong thời gian tới, Ban Lãnh đạo và các bộ phận liên quan sẽ tiếp tục nỗ lực sử dụng nhiều biện pháp khác nhau nhằm thu hồi một phần hoặc toàn bộ các khoản nợ xấu nêu trên để giảm thiểu tối đa thiệt hại cho Công ty. Trường hợp các khoản nợ xấu thu hồi được sẽ ghi nhận là khoản thu nhập khác trong hoạt động kinh doanh hàng năm của Công ty.

❖ **Các khoản phải trả**

Công ty không có nợ phải trả quá hạn và các khoản phải trả, phải nộp Nhà nước quá hạn.

Bảng 29: Chi tiết các khoản phải trả của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
Báo cáo tài chính riêng			
I. Nợ ngắn hạn	4.855.342.750.052	5.676.925.248.425	6.577.827.773.579
1. Phải trả người bán ngắn hạn	2.369.085.739.268	2.619.871.671.529	2.192.444.777.078
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	225.603.563.758	243.693.854.786	152.337.489.012
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	458.236.441.017	697.620.826.165	775.223.376.795
4. Phải trả người lao động	828.779.589	927.877.262	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	82.743.184.233	184.329.037.165	183.096.208.893
6. Phải trả ngắn hạn khác	737.320.926.239	187.115.855.551	1.510.077.660.514
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	882.111.684.000	1.624.591.212.921	1.604.353.670.424
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.882.557.156	-
9. Quỹ bình ổn giá	99.412.431.948	116.892.355.890	160.294.590.863
II. Nợ dài hạn	2.641.820.332.201	2.192.167.586.945	2.192.167.586.945
10. Chi phí phải trả dài hạn	71.680.801.773	-	-
11. Phải trả dài hạn khác	1.675.690.304.966	1.477.718.361.483	1.477.718.361.483
12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	894.449.225.462	714.449.225.462	714.449.225.462
Tổng cộng	7.497.163.082.253	7.869.092.835.370	8.769.995.360.524
Báo cáo tài chính hợp nhất			
I. Nợ ngắn hạn	4.887.101.888.877	5.661.390.509	6.545.772.226.551
1. Phải trả người bán ngắn hạn	2.319.549.783.382	2.575.868.358.143	2.154.049.870.104

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
hạn			
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	225.672.720.558	245.209.604.786	152.706.629.012
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	501.865.914.982	712.914.943.259	780.286.352.207
4. Phải trả người lao động	875.559.589	955.647.262	38.265.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	96.255.184.233	184.329.037.165	186.096.208.893
6. Phải trả ngắn hạn khác	704.398.510.185	141.760.365.070	1.465.026.955.448
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	939.071.784.000	1.681.577.641.165	1.647.273.354.424
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	1.882.557.156	-
9. Quỹ bình ổn giá	99.412.431.948	116.892.355.890	160.294.590.863
II. Nợ dài hạn	2.642.120.332.201	2.192.467.586.945	2.192.467.586.945
10. Chi phí phải trả dài hạn	71.680.801.773	-	-
11. Phải trả dài hạn khác	1.675.690.304.966	1.477.718.361.483	1.477.718.361.483
12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	894.749.225.462	714.749.225.462	714.749.225.462
Tổng cộng	7.529.222.221.078	7.853.858.096.841	8.738.239.813.496

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019;

BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

Phải trả người bán ngắn hạn: Phải trả người bán ngắn hạn cuối năm 2019 sau hợp nhất là 2.575,87 tỷ đồng, tăng 256,32 tỷ đồng so với cuối năm 2018, trong đó chỉ tiêu này tại thời điểm cuối năm 2019 trên BCTC riêng là 2.619,87 tỷ đồng, tăng 250,79 tỷ đồng so với thời điểm cuối năm 2018. Phải trả người bán tăng là do Công ty đẩy mạnh việc mua nguyên liệu, hàng hóa khiến công nợ phải trả nhà cung cấp tăng lên. Các khoản trả người bán tăng mạnh như khoản phải trả SOLEUM ENERGY PTE LTD tăng từ 1.289,74 tỷ đồng lên 1.446,73 tỷ đồng và khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tăng từ 0 lên 139,02 tỷ đồng. Đây đều là các khoản phải trả cho các nhà cung cấp chính của Công ty với sản phẩm cung cấp gồm: xăng A95, xăng A92, dầu D05, condensate. Ngoài các khoản phải trả với các nhà cung cấp chính, phải trả người bán của Công ty còn bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác như phải trả các nhà cung cấp xăng dầu, tiền phí gia công xăng dầu, tiền dịch vụ vận

chuyển xăng dầu với có giá trị từ vài tỷ đồng đến vài chục tỷ đồng.

Chi phí phải trả ngắn hạn cuối năm 2019 theo BCTC hợp nhất là 184,33 tỷ đồng, tăng so với thời điểm cuối năm 2018 là 88,07 tỷ đồng. Chi phí phải trả ngắn hạn của Công ty chủ yếu là lãi vay của các khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần với thời hạn dưới 1 năm.

Các khoản phải trả dài hạn khác của Công ty bao gồm phải trả hàng mượn đối với Công ty TNHH Thương mại dầu khí sinh học NSH Phú An (Tên cũ là Công ty TNHH Thương mại dầu khí và phối trộn xăng sinh học Phú Hữu) và Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghệ Hóa dầu Đại Lộc (Tên cũ là Công ty TNHH Phân phối dầu khí Phong Phú) theo các hợp đồng kinh tế số 1991A/2017/HĐKT/NSH-PHUUUU và hợp đồng số 01.01/2017/HĐKT/NSH-DKPP.

11.7 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 30: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
Báo cáo tài chính riêng			
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,16	1,02
- Hệ số thanh toán nhanh <i>(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,2	0,15
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,89	0,84
- Hệ số Nợ/VCSH	Lần	7,71	5,39
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho <i>GVHB/Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	2,39	1,74
- Vòng quay tổng tài sản <i>(DTT/Tổng tài sản bình quân)</i>	Lần	1,38	1,01
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	1,54	1,34
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/VCSH BQ	%	21,44	9,87
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,11	1,35
- Tỷ suất Lợi nhuận hoạt động SXKD/DTT	%	1,61	1,58
Báo cáo tài chính hợp nhất			
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	1,17	1,03
- Hệ số thanh toán nhanh <i>(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn</i>	Lần	0,22	0,16
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,88	0,83
- Hệ số Nợ/VCSH	Lần	7,35	4,92
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho <i>GVHB/Hàng tồn kho bình quân</i>	Lần	2,39	1,76
- Vòng quay tổng tài sản <i>(DTT/Tổng tài sản bình quân)</i>	Lần	1,37	1,02
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/DTT	%	1,52	1,34
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/VCSH BQ (sau khi đã trừ đi lợi ích của cổ đông không	%	20,95	10,02

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2018	Năm 2019
kiểm soát)			
- Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,09	1,37
- Tỷ suất Lợi nhuận hoạt động SXKD/DTT	%	1,64	1,63

(Nguồn: BCTC riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019)

Năm 2019, hệ số Nợ/VCSH của Công ty là 4,95 lần, giảm 2,43 lần so với năm 2018. Nguyên nhân do trong năm 2019, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ bằng hình thức phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu riêng lẻ khiến vốn góp của chủ sở hữu tăng từ 800 tỷ đồng lên hơn 1200 tỷ đồng. Hệ số nợ giảm giúp Công ty giảm thiểu rủi ro trong việc trả nợ, tăng khả năng tự chủ về tài chính. Về chỉ tiêu năng lực hoạt động trong năm 2019 có sự giảm nhẹ do chủ yếu do ảnh hưởng của việc thắt chặt chính sách quản lý trong việc nhập khẩu xăng dầu, dung môi dẫn đến sản lượng sản xuất và bán hàng trong năm 2019 của Công ty giảm, dẫn đến doanh thu và giá vốn hàng bán cũng giảm theo. ROE của Công ty luôn duy trì ở mức cao, năm 2019 tuy có giảm nhưng vẫn đạt 10,02%.

12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Mai Văn Huy	Chủ tịch HĐQT
2	Mai Hữu Phúc	Thành viên HĐQT
3	Lý Thị Ánh Hồng	Thành viên HĐQT
4	Hà Ngọc Thương	Thành viên HĐQT độc lập
5	Lê Văn Phú	Thành viên HĐQT độc lập

❖ Ông Mai Văn Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Họ tên : Mai Văn Huy
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/06/1961

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
- Địa chỉ hiện tại : Ấp Phú Thạnh, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang
- Số CMND : 364186168; Nơi cấp: Công an Hậu Giang; Ngày cấp: 15/5/2018
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư dầu khí
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Chủ tịch HĐQT
- Quá trình công tác:

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
10/1980 - 10/1981	C47 D12 F869 Quân khu 9	Binh nhì
11/1981 - 6/1982	E157-F339 Quân khu 9	Binh nhất
7/1982 - 11/1982	E157-F339 Quân khu 9	Hạ sỹ
12/1982 - 6/1983	E157-F339 Quân khu 9	Trung sỹ
7/1983 - 10/1983	E157-F339 Quân khu 9	Trung đội phó
11/1983 - 01/1984	E157-F339 Quân khu 9	Thượng sỹ Trung đội phó
02/1984 - 5/1984	Học viện trường Quân Khu 9	Thượng sỹ
6/1984 - 12/1986	Công ty du lịch tỉnh Đồng Tháp	Nhân viên
01/1987 - 11/1989	Xí nghiệp xây lắp Công ty du lịch	Giám đốc
12/1989 - 9/1991	Văn phòng ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phụ trách Công ty xây lắp văn phòng ủy ban	Nhân viên
10/1991 - 3/1992	Công ty xây lắp	Giám đốc

4/1992 - 11/1992	Công ty xăng dầu và Kinh doanh tổng hợp	Giám đốc
12/1992 - 7/1998	Công ty vật tư và xuất nhập khẩu Đồng Tháp	Giám đốc
8/1998 - 8/2000	Công ty Thương mại dầu khí Đồng Tháp	Giám đốc
14/02/2012 - 5/2017	Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Tổng Giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT
2016 - nay	Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Cần Thơ	Chủ tịch HĐQT
25/12/2010 - nay	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển đô thị Nam Sông Hậu Đông Phú	Giám đốc
05/2017 – 02/2020	Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc
03/2020 - nay	Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Giám đốc tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển đô thị Nam Sông Hậu Đông Phú; Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Cần Thơ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 84.110.875 cổ phần chiếm 66,65% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 587.600 cổ phần, chiếm 0,46% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

❖ Ông Mai Hữu Phúc – Thành viên HĐQT

- Họ tên : Mai Hữu Phúc
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 05/10/1988
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 37/7 Nguyễn Ngọc Lộc F14 Q10 Tp.HCM
- Địa chỉ hiện tại : 37/7 Nguyễn Ngọc Lộc F14 Q10 Tp.HCM
- Số CMND : 024141213; Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh; Ngày cấp: 12/06/2015
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
2013 - 2016	Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Nhân viên phòng Vận tải dầu khí và Hợp tác quốc tế
2016 - 09/2019	Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Phó phòng Vận tải dầu khí và Hợp tác quốc tế
05/2017 - nay	Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Thành viên HĐQT
10/2019 –02/2020	Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Trưởng phòng Vận tải dầu khí và Hợp tác quốc tế kiêm Phó phòng Đầu tư tài chính
03/2020 - nay	Công ty CP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 530.800 cổ phần chiếm 0,42% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 84.110.875 cổ phần, chiếm 66,65% vốn điều lệ

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
------------------	---------------------	----------------

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

❖ Bà Lý Thị Ánh Hồng - Thành viên HĐQT

- Họ tên : Lý Thị Ánh Hồng
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 04/06/1984
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Khome
- Địa chỉ thường trú : 127/5K, đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TPCT
- Địa chỉ hiện tại : 127/5K, đường Mậu Thân, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TPCT
- Số CMND : 092184004923; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư; Ngày cấp: 16/01/2019
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
05/2009 - 08/2011	CTCP tư vấn Xây dựng và Kiểm định 584	Nhân viên kế toán
08/2013 - 09/2013	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Nhân viên kế toán
10/2013 - 08/2014	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư	Phó Phòng Kế toán

	Dầu khí Nam Sông Hậu	
09/2014 - 04/2015	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Kế toán trưởng
05/2015 - 12/2016	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu tại Cần Thơ	Kế toán trưởng
01/2017 - 04/2017	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Phó Phòng Kế toán tổng hợp
05/2017 - 08/2018	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Quyền Trưởng phòng Kế toán tổng hợp
05/2017 - nay	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Thành viên HĐQT
09/2018 - 06/2019	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Trưởng Ban kế toán tổng hợp kiêm Kế toán trưởng
07/2019 - nay	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 158.376 cổ phần chiếm 0,13% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

❖ Ông Hà Ngọc Thường - Thành viên HĐQT

- Họ tên : Hà Ngọc Thường
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 02/09/1946
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 206/122 Trần Phú, Cái Khế, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
- Địa chỉ hiện tại : A84 Đường số 9, Phường Phú Thứ, Quận Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
- Số CMND : 092046000126; Nơi cấp: Công an Cần Thơ, ngày cấp: 03/03/2017
- Trình độ chuyên môn : Sỹ quan Quân Đội
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Thành viên HĐQT
- Quá trình công tác:

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
09/1962 - 04/1975	Tinh đội Cần Thơ	Thượng úy - Tiểu đoàn trưởng Tây Đô 1
04/1975 - 04/1978	Tinh đội Hậu Giang	Trợ lý tác chiến - Đại úy
04/1978 - 04/1985	Quân khu 9	Trung đoàn phó - Trung đoàn trưởng Sư đoàn 339 - Quân khu 9 - Thiếu tá
04/1985 - 04/2016	Quân khu 9	Nghỉ hưu
05/06/2016 - nay	Cố vấn Chiến lược cho một số Doanh nghiệp trên địa bàn Cần Thơ	
03/2020 - nay	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư dầu khí Nam Sông Hậu	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 30.500 cổ phần chiếm 0,02% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
-----------	------------------	---------

0% vốn điều lệ

- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

❖ Ông Lê Văn Phú - Thành viên HĐQT

- Họ tên : Lê Văn Phú
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 02/05/1957
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Số 5, Lý Tự Trọng, Khóm 2, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Địa chỉ hiện tại : Số 5, Lý Tự Trọng, Khóm 2, Phường 2, Thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Số CMND : 340431716 Nơi cấp: Công an Cần Thơ, ngày cấp: 03/03/2017
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Thành viên HĐQT
- Quá trình công tác:

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
04/1972 - 04/1980	Quân khu 9	Thiếu úy - Đại đội trưởng Sỹ quan Quân đội
05/1990 - 02/1992	Công ty Vật tư tổng hợp Đồng Tháp	Phó Giám đốc

03/1992 - 09/2000 (*)	Công ty Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	Phó Giám đốc
05/2014 - 11/2014	Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Phó Tổng Giám đốc
03/2020 - nay	Công ty Cổ phần Thương mại đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Thành viên HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

12.2 Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Mai Văn Thành	Tổng Giám đốc
2	Mai Hữu Phúc	Phó Tổng Giám đốc
3	Lý Thị Ánh Hồng	Phó Tổng Giám đốc
4	Phan Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
5	Trần Quốc Đồi	Phó Tổng Giám đốc

❖ Ông Mai Văn Thành – Tổng Giám đốc

- Họ tên : Mai Văn Thành
- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 01/12/1976
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 11 Quang Trung, Xuân Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ
- Địa chỉ hiện tại : 11 Quang Trung, Xuân Khánh, Ninh Kiều, Cần Thơ
- Số CMND : 092076001147 ; Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư ; Ngày cấp: 19/7/2016
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư hóa dầu
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Tổng Giám đốc
- Quá trình công tác

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
2000 - 2007	Công ty Thương mại dầu khí Đồng Tháp	Nhân viên quản lý chất lượng
2007 - 2012	Công ty Thương mại dầu khí Đồng Tháp	Phó phòng quản lý chất lượng
2012 - 07/2013	CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Trưởng phòng kinh doanh xăng dầu
08/2013 – 02/2020	CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Phó Tổng Giám đốc
05/2017 – 02/2020	CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Thành viên HĐQT
03/2020 - nay	CTCP Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 56.000 cổ phần chiếm 0,04% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 84.111.675 cổ phần, chiếm 66,65% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không

- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

❖ **Ông Mai Hữu Phúc - Phó Tổng Giám đốc**

(Như đã nêu tại mục Sơ yếu lý lịch của Thành viên Hội đồng quản trị)

❖ **Bà Lý Thị Ánh Hồng - Phó Tổng Giám đốc**

(Như đã nêu tại mục Sơ yếu lý lịch của Thành viên Hội đồng quản trị)

❖ **Ông Phan Văn Quang - Phó Tổng Giám đốc**

- Họ tên : Phan Văn Quang
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 30/10/1979
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Ấp Trường Xuân A, Xã Thanh Bình, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang.
- Địa chỉ hiện tại : Ấp Trường Xuân A, Xã Thanh Bình, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang.
- Số CMND : 311556937; Nơi cấp: Công an Tiền Giang; Ngày cấp: 04/09/2007
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Phó Tổng Giám đốc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
08/2002 - 08/2004	Công ty TNHH Sản xuất hàng tiêu dùng Bình Tiên (Biti's)	Nhân viên kinh doanh
01/2005 - 08/2008	Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Vinatrans	Nhân viên kinh doanh

08/2008 - 06/2010	Công ty TNHH Nam Mekong	Nhân viên kinh doanh
08/2010 - 05/2013	Công ty TNHH Thủy Sản Phước Anh	Nhân viên kinh doanh
08/2013 - 02/2020	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Trưởng phòng xuất nhập khẩu
03/2020 - nay	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 20.500 cổ phần chiếm 0,02% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

❖ Ông Trần Quốc Đồi - Phó Tổng Giám đốc

- Họ tên : Trần Quốc Đồi
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 28/11/1977
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : số 21-23 Đường B3, KDC Hưng phú 1, P Hưng phú, Q Cái răng, TP Cần Thơ.
- Địa chỉ hiện tại : số 21-23 Đường B3, KDC Hưng phú 1, P Hưng phú, Q Cái răng, TP Cần Thơ.
- Số CMND : 092077003702; Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội; Ngày cấp: 10/01/2019

- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư kỹ thuật điện - điện tử
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Phó Tổng Giám đốc
- Quá trình công tác:

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
11/1999 - 03/2001	Trường trung cấp văn hóa nghệ thuật Cần Thơ	Nhân viên bảo trì hệ thống điện
04/2001 - 10/2001	Công ty Xây dựng Công nghiệp nhẹ - Cần Thơ	Nhân viên bảo trì hệ thống điện
11/2001 - 11/2004	Công ty Nước giải khát VN (VBC)	Nhân viên bảo trì hệ thống điện
05/2005 - 03/2007	Công ty liên doanh TNHH Hóa dầu VTN-P	Nhân viên bảo trì hệ thống điện
05/2007 - 11/2013	Chi nhánh Nhà máy Lọc hóa dầu Nam Việt	Nhân viên bảo trì hệ thống điện, Trưởng ca sản xuất
11/2013 - 03/2016	CN Nhà máy Lọc hóa dầu Nam Việt	Giám đốc chi nhánh
04/2016 - nay	CTCP Lọc hóa Dầu Cần Thơ	Giám đốc
03/2020 - nay	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Phó Tổng Giám đốc

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Giám đốc Công ty Cổ phần Lọc Hóa dầu Cần Thơ
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 20.500 cổ phần chiếm 0,02% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn : Không

với Công ty

12.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Đoàn Thanh Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Võ Thị Bông	Thành viên
3	Phạm Thị Kim Bằng	Thành viên

❖ Bà Đoàn Thanh Tâm – Trưởng Ban kiểm soát

- Họ tên : Đoàn Thanh Tâm
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 10/06/1991
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 50C/6A Hẻm 5, đường Bùi Hữu Nghĩa, KV6 phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, TP CT.
- Địa chỉ hiện tại : 50C/6A Hẻm 5, đường Bùi Hữu Nghĩa, KV6 phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, TP Cần Thơ.
- Số CMND : 365782600; Nơi cấp: CA Sóc Trăng; Ngày cấp: 17/09/2018
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Trưởng Ban kiểm soát
- Quá trình công tác

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
12/2014 - 05/2015	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Nhân viên kế toán
06/2015 - 11/2017	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Trưởng Bộ phận Quản lý hàng hóa
05/2017 - 02/2020	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Thành viên BKS

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
12/2017 - 7/2018	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Phó Phòng Quản lý hàng hóa
08/2018 - 02/2020	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Trưởng Phòng Quản lý Hàng hóa và Hóa dầu
03/2020 - nay	Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Trưởng Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 40.300 cổ phần chiếm 0,03% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

❖ **Bà Võ Thị Bông – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ tên : Võ Thị Bông
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 02/09/1990
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Trung Hưng, Cờ Đỏ, TP Cần Thơ
- Địa chỉ hiện tại : 1599A, Khu Vực Bình Phó A, Phường Long Xuyên, Quận Bình Thủy, TP Cần Thơ
- Số CMND : 362356350; Nơi cấp: CA Cần Thơ; Ngày cấp: 21/08/2014

- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Thành viên Ban kiểm soát kiêm Phó Phòng Quản Lý Hàng Hóa Và Hóa Dầu
- Quá trình công tác

Thời gian	Cơ quan công tác	Chức vụ
05/2014 - 04/2016	Công Ty Cổ Phần Du Lịch Sông Hậu	Nhân viên kế toán kiêm thủ quỹ
05/2017 - nay	Công Ty Cổ phần Thương Mại Đầu Tư Dầu Khí Nam Sông Hậu	Thành viên BKS
04/2016 - 08/2018	Công Ty Cổ phần Thương Mại Đầu Tư Dầu Khí Nam Sông Hậu	Phó Bộ phận Quản lý Hàng hóa
08/2018 - nay	Công Ty Cổ phần Thương Mại Đầu Tư Dầu Khí Nam Sông Hậu	Phó Phòng Quản lý hàng hóa và Hóa dầu

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 10.200 cổ phần chiếm 0,01% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

❖ Phạm Thị Kim Bằng – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ tên : Phạm Thị Kim Bằng
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 03/08/1986

- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : 7/5 tổ 8 KV1, P. Hưng Thạnh, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
- Địa chỉ hiện tại : 7/5 tổ 8 KV1, P. Hưng Thạnh, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
- Số CMND : 092186004317; Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư; Ngày cấp: 04/03/2019;
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Thành viên Ban Kiểm soát
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
01/2008 - 07/2014	Công ty Cổ phần Thương Mại Thép Việt Sám	Nhân viên kế toán
11/2014 - 12/2015	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Nhân viên kế toán
05/2017 - 02/2020	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Trưởng Ban kiểm soát
03/2020 - nay	Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	Thành viên Ban Kiểm soát

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 5.300 cổ phần chiếm 0,004% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn : Không

với Công ty

12.4 Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bùi Văn Ninh	Kế toán trưởng

❖ Ông Bùi Văn Ninh – Kế toán trưởng

- Họ tên : Bùi Văn Ninh
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/10/1984
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú : Ấp Thạnh Hòa, Xã Đông Thạnh, TX.Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long
- Địa chỉ hiện tại : Ấp Thạnh Hòa, Xã Đông Thạnh, TX.Bình Minh, Tỉnh Vĩnh Long
- Số CMND : 331457798; Nơi cấp: CA Vĩnh Long; Ngày cấp: 20/11/2015
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kế toán
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức : Kế toán trưởng
- Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
10/2009 - 05/2015	Công Ty Lương Thực Sông Hậu	Nhân viên kế toán
05/2015 - 09/2016	Công Ty TNHH ADC	Nhân viên kế toán
12/2016 - 10/2017	Công Ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu Khí Nam Sông Hậu	Nhân viên kế toán tổng hợp
11/2017 - 8/2018	Công Ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu Khí Nam Sông Hậu	Phó Phòng Kế toán tổng hợp
9/2018 - 6/2019	Công Ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu Khí Nam Sông Hậu	Phó Ban kế toán tổng hợp
07/2019 - nay	Công Ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu	Kế toán trưởng kiêm

	Khí Nam Sông Hậu	Trưởng Ban kế toán tổng hợp
--	------------------	-----------------------------

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của cá nhân và những người liên quan : + Sở hữu cá nhân: 50.500 cổ phần chiếm 0,04% vốn điều lệ;
+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- Những khoản nợ với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan với Công ty : Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

13. Tài sản

13.1 Hiện trạng sử dụng đất

Trong các năm qua, Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu đã sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý đất đã đảm bảo theo đúng các quy định của Luật đất đai cũng như các quy định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Bảng 31: Tài sản cố định tại thời điểm 31/03/2020

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
1. Tài sản cố định hữu hình	1.378.812.853.659	349.436.057.151	1.029.376.796.508
Nhà xưởng, vật kiến trúc	339.205.102.681	123.434.716.025	215.770.386.656
Máy móc và thiết bị	713.306.487.728	120.012.968.260	593.293.519.468
Phương tiện vận tải, truyền	317.765.619.754	100.126.178.544	217.639.441.210

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
dẫn			
Thiết bị dụng cụ quản lý	7.353.128.434	4.679.679.260	2.673.449.174
TSCĐ khác	1.182.515.062	1.182.515.062	-
2. Tài sản cố định vô hình	615.525.759.714	49.018.799.396	566.506.960.318
Quyền sử dụng đất	615.525.759.714	49.018.799.396	566.506.960.318

(Nguồn: BCTC hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

13.2 Chi phí xây dựng dở dang

Bảng 32: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
1. Mua sắm tài sản cố định	26.311.018.342	26.248.245.615	384.892.365
2. Xây dựng cơ bản	123.681.817	293.721.881.404	331.323.096.059
3. Dự án Vàm Láng	95.421.799.616	117.928.298.786	117.928.298.786
4. Dự án khu du lịch sinh thái Phong Điền	149.905.000.000	193.749.000.000	193.749.000.000
5. Tiền bồi thường đất dự án Soài Rạp	152.542.744.138	153.798.363.228	153.798.363.228
6. Khu phức hợp sản xuất nông sản tại An Giang	-	115.000.000.000	115.000.000.000
7. Dự án Kho Mái Dầm	-	157.115.834.924	157.115.834.924
8. Dự án nhà máy sản xuất xăng sinh học - Thoại Sơn, An Giang	-	22.018.838.630	22.018.838.630
9. Dự án kho trung chuyển, nhà máy phối trộn xăng	-	15.000.000.000	15.000.000.000

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	31/03/2020
sinh học, trạm chiết nạp gas			
10.Đất tại Khu trung tâm điều hành Khu Công nghiệp Sông Hậu	79.390.000.000	-	-
11.Nâng cấp kho cảng Thuận Tiến	48.001.368.434	48.001.368.434	48.001.368.434
12.Công trình khách sạn Hùng Cường	11.381.766.827	16.561.657.186	17.536.321.087
Tổng Cộng	563.077.379.174	1.159.143.488.207	1.171.856.013.513

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018, 2019 và BCTC hợp nhất Quý I/2020 của Công ty)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2019 theo BCTC hợp nhất là 1.159 tỷ đồng, theo BCTC riêng là 1.608 tỷ đồng. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí mua sắm tài sản cố định và chi phí đầu tư xây dựng cơ bản liên quan đến việc đầu tư thực hiện các dự án của Công ty như các dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cửa hàng xăng dầu, kho xăng dầu, nhà máy sản xuất phối trộn xăng dầu; các dự án khu du lịch sinh thái, dự án phát triển nông nghiệp.... Trong đó có một số dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư đã triển khai xây dựng, một số dự án đã nhận bàn giao mặt bằng đang triển khai thủ tục dự án. Toàn bộ đất thuộc các dự án này là đất Công ty nhận chuyển nhượng hợp pháp từ cá nhân, tổ chức khác.

13.3 Hiện trạng sử dụng đất

Bảng 33: Bảng Thống kê bất động sản lớn của Công ty tại ngày 31/12/2019

ST T	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Giá trị (đồng) (*)	Hình thức	Thời hạn
1	Đất của dự án Khu Phức Hợp Sản xuất lúa hữu cơ và cụm kho bảo quản nông sản tại xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang	589.020	115.000.000.000	Đất nhận chuyển nhượng hợp pháp (bao gồm 19 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp)	50 năm

ST T	Tên tài sản	Diện tích (m ²)	Giá trị (đồng) (*)	Hình thức	Thời hạn
2	Đất tại dự án Cảng chuyên dùng, kho chứa xăng dầu, nhà máy sản xuất dầu nhờn, nhà máy khí hóa lỏng và nhà máy chế biến xăng dầu sinh học tại thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành	113.152,28	136.626.377.968	Đất nhận chuyển nhượng hợp pháp (bao gồm 68 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp)	50 năm
3	Đất tại dự án Khu Trung tâm điều hành Khu Công Nghiệp Sông Hậu	44.729	481.576.120.000	Đất nhận chuyển nhượng hợp pháp (bao gồm 28 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp)	Lâu dài
4	Đất tại Dự án Khu du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng Phong Điền	42.021	149.905.000.000	Đất nhận chuyển nhượng hợp pháp (bao gồm 07 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp)	50 năm
5	Đất tại các cây xăng	133.178,20	429.274.014.651	Đất nhận chuyển nhượng hợp pháp (bao gồm 67 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các cây xăng nhận chuyển nhượng hợp pháp)	Một phần đất lâu dài và một phần đất 50 năm

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

(*) Giá trị các quyền sử dụng đất được xác định dựa trên chứng thư thẩm định giá và việc xác định giá trị hợp lý khi ký kết hợp đồng chuyển nhượng giữa các bên

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

14.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Bảng 34: Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020		Năm 2021	
		Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2019	Kế hoạch	% tăng giảm so với năm 2020
Vốn chủ sở hữu	1.597.156	1.747.156	9,39	1.917.156	9,37
Vốn điều lệ	1.261.967	1.261.967	-	1.261.967	-
Doanh thu thuần	9.150.951	12.000.000	31,13	14.000.000	16,67
Lợi nhuận sau thuế	122.841	150.000	22,11	170.000	13,33
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,34%	1,25%	(6,88)	1,21%	(2,86)
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	10,02%	8,97%	(10,48)	9,28%	3,44

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

14.2 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức được công ty đặt ra trên cơ sở nhận định thận trọng về tình hình kinh tế và giá dầu thế giới trong và ngoài nước cùng với những khó khăn và thuận lợi mà công ty đang có:

Thuận lợi:

Nghị định 83/2014/NĐ-CP ra đời và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/11/2014 đã giúp các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu, trong đó có Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu chủ động hơn trong việc điều chỉnh giá bán xăng dầu trong nước. Cụ thể, với cơ chế cho phép 02 lần điều chỉnh giá liên tiếp, tối thiểu là 15 ngày, giá xăng dầu trong nước bán sát hơn với diễn biến giá dầu thế giới, giảm thiểu rủi ro chênh lệch giá bán thấp hơn giá mua do giá dầu trong nước không kịp điều chỉnh theo giá thế giới như trước đây.

Nhu cầu tiêu thụ xăng dầu tiếp tục tăng trưởng cùng với tốc độ tăng trưởng của nền

kinh tế Việt Nam. Tỷ lệ tăng trưởng nhanh của số lượng sở hữu phương tiện giao thông vận tải trung bình 14% với năm 2020 làm gia tăng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu, đặc biệt là nhiên liệu dùng cho ô tô như xăng và dầu diesel. Bên cạnh đó, nhu cầu sử dụng khí hóa dầu lỏng làm nhiên liệu trong sinh hoạt, lĩnh vực năng lượng và nông nghiệp duy trì mức độ tăng trưởng ổn định cho đến năm 2025. Dự báo đến năm 2025, tăng trưởng nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu từ mỏ tại Việt Nam lên tới 4% mức trung bình hàng năm. Như vậy, tiềm năng tăng trưởng của lĩnh vực kinh doanh xăng dầu trong thời gian tới còn khá lớn, là cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu trong đó có Công ty cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu gia tăng thị phần, phát triển mạnh mẽ để đảm bảo cung ứng nhu cầu tiêu thụ của thị trường trong nước và khu vực đồng bằng sông Cửu Long.

Khó khăn:

Môi trường cạnh tranh ngày càng cao, do sự hấp dẫn của thị trường kéo theo nhiều đối thủ cạnh tranh tiềm tàng của các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu là các doanh nghiệp mới sẽ được thành lập của Việt Nam, các tập đoàn nước ngoài là các hãng kinh doanh xăng dầu nổi tiếng trên thế giới khi có cơ hội kinh doanh xăng dầu tại Việt Nam. Bên cạnh việc tăng thêm số lượng thương nhân đầu mối kinh doanh xuất khẩu nhập khẩu thì năm 2015 là năm đầu tiên đánh dấu việc hình thành các doanh nghiệp phân phối xăng dầu theo quy định tại ND số 83/2014/NĐ-CP, cho đến nay đã có hơn 200 doanh nghiệp phân phối xăng dầu tham gia thị trường xăng dầu trong nước, cạnh tranh lẫn nhau và cạnh tranh trực tiếp với thương nhân kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu xăng dầu về giá bán lẻ xăng dầu.

Xăng dầu là mặt hàng nằm trong diện quản lý bình ổn giá của Nhà nước; giá xăng dầu chưa thực sự theo cơ chế thị trường do Nhà nước vẫn điều hành và can thiệp giá bán để thực hiện các mục tiêu vĩ mô khác. Mặc dù, giá xăng dầu đã được điều chỉnh theo xu thế biến động của giá xăng dầu trên thế giới. Tuy nhiên, mức tăng/giảm giá xăng dầu trong nước nhiều thời điểm không cùng xu thế hoặc có biên độ điều chỉnh không tương ứng với mức tăng/giảm của giá xăng dầu thế giới nên có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ngành công nghiệp dầu khí thế giới và ngành công nghiệp dầu khí Việt Nam nói riêng đang đứng trước những khó khăn, thách thức vô cùng lớn khi phải đương đầu với tác động kép là đại dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 lan rộng, tác động nặng nề đến nhiều nền kinh tế và giá dầu giảm mạnh. Đánh giá tác động của dịch Covid-19 đối với thị trường dầu khí thế giới, Ngân hàng Goldman Sachs dự báo nhu cầu dầu toàn cầu năm 2020 giảm kỷ lục khoảng 1,1 triệu thùng/ngày... Khi mà sức ép giảm giá vẫn đè nặng lên dầu thô do nhu cầu thị trường thì thỏa thuận cắt giảm sản xuất OPEC và Nga không đạt được kết quả, cùng với đó các bên đều công bố gia tăng sản lượng sản xuất trong thời gian tới, chấp nhận giảm giá, đã giáng một đòn mạnh vào thị trường dầu khí, khiến giá dầu liên tục sụt giảm. Cụ thể: ngày

18/3, giá dầu Brent giảm “sốc”, chỉ còn dao động quanh mốc 24-25 USD/thùng. Với tốc độ giảm 7-8%/ngày như hiện nay, giá dầu thô thế giới có nguy cơ giảm xuống mức dưới 20 USD/thùng trong những ngày tới.

Tính từ đầu tháng 02/2020 đến nay, tại Việt Nam do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19 nên nhu cầu đi lại, vận tải giảm mạnh, kéo theo nhu cầu tiêu thụ xăng dầu trong nước giảm khoảng 30% - 40% so với cùng kỳ các năm. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các Nhà máy lọc dầu cũng như các đơn vị kinh doanh xăng dầu trên toàn quốc.

Tình hình thực tế của Công ty:

Trong các năm gần đây, doanh thu và lợi nhuận của Công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Một số dự án lớn công ty đang thực hiện nếu hoàn thiện đưa vào hoạt động sẽ làm tăng quy mô và hiệu suất hoạt động. Cụ thể:

- Tiếp tục đầu tư dự án thành lập “Nhà máy nhà máy chế biến Condensate Nam Sông Hậu Tiền Giang” với tổng mức đầu tư 100.5 triệu USD, công suất nhà máy ước tính sau khi hoàn thành 520.000T Condensate/năm (tương đương 12.415 thùng/ngày).
- Tiếp tục thực hiện các dự án Nhà máy xăng sinh học 100.000 - 150.000tấn/năm ở các tỉnh (Hậu Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng) để nhằm hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận kinh doanh và phục vụ cho nhu cầu sản phẩm tại các địa phương.
- Công ty đánh giá và nhận định trong tương lai hệ thống bán lẻ là một nhánh kinh doanh mang lại hiệu nhất và chiếm một phần không nhỏ trong lợi nhuận của công ty, vì vậy công ty tiếp tục đưa chỉ tiêu trong giai đoạn 2020-2021 sẽ tiếp tục mở rộng và phát triển hệ thống bán lẻ, chính thức đưa vào hoạt động 20 cây xăng bán lẻ, nhằm nâng cao doanh thu và tăng lợi nhuận cho công ty.
- Chỉ tiêu giai đoạn 2020-2021 Công ty đặt mục tiêu đẩy mạnh phát triển lượng lớn khách hàng mới (trong đó: Tối thiểu thương nhân phân phối 03 khách hàng, Đại lý nhượng quyền 60 khách hàng, khách hàng công nghiệp 10 khách hàng và các khách hàng khác) để phát triển và mở rộng hệ thống bán buôn.

Để ứng phó với tình hình khủng hoảng kép do tác động của dịch bệnh và giá dầu sụt giảm, Ban Lãnh đạo Công ty chủ trương tiết kiệm tối đa chi phí để vượt qua giai đoạn khó khăn này, cụ thể thực hiện cắt giảm tối đa các chi phí không trực tiếp liên quan đến sản xuất kinh doanh, ưu tiên cho các chi phí giúp gia tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh; hoãn hoặc tạm dừng triển khai các hạng mục duy tu sửa chữa, bảo dưỡng chưa thực sự cấp bách; tiết giảm tối đa các chi phí công tác, khánh tiết, hội họp, đàm phán với các khách hàng bán

buôn giảm tỷ lệ chiếu khấu..... Công ty cũng tích cực đẩy mạnh các giải pháp phòng chống dịch bệnh như: cấp phát khẩu trang y tế, nước rửa tay cho các phòng ban, các cửa hàng xăng dầu trực thuộc...; thực hiện chế độ làm việc từ xa với một số bộ phận nhằm bảo vệ an toàn sức khỏe, hạn chế sự lây lan dịch bệnh trong cộng đồng và người lao động. Bên cạnh đó, với gần 10 dự án xăng dầu, du lịch, nông nghiệp đang trong quá trình triển khai, dự kiến khi hoàn thiện sẽ đem lại nguồn thu lớn cho Công ty. Năm 2019, Công ty đã thực hiện tương đối tốt kế hoạch doanh thu lợi nhuận đặt ra, một số chỉ tiêu đã hoàn thành vượt kế hoạch đặt ra. Quý I/2020 đã ghi nhận doanh thu thuần của Công ty đạt gần 1,6 nghìn tỷ đồng bằng 13,23% kế hoạch doanh thu cả năm; lợi nhuận sau thuế đạt 23,26 tỷ đồng bằng 15,58% kế hoạch lợi nhuận cả năm. Ngoài ra, với việc đẩy mạnh việc phát triển mạng lưới bán lẻ cũng như mở rộng hệ thống đại lý đại lý phân phối, Ban Lãnh đạo Công ty tin tưởng rằng Công ty hoàn toàn có thể hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đặt ra trong năm 2020.

Để đạt được mục tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức đề ra, một số giải pháp trọng tâm của Công ty trong thời gian tới như sau:

Về hoạt động kinh doanh:

- Xây dựng chiến lược kinh doanh sản phẩm chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường, gia tăng doanh thu và lợi nhuận. Thực hiện tiết kiệm chi phí ngay từ khi giao kế hoạch cho các đơn vị trên cơ sở rà soát kỹ từng khoản mục chi phí. Tiếp tục quản trị chi phí theo từng phương thức bán hàng (bán lẻ, bán buôn, đại lý, tổng đại lý, tái xuất), chi tiết theo từng khoản mục chi phí và từng loại hình kinh doanh.
- Theo dõi sát chính sách điều hành tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước để lựa chọn nhà cung cấp và ký kết các hợp đồng cung cấp nguyên vật liệu với những điều khoản có lợi, hạn chế ảnh hưởng của biến động tỷ giá. Xây dựng phương án sử dụng có hiệu quả vốn từ nguồn tăng thêm.
- Bảo đảm tuyệt đối an toàn trong quá trình sản xuất kinh doanh, tăng cường công tác kiểm tra giám sát về phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường, công tác an toàn tiền hàng, công tác bảo đảm an ninh, an toàn tại tất cả các cửa hàng xăng dầu.
- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thị trường và điều hành của Nhà nước để linh hoạt trong các khâu tạo/cấp nguồn xăng dầu cho các đơn vị kinh doanh; đặc biệt, lượng tồn kho luôn được kiểm soát hết sức chặt chẽ nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do giảm giá hàng tồn kho; tìm mọi giải pháp sáng tạo nhằm duy trì và ngăn chặn đà sụt giảm sản lượng bán hàng; tối ưu hiệu quả kinh doanh trong toàn bộ các khâu pha chế, vận chuyển, giao nhận và tồn chứa.

Về công tác tạo nguồn:

- Cân đối linh hoạt nguồn trong nước và nhập khẩu để có giá vốn tốt nhất. Điều hành nguồn và tồn kho tối ưu, hài hòa mục tiêu, đáp ứng đủ nguồn cho hệ thống phân phối của Công ty, không để tình trạng đứt nguồn xảy ra, đồng thời không bị ứ đọng vốn cũng như hạn chế rủi ro về biến động giá.

- Đánh giá mức độ ảnh hưởng đến khâu tạo nguồn để có các giải pháp phù hợp từ định hướng đầu tư đến tổ chức vận động hàng hóa.

Về chính sách sản phẩm, thị trường:

- Đánh giá và theo dõi thị trường từng khu vực, vùng, miền nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, phân tích các đối thủ cạnh tranh để có chiến lược kinh doanh phù hợp với từng thời kỳ.

- Tiếp tục phân tích vùng và tổ chức thị trường theo hướng ưu tiên phát triển tại các vùng thị trường kinh doanh có hiệu quả, chi phí thấp và nhu cầu tiêu thụ xăng dầu lớn thông qua các chính sách phù hợp như lãi gộp linh hoạt, điều chỉnh giá nội bộ tại các điểm công bố giá,...

- Chú trọng phối hợp với các cơ quan Bộ, ban, ngành từ Trung ương đến địa phương trong việc tiến hành các hoạt động kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh tất cả các trường hợp xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu NSH PETRO trên địa bàn do đơn vị quản lý. Chủ động khai thác giá trị thương hiệu để gia tăng sản lượng bán trên toàn hệ thống đầu tư cải tạo nâng cấp hệ thống nhận diện, mở rộng áp dụng nhận diện đối với đối tượng khách hàng trung thành, ...

Về công tác phát triển hệ thống phân phối sản phẩm:

- Tập trung đầu tư phát triển, nâng cấp hệ thống cửa hàng xăng dầu tại các khu vực có hiệu quả kinh doanh cao.

- Có chiến lược phát triển hệ thống cửa hàng bán lẻ trên đường cao tốc.

- Tiếp tục mở rộng hệ thống các chi nhánh, cửa hàng xăng dầu bằng việc xin cấp phép xây dựng cửa hàng xăng dầu mới, mua lại các cửa hàng xăng dầu cũ

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, CTCP Chứng khoán Dầu khí đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và

quản lý. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà Công ty đề ra trong năm tài chính 2020 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa đảm bảo được mức lợi tức ổn định cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức niêm yết

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty

Không có.

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 (Mười nghìn) đồng

3. Tổng số chứng khoán niêm yết

126.196.780 (Một trăm hai mươi sáu triệu một trăm chín mươi sáu ngàn bảy trăm tám mươi) cổ phiếu

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức niêm yết

4.1. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp

Căn cứ quy định tại Điều 119 Luật doanh nghiệp: “Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận

của Đại hội đồng cổ đông”.

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu thành lập ngày 14/02/2012. Tính đến thời điểm hiện tại (05/2020), cổ phần của cổ đông sáng lập (số cổ phần đăng ký mua tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp lần đầu và đã góp trong thời hạn 90 ngày) đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng. Các cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cổ phần sau ngày 14/02/2015.

4.2. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng tại Khoản 1d, Điều 54 Nghị định 58/NĐ-CP/2012 ngày 20/07/2012

Theo quy định tại Khoản 1d, Điều 54 Nghị định 58/NĐ-CP/2012 ngày 20/7/2012 của Chính phủ về việc Hướng dẫn thi hành một số điều Luật chứng khoán và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo.

Tổng số lượng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên là: 85.033.851 cổ phiếu chiếm 67,38% trên vốn điều lệ của Công ty. Cụ thể: số lượng cổ phiếu của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm Soát, Kế toán trưởng bị hạn chế chuyển nhượng 100% trong vòng 06 tháng kể từ ngày niêm yết và hạn chế chuyển nhượng 50% trong 06 tháng tiếp theo:

Bảng 35: Danh sách người sở hữu cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng

STT	Họ và Tên	Số CMND	Chức vụ	Số cổ phần bị hạn chế trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Số cổ phần bị hạn chế trong 06 tháng tiếp theo
1	Mai Văn Huy	340580655	Chủ tịch HĐQT	84.110.875	42.055.438
2	Mai Hữu Phúc	024141213	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	530.800	265.400
3	Lý Thị Ánh Hồng	092184004923	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	158.376	79.188

STT	Họ và Tên	Số CMND	Chức vụ	Số cổ phần bị hạn chế trong 06 tháng đầu kể từ ngày niêm yết	Số cổ phần bị hạn chế trong 06 tháng tiếp theo
4	Hà Ngọc Thường	092046000126	Thành viên HĐQT	30.500	15.250
5	Mai Văn Thành	092076001147	TGD	56.000	28.000
6	Phan Văn Quang	311556937	Phó TGD	20.500	10.250
7	Trần Quốc Đồi	092077003702	Phó TGD	20.500	10.250
8	Đoàn Thanh Tâm	365782600	Trưởng Ban Kiểm soát	40.300	20.150
9	Phạm Thị Kim Bằng	092186004317	Thành viên BKS	5.300	2.650
10	Võ Thị Bông	362356350	Thành viên BKS	10.200	5.100
11	Bùi Văn Ninh	331457798	Kế toán trưởng	50.500	25.250
Tổng cộng				85.033.851	42.516.926

(Nguồn: Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu)

5. Phương pháp định giá

Giá niêm yết dự kiến được tính theo các phương pháp sau:

- Phương pháp giá trị sổ sách.
- Phương pháp so sánh P/B với các doanh nghiệp khác cùng ngành có cổ phiếu đang niêm yết.

5.1. Định giá cổ phiếu theo phương pháp giá trị sổ sách

Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2017, ngày 31/12/2018 và ngày 31/12/2019 của cổ phần CTCP TMĐT Dầu khí Nam Sông Hậu như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2017	31/12/2018	31/12/2019
----------	--------	------------	------------	------------

tính				
Vốn chủ sở hữu	Đồng	546.674.655.501	1.024.022.197.046	1.597.155.814.503
Số lượng cổ phần	Cổ phần	47.390.800	80.000.000	126.196.780
Giá trị sổ sách 1 cổ phần	Đồng	11.535	12.800	12.656
Giá trị sổ sách bình quân	Đồng		12.330	

(Nguồn: BCTC hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018 và 2019 của Công ty)

5.2. Phương pháp so sánh P/B

Chỉ tiêu	CTCP Xăng dầu Dầu khí Phú Yên (PPY)	CTCP Thương mại Dầu khí Đồng Tháp (PDT)	CTCP Vật tư Xăng dầu (COM)
Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2019 (triệu đồng)	129.018,41	988.626,15	444.674,2
Số lượng cổ phiếu lưu hành (cổ phiếu)	8.240.000	87.323.980	14.120.628
Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2019 (đồng)	15.658	11.321	31.491
Giá cổ phiếu bình quân 20 phiên giao dịch gần nhất (từ ngày 18/3/2020 đến ngày 15/4/2020 (đồng))	24.520	12.665	45.973
P/B	1,566	1,1187	1,4599
P/B bình quân (lần)		1,3815	

✓ Phương pháp P/B

$P=B * P/B$ bình quân

Trong đó:

- P: Giá 01 cổ phiếu theo Phương pháp P/B
- P/B bình quân: là hệ số giá chia cho giá trị sổ sách bình quân của các công ty cùng ngành cùng quy mô tương ứng đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh/Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc đang giao dịch trên thị

trường giao dịch dành cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCoM).

- B: Giá trị sổ sách cổ phiếu PSH tại thời điểm 31/12/2019 theo Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2019 của PSH: **12.656 đồng/cổ phiếu.**

Giá cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu Tư Dầu khí Nam Sông Hậu theo phương pháp P/B = $12.656 \times 1,3815 = 17.485$ đồng/cổ phần

- ✓ Phương pháp giá trị sổ sách (BV) bình quân
- Giá cổ phiếu PSH của Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu theo phương pháp bình quân BV = **12.330 đồng/cổ phiếu.**

Căn cứ các phương pháp tính giá trên, mức giá dự kiến trong ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu PSH trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ được tính theo tỷ lệ bình quân của 2 phương pháp như sau:

STT	Phương pháp	Giá cổ phiếu
		(đồng/cổ phần)
1	Phương pháp giá trị sổ sách (30%)	3.699
2	So sánh chỉ số P/B (70%)	12.239
	Giá dự kiến	15.938

Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu đề xuất mức giá niêm yết dự kiến của cổ phiếu PSH tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là: **16.000 đồng/cổ phiếu.**

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài (theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật chuyên ngành nếu có)

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài. Vì vậy, cổ đông là người nước ngoài có thể tham gia mua bán cổ phần của Công ty theo quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành.

Tại thời điểm hiện tại, tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài vào công ty cổ phần đại chúng tuân theo quy định hiện hành tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2004, Thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/8/2015 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của

nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Theo đó, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0% theo Công văn số 3323/UBCK-PTTT ngày 11/5/2020 do Công ty có kinh doanh các ngành nghề sau:

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Kinh doanh xăng, dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm có liên quan - Mã ngành 4661;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (xăng, dầu, nhớt, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các sản phẩm có liên quan) - Mã ngành 4730;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng - Mã ngành 0210;
- Khai thác gỗ - Mã ngành 0221;
- Khai thác lâm sản khác trừ gỗ - Mã ngành 0222.

Tại thời điểm niêm yết, Công ty không có nhà đầu tư nước ngoài sở hữu cổ phần Công ty.

7. Các loại thuế có liên quan

7.1. Thuế liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp

- *Thuế giá trị gia tăng:* Công ty áp dụng mức thuế giá trị gia tăng là 10% theo quy định của Pháp luật
- *Thuế thu nhập doanh nghiệp:* Công ty được hưởng ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi phát sinh thu nhập tính thuế, giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo với thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ và được thay thế bởi Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013. Cục thuế tỉnh Hậu Giang đã có công văn số 774/CT-TTHT ngày 17 tháng 05 năm 2017 về việc ưu đãi thuế TNDN, theo đó nếu Công ty đáp ứng các điều kiện áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Điều 18 thông tư số 123/2012/TT-BTC thì Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện về địa bàn đối với thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu của Công ty. Mặc dù Công ty được thành lập từ năm 2012 nhưng đến năm 2015 Công ty bắt đầu phát sinh thu nhập tính thuế. Vì vậy theo ưu đãi miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 04 năm kể từ khi phát sinh thu nhập tính thuế thì thời gian được miễn thuế TNDN của Công ty là từ năm 2015 đến hết năm 2018. Trong năm 2018 phát sinh thuế TNDN 13 triệu là do việc chuyển nhượng căn hộ A2803 tại quận 8, theo hợp đồng chuyển nhượng số 005438 ngày 25/05/2018. (Đính kèm tờ khai thuế TNDN riêng cho hoạt động chuyển nhượng BĐS). Đối với năm 2019 là năm đầu tiên áp dụng miễn giảm 50% số thuế phải nộp. Thời gian

Công ty được miễn giảm 50% thuế bắt đầu từ năm 2019 đến hết năm 2027.

- *Thuế xuất nhập khẩu:* Công ty kê khai và nộp thuế theo thông báo của Hải quan. Cụ thể đối với xăng thuế suất nhập khẩu là 20%, nếu có Giấy chứng nhận xuất xứ form KV thì thuế suất là 10%; với dầu thuế suất nhập khẩu là 10%, nếu có Giấy chứng nhận xuất xứ form D thì thuế suất là 0%.
- *Các loại thuế khác (thuế môn bài, thuế bảo vệ môi trường, thuế tiêu thụ đặc biệt,...):* Công ty kê khai và nộp theo quy định của Cơ quan Thuế

- 7.2. *Thuế liên quan đến nhà đầu tư, cổ đông của Công ty*

❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

Theo Luật Thuế Thu nhập Cá nhân số 04/2007/QH12, ban hành ngày 21/11/2007 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2009 thì: Thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: Thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức, cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức, cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán): 0,1%⁸
- Kỳ tính thuế:
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
 - Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**

- Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

⁸ Từ ngày 01/07/2015 đến nay, Thông tư 92/2015/TT-BTC sửa đổi quy định về cách tính thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng chứng khoán của cá nhân cư trú. Theo đó, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nộp thuế thu nhập cá nhân theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp của tổ chức đầu tư. Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí – Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Lầu 1 tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3914 6789 Fax: (84-28) 3914 6969

Website : <https://www.psi.vn/>

2. Tổ chức kiểm toán

Công ty TNHH Kiểm toán TTP

Trụ sở chính: Tầng 12 tháp Tây, tòa nhà Hancorp Plaza, số 72 Trần Đăng Ninh, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 7425 888 Fax: (84-24) 3 7578 666

Website: www.kiemtoanttp.com

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Phụ lục II: Điều lệ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu;

Phụ lục III: Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2018 và 2019; BCTC riêng và hợp nhất Quý I/2020.



Hậu Giang, ngày 19 tháng 05 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ DẦU KHÍ NAM SÔNG HẬU

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Mai Văn Huy

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Đoàn Thanh Tâm

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Văn Ninh

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU KHÍ



Nguyễn Hải Văn Chung